

THỦ QUÁN

B ả n T h ả o



tranh Lữ Kiều

■ **Chủ đề đặc biệt về nhà thơ Phan Nhự Thức** với các bài viết của Trần Yên Hòa, Luân Hoán, Phan Xuân Sinh, Nguyễn Liệu, Trần Hoài Thư.& Thơ văn Phan Nhự Thức (sưu tập) ■ **Mục thường xuyên:** Viết Chung, sáng tác mới nhất, đọc sách.....

Tập 27 năm thứ 6 tháng 4-2007

Mới in

Mưa trên sông Dakbla, tập truyện của Nguyễn Lê Uyên. Cây bút rất quen thuộc của Thư Quán Bản Thảo hiện ở VN. Không bán. Dành để tặng thân hữu khi có yêu cầu.

Đốt Tuổi, thi phẩm của Phan Nhựt Thức. Đây là tập thơ được sưu tập từ bản gốc do Ngưỡng Cửa xuất bản tại Quảng Ngãi vào năm 1969. In trên giấy đặc biệt. Không bán. Dành để tặng khi có yêu cầu.

Liên lạc: Phạm văn Nhân:
phamvannhan1942@yahoo.com
hay
Trần Hoài Thư:
P.O Box 58 South Boundbrook, NJ 08880
email: tranhoaithu@verizon.net



THU AN QUAN

Thư Quán Bản Thảo
Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật

Thư Quán Bản Thảo

TẬP HAI MƯƠI BẢY, THÁNG TƯ, 2007

Chủ đề: PHAN NHỰ THỨC

Độc trong số này:

Viết chung: *trang 5* Phạm Ngọc Lư, Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Ng~, Trần Bang Thạch, Cao Vị Khanh.

Trang chủ đề: *trang 47:* Nguyễn Liệu, Luân Hoán, Trần Yên Hòa, Trần Hoài Thư, Phan Xuân Sinh.

Những bài viết của Phan Nhự Thức: *trang 90.*

Sáng tác thơ văn

thơ: *trang 114:* Lâm Anh, Hồ Thanh Ngạn, Đynh Trầm Ca, Hải Phương, Phạm Ngọc Lư, Uyên Hà, Huỳnh Hữu Võ, Hoàng Xuân Sơn, Phương Tấn, Trầm Mặc Hoa Huyền, Nguyễn Hàn Chung, Nguyễn Đức Nhơn, Đoàn Ngọc Kiều Nga, Đoàn Chinh Nam, Khê Kinh Kha, Vương Hồng Ngọc, Lâm Thúy, Phan Xuân Sinh, Cao Vị Khanh, Lê Văn Trung.

truyện: *trang 127:* Nguyễn Lệ Uyên, Thu Hương, Lữ Quỳnh, Trần Bang Thạch, Trần Hoài Thư.

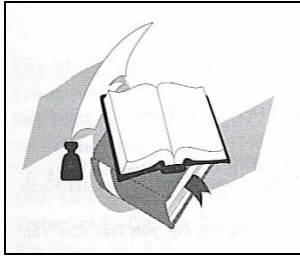
Độc sách: *trang 200:* Phạm Văn Nhân, Sao Biển.

Tranh bìa: Lữ Kiều

TQBT số 28 phát hành vào tháng bảy, năm 2007. Chúng tôi không nhận bài qua bưu điện. Xin gửi qua email, hoặc CD.

Địa chỉ: tranhoaitu@verizon.net

Phamvannhan1942@yahoo.com



VIẾT CHUNG

PHẠM NGỌC LƯ * TRẦN HOÀI THƯ * PHẠM
VĂN NHÀN * NG~ * TRẦN BANG THẠCH *
CAO VỊ KHANH *

Phạm Ngọc Lư

(ghi chép)

Nén nhang cho người bạc mệnh

Con đường nhỏ trắng xi măng vào nhà cố thi sĩ Nguyễn Nho Sa Mạc ở thôn Bồng Lai khá thơ mộng với hai hàng cau thẳng tắp, những hàng chè tàu trồng đã lâu đời được cắt tỉa tỉ mỉ, công phu. Anh Nguyễn Nho Châu (em ruột của NNSa Mạc) chống gậy ra cổng đón chúng tôi. Châu thoát chết sau cơn bạo bệnh nhưng nay chân tay run rẩy yếu ớt, đi đứng không được bình thường như trước nữa. Ngôi nhà ngói cũ, tường vôi, cột kèo bằng gỗ, nơi mà NNSa Mạc đã sống thuở thiếu thời vẫn không thay đổi mấy qua đặng đặng bề dâu. Thấy chúng tôi đến, mẹ anh bật khóc khiến mọi người rơm rớm nước mắt theo. Đa số anh em chúng tôi đều đã mất mẹ từ lâu nên rất bồi hồi khi bất ngờ được thấy thân mẫu tác giả Vàng Lạnh còn tại thế. Châu cho biết, bà cụ sinh năm 1910, Tết Đinh Hợi này đã 98 tuổi, tuổi đại thọ. Đây là bà mẹ quê chơn chất nhân hậu đã sinh ra một nhà thơ trẻ tài năng và chính NN Sa Mạc đã rưng rưng nhắc đến trong bài Cuộc đời :*Mẹ già ăn khoai sắn / Nuôi con lớn chùng này / Đời vẫn còn tay trắng / Nuốt từng quả đắng cay.* Chúng tôi đặt ít lễ vật đạm bạc lên bàn thờ anh cùng với tập *Vàng lạnh và Thư Quán Bản Thảo số 26* do cơ sở Thư Ấn quán của Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhân ấn hành "như là một tấm lòng... về một nhà thơ tài hoa bạc mệnh". Trước di ảnh của NN Sa Mạc, Uyên Hà đại diện anh em, đốt nhang, rót rượu và "thưa" với anh về những

gì mà lâu nay các thân hữu trong nước và ngoài nước đã làm để phục hồi tên tuổi của anh và thơ anh, dầu rằng hơi muộn nhưng chắc rằng hôm nay, trong ngày giỗ thiêng liêng này, hương hồn anh sẽ toại nguyện... Nhìn lên ảnh NN Sa Mạc, chúng tôi thấy anh đang cười, cười nhưng có vẻ còn suy tư gì đó...

Rất tiếc chúng tôi không thể đến xã Điện Nam, cách Vĩnh Điện hơn 10 cây số để viếng mộ anh, xem nơi anh yên nghỉ đời đời có đúng như anh từng linh cảm khi còn sống : *"Máu sẽ khô xin tìm này đưng rưng. Giữa hư vô phần mộ nhỏ yên nằm"*.

2.

Mấy năm nay quán cà phê Thạch Trúc Viên của Đình Trầm Ca ở Vĩnh Điện đã trở thành nơi thảnh thơi gặp nhau của một số bạn bè văn nghệ gần xa, cũ và mới. Quán được kiến trúc và trang trí rất thơ mà cũng rất dân gian : hầu như toàn thể đều bằng vật liệu mây tre nửa lá; tả hữu lại có mấy cánh đồng lúa xanh và những lũy tre già phớt cảnh. Mới tháng trước, Lê Văn Trung từ Đồng Nai mang tập thơ Cát Bụi Phận Người của mình về đây giới thiệu, đồng đảo bằng hữu đã đến tham dự. Chiều nay, nhân ngày giỗ thứ 43 của NN Sa Mạc, cũng ở Thạch Trúc Viên, lại tề tựu một số bạn văn chương cùng thời, bạn đồng môn và những người yêu thơ NN Sa Mạc ở Điện Bàn, từ Đà Nẵng vào, từ Hội An lên cùng với các người em trai em gái và bà con của anh.

Đình Trầm Ca dẫn chương trình, chậm rãi, trang trọng. Trước chân dung NN Sa Mạc có tập Vàng lạnh, TQBT 26, hoa và rượu. Sau khi "tương tiến tửu" hương hồn cố thi sĩ, NN Châu thay mặt gia đình tri ân mỗi thâm

tình văn chương mà bằng hữu gần xa đã dành cho anh mình. Tựa hai tay vào chiếc gậy để giữ thế đứng, giọng Châu nghẹn ngào cảm xúc khi kể lại thời niên thiếu của NN Sa Mạc cũng như cái chết bất ngờ của anh trai mình, *"... cả đêm hôm đó, không hiểu sao tôi cứ bồn chồn không ngủ được. Sáng hôm sau, tôi còn nhớ, đó là buổi sáng ngày chủ nhật, trên bộ phận giữa nhà, ba tôi và bác tôi đang ngồi uống trà chờ anh Bửu ở Đà Nẵng về ăn Tết... 8 giờ sáng có người ở Đà Nẵng đạp xe vào báo tin anh Bửu đã chết... Ba tôi ngã xuống đất bất tỉnh, còn bác tôi nằm ngửa ra giữa nhà kêu trời than khóc..."*. Có lúc giọng Châu trở nên khảng khái hùng hồn khi anh phản bác một cây bút của miền Bắc sau 1975 đã viết rất sai lệch và xuyên tạc NN Sa Mạc. Anh nói, *"cũng may, bây giờ cha con tôi không còn nóng nữa, bằng không, nhà văn nọ sẽ "mệt" với tôi"*.

Sau những năm dài lặng lẽ làm ăn, bước vào tuổi lục thập, bỗng dưng Uyên Hà "nổi máu" văn nghệ lại, dĩ nhiên chín chắn hơn, cẩn trọng hơn, chứ không thể tung hô hết mình như thời thanh xuân cùng Phương Tấn, Xuân Thao, Lữ Thứ, Yến Nguyên Thanh... làm Rừng và Vỡ. Có thể nói sự ra đời của Vàng lạnh có sự đóng góp tâm huyết và công sức rất lớn của anh, sau khi nghe anh Luân Hoán gợi ý. Khi nhận được 2 tập Vàng lạnh do TH Thư và PV Nhân gửi về, Uyên Hà đã bỏ tiền ra nhờ người in lại 20 tập nữa gửi cho gia đình NN Sa Mạc như là một nén nhang dâng lên hương hồn cố thi sĩ trong ngày giỗ thứ 43 này. Cũng chính Uyên Hà lâu nay đang xin giấy phép để xuất bản Vàng lạnh; anh nói, *"nếu như cả tập thơ không bị xóa bỏ bài nào, câu nào thì anh sẽ kết hợp với NN Châu để in và phổ biến rộng rãi trong năm 2007 này"*.

Hai mươi tập Vàng lạnh ít ỏi ấy chiều nay được NN Châu "thay mặt hương hồn" anh mình, ký tặng cho những bạn hữu yêu thơ NN Sa Mạc. Rất tế nhị, những người bạn khi nhận Vàng lạnh đều bỏ ít tiền vào bì thư gửi lại cho gia đình gọi là "một chút lòng" để sau này nhang khói cho nhà thơ tài hoa bạc mệnh. Quả như Nguyễn Du đã chiêm nghiệm, xưa nay, "chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau"; từ cái cảm xúc bùi ngùi đó, Vàng lạnh 1, Vàng lạnh 2, Sinh nhật, Mùa xuân của một người và các bài thơ khác lần lượt được các bạn bè tham dự diễn ngâm với lòng băng khuâng, nỗi ngậm ngùi cùng tiếng sáo, tiếng đàn tranh phụ họa. Đặc biệt bài Sinh nhật được đọc và ngâm đến mấy lần. NN Sa Mạc viết Sinh nhật vào tháng 1 năm 1964, trước khi anh từ trần năm ba hôm gì đó thôi, nên có thể đây là bài thơ tuyệt mệnh với hai câu kết gần như là một tiếng than não nuột của một người biết mình sắp tới giờ lâm chung : *"Hỡi ơi khi ở trong lòng mẹ. Ta muốn đi cho trọn kiếp người"*. Theo chúng tôi, Sinh nhật là bài thơ hay nhất trong tập Vàng lạnh.

Thời gian trôi qua nhanh quá, mới đó mà một cái Tết nữa sắp đến, mới đó mà NN Sa Mạc ra đi đã 43 năm rồi, những người bạn còn lại của anh chiều nay cùng nâng ly rượu bồi hồi nhìn nhau : tóc đã bạc, ý chí đã mòn ! Chúng tôi lại nhìn lên di ảnh NN Sa Mạc: chỉ có anh là trẻ mãi, bởi vì anh chỉ *"sống trên đời vừa đúng hai mươi năm"*. Bên ngoài, nắng chiều vàng tươi ấm áp, nắng rơi thẳng vào Thạch Trúc viên, đan vào những bàn ghế mây tre chúng tôi đang ngồi, đọng lại trên chân dung NN Sa Mạc và tập Vàng lạnh. Chiều nay và có lẽ từ nay, Vàng lạnh sẽ không còn "lạnh" nữa. Người bạn ngồi cạnh tôi

chợt nói, "giả như ngày xưa NN Sa Mạc là cử nhân tiến sĩ, hoặc là quan lớn nầy ông lớn nọ thì hôm nay cũng đã vô danh cùng cát bụi. Nhờ có thơ mà tên tuổi anh còn sống. Đó là hạnh phúc của người làm văn chương...". Đúng vậy. Tất nhiên phải là thứ văn chương chân chính, trung thực !

Trần Hoài Thư

Rong Bút

Ngày giỗ

Cuối cùng, TQBT và những tác phẩm sưu tập hoặc tái bản đã đến nơi đến chốn. Với những người đã khuất, luôn luôn là hai tập. Một tập TQBT số chủ đề của người đã khuất, và một tác phẩm của chính tác giả này.

Niềm vui không những ở việc thấy công trình từ không mà có, từ giấc mơ mà thành hiện thực, để những di sản văn học nghệ như không bao giờ tái sinh, nhưng giờ được hồi phục. Niềm vui còn mang ở sự biết ơn.

Bằng chứng những tác phẩm trên chúng tôi đã tìm cách mang và để trên bàn thờ, giữa khói hương nghi ngút, trước tấm di ảnh tác giả. Rằng, thưa các bạn, những người đã có cùng một tuổi trẻ bất hạnh là tuổi trẻ trong chiến tranh, chúng tôi xin dâng lên hương hồn các bạn tấm lòng của những người được may mắn ...

Xin phép với tất cả sự áy náy khi đăng lại một bản tin của người bạn thơ từ trong nước về hai ngày giỗ. Ngày

giỗ Nguyễn Nho Sa Mạc do Phạm Ngọc Lư viết (đăng phần đầu) và ngày giỗ của Vũ Hữu Định do nhà thơ Uyên Hà có nhã ý gửi:

Ngày giỗ Vũ Hữu Định

...Ngày giỗ Vũ Hữu Định năm nay có đông bạn thơ đến dự hơn mọi năm vì trước đó chúng tôi có truyền miệng nhau là tôi sẽ mang copy 2 tập thơ VHD đã được anh em văn nghệ hải ngoại in...

.... Giữa bữa tiệc, tôi đã xin phép hương hồn VHD để đọc bài "Phải sống thế nào cho có ích đây em" trong tập VHD II viết năm 1979. Đa số bạn bè và thân quyến VHD chưa từng đọc hoặc nghe đọc bài thơ này. Mọi người rất vui khi VHD đã có 3 tập thơ được in.

Thay mặt gia đình, chị Vân – vợ anh VHD, đã nói lời cảm ơn bạn bè thân hữu và nhờ tôi chuyển lời cảm ơn đến các anh Trần Hoài Thư, Phạm văn Nhân, Đặng Tiến và bao nhiêu người khác đã đồng lòng giúp đỡ nhiều cách để hai tập thơ ra đời.

...Mọi người tề tựu ăn cỗ sang trọng đầy đủ trong căn hộ 4 tầng không khỏi ngậm ngùi khi chị Vân kể chuyện ngày một bà chị của chị thuê xe lam chở anh VHD về (đã chết) và mọi người chỉ gom được một số tiền nhỏ chỉ bằng 1/2 giá chiếc hòm, rồi ngồi bó tay không biết làm gì hơn trong căn nhà này – nơi mà trước đây là một căn nhà tồi tàn đến thảm hại.

Giờ đây mấy người con VHD đã thành đạt, đời sống gia đình sung túc. (Tin UH)

Nguyễn Nho Sa Mạc

1.

Trịnh Công Sơn qua “Một cội đi về” đưa người nghe về một nơi mà người ta gọi là cội vĩnh hằng, thiên thu, hay bên kia thế giới. Diễm triệu đã thấy rõ ràng qua những lời đầy ảo não và nhuộm màu tôn giáo. Tuy nhiên, không thấy lời nào giúp chúng ta biết khi nào ông lên "chuyến xe trăm tuổi" như Hoàng Trúc Ly đã từng nói về cái chết của mình:

*Rồi mai khởi sự xa đời
Chuyến xe trăm tuổi đưa người nghìn năm
Trăng sao bốc cháy chỗ nằm
Áo xanh mây lá vết bầm núi non*
(Hoàng Trúc Ly, “Vĩnh biệt”)

Dù nhà thơ đã dùng chữ *mai* để nói về sự vĩnh biệt, nhưng nó vẫn không xác định thời điểm nào. Nhà thơ HTL sinh năm 1933 và mất năm 1985. Có nghĩa "mai" là năm ông được 52 tuổi.

Chỉ có nhà thơ Nguyễn Nho Sa Mạc mới là nhà tiên tri huyền nhiệm. Bởi vì khó có ai viết những lời trần trối như thế này:

*tôi gọi nhỏ tên mình sa nước mắt
sống trên đời vừa đúng hai mươi năm
máu sẽ khô xin tìm này đừng rụng
giữa hư vô phần mộ nhỏ yên nằm*
(Nguyễn Nho Sa Mạc, “Xuân của một người”)

Và nhà thơ đã gọi tên mình thật. Gọi cách đây 43 năm, đúng vào lúc anh lên hai mươi tuổi, khi anh đang là một học sinh Đề Nhất trường trung học Phan Châu Trinh, Đà Nẵng.

Nhà thơ Luân Hoán đã kể lại rất chi tiết về sự ra đi của anh như sau. (Tên thật của Nguyễn Nho Sa Mạc là Nguyễn Nho Bửu).

“... Theo lời chủ nhà, Bửu không tỏ vẻ gì khác thường trước khi mất, ngoài việc về nhà hơi muộn hơn thường lệ. Dù muộn, anh cũng chào hỏi mọi người ân cần và không quên cho biết sáng hôm sau sẽ về quê. Gia đình này chỉ có hai vợ chồng và một đứa con vị thành niên. Họ nghỉ đêm ở căn nhà dưới, cũng rất thoáng mát. Người chồng cho chúng tôi hay khuya hôm đó, ông có tình cờ ra sân, ngó vào chỗ Bửu nằm, hơi ngạc nhiên thấy anh đắp chiếu thay vì đắp mền. Ông có đứng quan sát và đã cười trong bụng khi thấy bàn chân Bửu nằm ngoài chiếu, nhịp như đang theo âm điệu của một bài ca nào đó. Tuy ngờ người khách trọ của mình phấn khởi vì ngày Tết sắp đến, nhưng ông chủ nhà cho biết lòng ông có vẻ không yên khi trở lại chỗ nằm, nên chừng một giờ sau, ông lên nhà trên và phát hiện tình trạng không ổn của Bửu...”ⁱⁱⁱ

2.

Thường người ta giải thích khi con người quá đau đớn (tinh thần hay thể xác), thì cái chết được xem như một cách để cứu rỗi. Bệnh hoạn nan y là một.

Nhà thơ NNSM không nằm trong trường hợp của nhà thơ Quách Thoại hay Hàn Mặc Tử mà các sáng tác của họ đã quần quai đến bật máu, phun những tia đau thương để thăng hoa thành những hạt mưa thơ ân sủng. Đọc tập thơ *Vàng lạnh* của anh, không thấy một câu nào về bóng tối từ nỗi đau đớn đến bật máu như Hàn Mặc Tử. Đa số những bài thơ được sáng tác vào lúc anh khoảng 18, 19 tuổi và bài “Sinh nhật”, có lẽ là bài cuối cùng vì thơ ghi tháng giêng 1964, đều là những bài thơ tình và thân phận của tuổi trẻ trong cuộc chiến.

3. Không bệnh hoạn nan y, không ở trong guồng máy, cũng chẳng có một hệ lụy nào để có thể đưa đến sự tự vẫn. Thì chắc phải có một lý do bí ẩn nào khác.

Có phải lý do bí ẩn này ở những bài thơ vào cuối đời anh.

Cái khổ nạn của VN.

Cái khổ nạn ấy đã được một người học trò thi sĩ gánh lấy. Mà gánh rất nặng. Cái "tôi" của nhà thơ trở thành cái chung:

*mẹ dạy tôi làm người
phải yêu thương đồng loại
nhưng bức tường ô nhục
còn mọc lên khắp nơi*

*nên tôi buồn biết mấy
làm người dân Việt Nam
hằn vết thương chia cắt
đớn đau màu da vàng !*

(“Cuộc đời”, trang 16)

hay:

*mình cầm tay muốn khóc
thương những người đi sau
trời Việt Nam giá lạnh
màu chiến chinh thêm sầu*

(“Đêm Vĩnh Điện”, trang 26)

Lời thơ anh là những tiếng kêu trầm thống của một thế hệ không có tiếng nói. Chưa đầy hai mươi tuổi, nhưng anh đã mang nỗi buồn đi trước quá xa.

Thơ anh linh hiển lạ kỳ:

*chiều cuối năm ngồi trên tầng phố cũ
trời quê hương nhiều mây trắng sa mù
hai mươi tuổi những ngày nuôi mộng nhỏ
đã xanh rồi cây trái mọc suy tư*

*thân với máu xin thấp làm sương khói
giữa thời gian tìm vóc dáng con người
vùng tóc đỏ tháng ngày qua cỏ úa
lửa của trời thiêu đốt tuổi hai mươi*

(“Mùa xuân của một người”, trang 57)

4.

Cái chết của anh đã được anh tiên tri, và ứng nghiệm. Với Chúa trong cái khổ nạn bần cùng, thì ở đây, anh cũng chọn tấm chiếu mà đắp phủ như thân phận của tuổi trẻ, của người dân VN trong trận đói năm Ất Dậu hay

trong chiến tranh..

Cuối cùng, anh bỏ giấc mơ in tập thơ *Vàng lạnh* của anh.

Giờ đây, phần mộ đã yên ổn ở quê nhà anh, nhưng tập thơ thì không. Dù chỉ khoảng 70 trang.

Thật vậy, để kỷ niệm ngày giỗ thứ 43 của nhà thơ xứ Quảng tài hoa bạc mệnh, anh em bằng hữu của anh dự trù xuất bản thi phẩm *Vàng lạnh*. Ở Hoa Kỳ, chúng tôi nhận xuất bản để thân tặng thân hữu ở hải ngoại. Đồng thời thực hiện Thư quán Bản thảo số chủ đề Nguyễn Nho Sa Mạc. Nhưng trong nước, khi mang tập bản thảo *Vàng lạnh* đi kiểm duyệt, thì bị cơ quan hữu trách bỏ hẳn một bài. (1). Một bài thơ của người học trò, chưa hề dính líu vào guồng máy!

Hương hồn người khuất có lẽ phải đau xót lắm khi phải đọc tập thơ của chính mình để trên bàn thờ bị cắt xén hay bị thay đổi! Có lẽ vì vậy mà người thân của nhà thơ đã quyết định sẽ không xuất bản, đợi một dịp khác thuận tiện hơn.

(1) Xin được đăng lại bài thơ bị cắt bỏ:

Còn ở đó

*còn ở đó màu da vàng thượng cổ
tổ tiên tôi từ sơ thủy vốn buồn
hai bàn tay đã đào sâu lòng đất
trồng muôn ngàn cây sậy trái tình thương*

với nước mắt đã ươm từng ngọn lúa
thêm mồ hôi thêm mạch sống quê hương
tôi đã thấy ngày Trường Sơn quần quai
ôm cánh tay Việt Bắc khóc đau thương

còn ở đó lời phong dao tình ái
bốn nghìn năm lịch sử chảy trong hồn
đứa trẻ nín vành nôi kêu má má
hình ảnh nào hơn cảnh mẹ ru con

tôi khôn lớn nhìn nỗi buồn đất nước
một giòng sông biên giới hai loài người
nỗi đau đồn chất chồng cao bằng núi
ôi Sài Gòn - Hà Nội cháy trong tôi

Phạm văn Nhân

Tâm sự với Ng~

1/

Bài viết của nhà thơ PNL viết về ngày giỗ của nhà thơ Nguyễn Nho Sa Mạc được tổ chức trong ngôi nhà của anh ở thôn Bồng Lai (đi trong số này). Tôi đọc rất xúc động. Xúc động ở chỗ là mãi đến hôm nay, dù trong cuộc sống có khó khăn từng ngày, nhưng các anh vẫn không quên, và nhớ đến ngày giỗ của NNSM để cùng nhau về thắp cho anh một nén nhang. Một nhà thơ “tài hoa bạc mệnh” của chúng ta.

Và sau đó, anh em cùng nhau trở về quán cà phê: Thạch Trúc Viên ở Điện Bàn của nhà thơ kiêm nhạc sĩ ĐTC để

cùng nhau đọc lại thơ NNSM (trong tập Vàng lạnh) do Thứ Ấn Quán chúng tôi in và phổ biến trong tinh thần bạn hữu.

Lại thêm một nỗi vui nữa, là những gì mà chúng tôi đã làm được, qua những số chủ đề về những nhà thơ, nhà văn thành danh trước 1975 đã được anh em cầm bút trong nước đón nhận trong tinh thần hữu bạn bè như một thuở nào. Như qua những hình ảnh mà nhà thơ Uyên Hà chụp trong ngày giỗ lần thứ 43 của nhà thơ NNSM. Tôi thấy trên bàn thờ, gia đình của nhà thơ đặt hai tập (TQBT 26 chủ đề về NNSM) và tập thơ Vàng Lạnh của anh hai bên tấm hình của nhà thơ quá cố.

Trong bài viết của anh PNL, có đoạn: *"giả như ngày xưa NNSM là cử nhân tiến sĩ, hoặc là quan lớn nầy ông lớn nọ, thì hôm nay cũng đã vô danh cùng cát bụi. Nhờ có thơ mà tên tuổi anh còn sống. Đó là hạnh phúc của người làm văn chương..."*. Vâng, đích thực là như thế, theo tôi nghĩ.

Rồi qua bài viết "rong bút" của anh Trần Hoài Thư, phân tích về cái chết của nhà thơ "tài danh bạc mệnh" này như một tiên tri đích thực về ngày, tháng anh ra đi về cõi vĩnh hằng, qua thơ: *tôi gọi nhỏ tên mình sa nước mất/sống trên đời vừa đúng hai mươi năm/máu sẽ khô xin tìm này đừng rụng/ giữa hư vô phần mộ nhỏ yên nằm*. Lại! Rất lạ về những gì mà anh đã biết trước sự ra đi của anh trong bao nỗi "bàng hoàng" của bạn bè anh nơi xứ Quảng. Và, chúng tôi, làm được những gì cứ làm: như ra những số chủ đề về những nhà văn, nhà thơ trong cùng "một thế hệ chiến tranh" với sự đóng góp bài viết về những nhà thơ, nhà văn tài danh một thời ấy. Bên cạnh, chúng tôi cũng cố gắng in lại từ bản gốc (chỉ sợ mai một

về sau), hay những tác phẩm còn trong “bản thảo” mà chúng tôi có được. Như hôm nay, Thư Ân Quán sẽ in lại tập thơ “Đốt Tuổi” của anh Phan Như Thực và số chủ đề về anh. Bên cạnh những bài viết về PNT, bài viết của anh Phan Xuân Sinh về PNT gửi đến chúng tôi thật cảm động. Cũng như một đoạn văn ngắn của nhà văn Lữ Kiều viết về PNT trước khi đi bài thơ của anh trên số xuân Nhâm Ngọ 2002(Ý Thức bản thảo) mà chúng tôi có được (bài thơ đi trong số này). Mỗi người viết một vẻ, nhưng rất cần thiết cho những nhà phê bình văn học cần có thêm những thông tin...về những nhà văn, nhà thơ trước 1975 ở miền Nam.

Cũng như vào tháng 2 năm 2005, chúng tôi làm số chủ đề: tưởng nhớ nhà văn Y Uyên(TQBT 18). Trong ngày giỗ của anh, anh em cầm bút ở Tuy Hòa cũng về lại ngôi nhà xưa anh ở (Gò vấp) để thắp cho anh nén hương. Và, cũng trên bàn thờ anh, các anh NLU, MVL, BD cũng đặt hai tập TQBT và tập truyện ngắn của anh mà chúng tôi sưu tầm được, in lại với cái nhan: **Tuyển Truyện Thời Chiến.**(các anh đã chụp hình và gửi ra cho chúng tôi).

Những tấm hình ấy đã thật sự làm cho chúng tôi vừa vui, vừa xúc động. Vui: vì dù gì, hôm nay, chúng ta ở xa nhau, nhưng lại rất gần gũi qua TQBT. Xúc động: vì bạn bè đã đón nhận TQBT như một cái gì đó không thiếu được trong cuộc sống hằng ngày. Như nhà thơ HHV ở một thị trấn nhỏ P.R đã gửi điện thư cho tôi và viết: *cố gắng duy trì TQBT..sống mãi..*

Tôi vui, và trang trải niềm vui đó đến cho anh THT, một trong những anh em chủ trương TQBT.

2/

Ng~ thân

Trong tháng giêng năm 2007, tôi lại nhận thêm nhiều tập sách gửi đến tặng. Phải thành thật mà nói nơi thành phố tôi ở- như bạn đã biết- sách báo là chuyện hiếm có ở đây- Nhận được một tập truyện hay, một tập thơ hay là một điều rất thích thú đối với tôi. Biết được như thế, cho nên anh Trần Hoài Thư có đi “ Tây du” hay “ Nam du” cũng thỉnh thoảng gửi tặng cho tôi một vài tập sách, phải nói là hay thì anh THT mới bỏ tiền túi ra mua để gửi tặng. Tôi phải cảm ơn người bạn ‘ già” cùng khổ với nhau một thời khi còn trong quân ngũ.

Trước hết là hai tập thơ của anh **Hải Phương** từ san jose gửi qua.

Tập đầu là tập thơ xuôi (Cảm Ơn Tháng Giêng Biêng Biết Ngực Em Cười). Tập thứ hai là tập thơ lục bát (Một Thiên Thu Với Rộng Tà Áo Bay). Hai tập thơ này đều do Queen xuất bản. Không biết vì sao mà anh Hải Phương “ hứng” cho “trình làng” một lúc đến hai tập thơ trước sau gần một tháng?

Sau khi hai tập thơ trình làng, có nhiều người viết về hai tập thơ này (trên TQBT 26 tôi đã đi bài của Sao Biển viết về tập thơ xuôi mà bạn đã đọc). Ngoài ra, trên tờ báo V. Times số 31 ngày 29 tháng 12 năm 2006 cũng có bài viết của ông Lâm Văn Sang) viết về tập thơ xuôi của Hải Phương như sau (xin trích):

“....Từ lâu lắm rồi tôi mới đọc được một tập thơ như CỐTGBBNEC của Hải Phương.

Những người làm thơ khác ở San Jose (và một phần khác ở hải ngoại, những người có dịp ghé qua thành phố này ra mắt sách của họ), những thi tập khác(cá nhân hay tập

thể) vẫn tạo cho tôi cảm giác bất ổn. Chúng ta vẫn tự hào một cách chung chung về chuyện đã mang cả sinh hoạt văn hoá(văn học nghệ thuật) của miền Nam ra hải ngoại và từ đó đã tiếp tục phát triển sinh hoạt này theo chiều hướng tự do hơn, phù hợp với điều kiện dân chủ ở nước này. Tin tưởng như thế và tiếp tục bịt mắt mình, chúng ta đã đi một đoạn đường khá dài, hơn 30 năm.

Nhà văn Ba Lan Witold Gombrowicz cho rằng văn chương không phải là một xí nghiệp, cũng không phải là một sản phẩm xí nghiệp. Ông đúng. Không phải mọi thứ được in ra đều là tuyệt phẩm. Thế giới chỉ có một số ít nhà văn, nhà thơ nổi tiếng.(Tôi cũng không biết Gombrowicz là ai trong trường hợp này nếu tên không được một nhà thơ Ba Lan nổi tiếng khác, ông Czelaw Milosz nhắc đến). Đường như, liều thuốc ngủ Gombrowicz đã giúp một số người sáng tác nhắm mắt tiếp tục đi tới.

Kế thừa là chuyện dễ nói hơn dễ làm trong văn chương nhắm mắt và bịt mắt. Thế giới thơ ở San Jose đã không tiếp nối trào lưu sáng tác thơ đa dạng ở miền nam trước năm 1975. Đọc thơ ở đây, người ta sẽ kinh hoàng chột nhận ra thế giới thơ từ 1975 cho đến trước đó, năm 1954, đã bị xóa trắng một cách oan uổng. Người ta (tôi) có thể tin theo nhà thơ lưu vong Milosz trong nhận xét: "Những người làm thơ lưu vong thù ghét hiện tại và tương lai; họ hướng mắt về quá khứ".

Quá khứ của người làm thơ ở San Jose là trước 1954, hay đúng hơn là quá khứ thời tiền chiến. Người ta tiếp tục trở về với chuyện thơ vẫn nay đã trở thành một xí nghiệp thơ, sản xuất ra những vần điệu nghiêm chỉnh đóng thành tập.

Hải Phương trong CỐTGBBNEC đã phá cái tập quán thơ xí nghiệp đó.

(hết trích)

Trong bài viết của ông Lâm Văn Sang viết về tập thơ: CỐTGBBNEC. Ta thấy Hải Phương in tập thơ đầu tiên vào năm 1962 (Tuổi tình yêu). Và hai năm sau vào năm 1964 in 2 tập thơ khác (Con đường tình nhân và Giấc ngủ của biển).

Nhưng đó là những tập thơ in riêng của HP. Tôi biết và đã đọc thơ của anh từ năm 1959 trong thi tập: **Tiếng Thơ Miền Trung**. Một tập thơ in chung cùng với nhiều người, mà theo tôi nghĩ là bạn bè của anh thời còn ngồi ghế nhà trường (Nha Trang). Sau này, tôi được biết những người in tập thơ ấy đều thành danh trong làng văn học, hội họa ở miền nam trước 1975. Tôi còn nhớ trong thi tập đó, có: Hải Phương, Từ Thế Mộng, Cao Hoành Nhân, Thanh Nhung, Thương Nguyệt (bút hiệu trước của họa sĩ Trịnh Cung). Và còn nhiều người khác nữa. Trong đó còn có người mẹ của nữ sĩ Thanh Nhung và nhà văn Vĩnh Hảo (lâu quá tôi quên bút hiệu của bà).

Với Hải Phương, một nhà thơ thành danh trước 1975 với dòng thơ lục bát rất Hải Phương...khó có nhà thơ nào...làm giống Hải Phương được. Trước 1975, nhiều nhà thơ có những bài thơ rất hay, nhưng sau này, hình như, thơ của họ như không còn hay nữa. Nhưng, với Hải Phương thì khác...qua ngôn ngữ thơ của anh càng ngày càng “tuyệt”.

....

Một tập thơ nữa mà tôi nhận được của nhà thơ nữ **Lâm Thúy** gửi tặng. Tập thơ mang tên: *Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi*. Có lẽ đây là tập thơ đầu tay của một nhà thơ nữ. Những bài thơ rất bình dị, dễ thương và rất dễ “con gái” ấy đã gây cho tôi một ấn tượng lạ trong thơ của

cô. Mà nhà thơ nữ này lại là “ đồng môn” với bạn đấy, bạn NG~ ạ. Cô cũng tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Cần Thơ, nơi bạn cũng đã học và ra đời làm nghề... “gỗ đầu trẻ” ngày nào.

....

Một tập thơ khác nữa của nhà thơ **Trầm Khanh** gửi tặng. Tập thơ mang tên: *Hồn Chiến Mã*. Tên của tập thơ đã biết nhà thơ là ai rồi. Một người lính cũ làm thơ. Đọc “Hồn Chiến Mã” ít nhiều cũng thấy có ta trong đó, Như: *tàn cuộc ngồi đây một mình ta/ Đồi hoang xa vắng tiếng tù và/ Loài hỏa diều bay về đâu đó/ Đã tàn rồi những đóm châu sa...*

....

Và còn nhận thêm 2 tập “*Văn Học Võ Thuật*” do võ sư **Bắc Phong Từ Võ Hạnh** bên Cali gửi tặng. Từ Võ Hạnh là bạn của nhà thơ Phương Tấn. Đọc : *Văn Học Võ Thuật* tôi mới biết thêm nhà thơ Phương Tấn- còn trong nước- là một võ sĩ nữa. Đọc bài của Phương Tấn: “Trời đất mang mang ai là tri kỷ” trên *Văn Học Võ Thuật* xuân năm 2007 thật tuyệt vời

...

Đó là những tập thơ và tạp chí ở Mỹ gửi tặng. Còn trong nước gửi ra tặng tôi. Thi tập: *Cát Bụi Phận Người*. Đây là tập thơ đầu tay của người bạn thơ thời xa xưa. Nhà thơ **Lê văn Trung**. Do nhà xuất bản Văn Nghệ/thành phố HCM xuất bản. Với anh, tôi có nhiều kỷ niệm, cùng với THT, PCH khi còn ở Quy Nhơn trong căn nhà thuê ở khu 6. vào những năm 1967-68 khi anh đang học sư phạm Quy Nhơn cùng với nhà thơ PCH, nhà văn MƯỜNG MÁN...Cát Bụi Phận Người như là “tâm sự” của anh, sau năm tháng

“gian truân” phủ xuống đời anh. Một tập thơ hay, nhưng đọc, nghe sao buồn quá đỗi.

Ng~.

Cà Kê... Măng khô

Chiều cuối năm mở hộp thư và trong hàng chục lá thư xa gần với những lời chúc đầu năm tốt đẹp. Cô em gái phương xa cũng gửi lời chúc, nhưng dung dị và kèm theo đó là một mẫu viết ngắn của nhà văn Cao Huy Thuần có tựa "Giao Thừa". 16/2 nhằm chiều 30 tết.

Tôi hiểu tâm trạng của cô em lúc này. Lại một cái tết xa quê. Lại những nỗi nhớ ngoay ngoắt. Nhớ về một nơi chốn ruột thịt: con sông, ngọn núi.. với những cọng rau dền, cỏ may, những cánh đồng xanh, những vuông sên và bàn chải và xương rồng và những giọt mồ hôi khốn khó. Những thứ không dễ dứt lìa bỗng dang tay lìa dứt một cách xót xa, đau đến tận cùng nỗi đau. Nơi chốn mới em là kẻ lạ. Nhưng chốn cũ quê nhà đã đẩy em xuống tàu, lênh đêngh, phiêu bạt xứ người. Ngày về cứ xa vắng, xa trong nỗi nhớ mang mang, để khi, trong những ngày cuối năm, một người bỗng nhiên nhớ màu vàng cánh mai quê nhà, đã kêu con gái mua vài cành hoa *forsythia* về cắm trên bàn thờ ông bà (màu vàng của hoa *forsythia* giống như màu vàng hoa mai), và một người thì đọc được ý nghĩ của người kia từ một mẫu viết ngắn để nao nao thương nhớ quê xưa liền gửi "Giao Thừa" về như một sự sẻ chia bùi ngùi. Bất kỳ ai ở vào hoàn cảnh đó, tôi nghĩ

sẽ không thể làm khác được?

Phần tôi mỗi năm vào những ngày giáp tết, cố gắng làm sao để các bạn tôi với bớt đi sự nhung nhớ. Nhưng không thể gửi cành mai vàng rực rỡ ven triền cát Cam Ranh. Một giò phong lan, khóm vạn thọ, chậu cúc đại đoá... lại càng không. Và cuối cùng, từ trong ý nghĩ là chọn món quà nhỏ nhất, gọn nhất, nhờ người mang đi. Cái món đó là măng khô để bạn tôi hầm với chân giò ngày tết quê người.

Năm nay lại được dịp ra Hà Nội trong những ngày cuối cùng của năm. Đặt chân lên đất Hà thành, đầu tiên là tìm chỗ quảng cái túi xách rồi ba chân bốn cẳng phóng lên xe ôm chạy tuốt ra làng hoa đào Nhật Tân. Đường Thanh Niên vắt ngang qua lưng hồ Tây giữa buổi sáng sương đậm và lạnh dừ, trông mặt hồ như nhô cao lên trên. Buổi sáng chứ không là đêm. Giữa ban ngày đục sương chứ không phải là đêm trắng sáng. Nhưng không hề gì, bởi ngó ra mặt hồ tôi lại nhớ ngay đến "Tây Hồ phú" của Nguyễn Huy Lượng:....*Sắc rờn rờn nhuốm thướt chàm xanh, ngổ động biếc chảy lên dòng leo lẻo. Hình lượn-lượn uốn vòng câu bạc, tưởng vừng ngân rơi xuống mảnh thò thò. Dư nghìn mẫu nước trời lẫn sắc; Trải bốn bên hoa cỏ bốn mùa...*và với Phan Kế Bính "Đêm trăng chơi hồ Tây":....*sóng dợn lẫn tăn như hàng trăm hàng ngàn con rắn vàng bò trên mặt nước...* đã học thuộc lòng thời thuở nhỏ. Xưa nhìn hồ Tây bằng chữ. Nay nhìn hồ Tây bằng mắt và chợt nghĩ: Hà Nội mà không có Hồ Tây thì Hà Nội sẽ thành sở rác!

Làng hoa Nhật Tân trong thời khắc giao mùa rực sắc thắm cánh đào trải rộng ra đê sông Hồng ngày nào, giờ bị nhấn lún trong những toà cao ốc nghênh nghệu, khật khưỡng như một vết loang ố, một vết chém ngang đôi gò

má hồng của cô em Hà Thành xinh đẹp. Buồn và một chút xót xa nhói lên. Nỗi buồn này không riêng gì tôi, không riêng gì những ông chủ làng hoa mà còn cho cả các sĩ phu Bắc Hà! Không rõ các cụ Vũ Đình Liên, Nguyễn Tuân, Tản Đà, Vũ Bằng... sẽ nghĩ gì trong khung cảnh này nếu như các cụ còn sống?

Hà Nội đã vội vàng đánh mất vẻ đẹp trời ban tặng!

Mang nỗi buồn lòng sục vào tận các vườn hoa tìm mua hạt giống gửi cho bạn tôi. Ông chủ vườn cười: "Hạt đào tới tháng Tư tháng Năm mới già, nhưng nay ai mà đi trồng đào bằng hạt? Người ta chiết ghép, cấy mô cậu à!" Tôi chưng hửng. Lại lỡ hẹn với bạn tôi đưa giống đến đất khách cho bạn trồng để bớt khát quê. Nhìn làng hoa bị thu hẹp, nhỏ xíu như vuông sân từ tầng cao ngó xuống rồi quay lui với chút ngùi ngùi. Ngùi ngùi cho làng hoa và ngùi ngùi cho bạn tôi không thể giả mã được cơn khát?

Nhìn thấy bộ mặt thần thờ của tôi khi quay về khách sạn, một Receptionist hỏi: ông không tìm thấy? Không. Tôi đã nói hồi sáng rồi, ngoài này không ai trồng đào bằng hạt cả. Nhưng có cách gì để thay cho hạt đào? Ý ông...? Là để tôi gửi cho bạn tôi ở quê người, cuối năm nhìn đào nở như thấy mình đang ở quê nhà? Chịu, tôi không thể giúp ông điều này, nhưng tôi có người bạn, chuyên gia tư vấn quà cáp. Giờ này chị ấy rồi, tôi có thể giới thiệu ông ra chỗ ấy, tôi gọi điện thoại ngay nếu như ông muốn.

Và tôi đã gặp chị ấy khoảng 20 phút sau ở phố Hàng Khay. Khoảng trên 30. Đẹp. Nhân viên của một hãng du lịch nội địa, từng đi nhiều nơi, nhiều nước với khách Tây khách ta, về mặt giao tiếp thuộc loại thượng hạng ngoại hạng, hơn cả các nhà ngoại giao. Đầu tiên là nụ cười nở tròn, còn tươi và xinh hơn cả cánh đào thắm lợt phớt

sương sớm trên má trên môi mắt. Ngồi giải bày công chuyện và tâm trạng rối tung, cuối cùng tôi đề nghị: cô biết chỗ nào có măng khô, loại ngon nhất? Ô, gì chứ măng thì em giúp anh vô tư.

Cô dắt xe, đèo tôi ra chợ Đồng Xuân. Không thấy dấu vết nào của sự cố cháy chợ mấy năm trước. Tất cả đều mới toanh, tấp nập, ồn ào, hả hê mua và hả hê bán. Tôi ngó ngang nhìn dọc và lẻo đẻo bước theo sau như một đứa trẻ con. Tôi lại nghĩ, chớ chi mà mình đang tuổi ba mươi để có thể nghe chút chao động, gợn nhẹ như mặt sóng xao đập bờ cỏ ven hồ khi nhìn thấy tấm lưng thon, bước chân nhẹ như cánh bướm vờn trên khóm hoa rực rỡ. Đôi tay búp nõn thoăn thoắt lựa, thoăn thoắt gói. Nét thon, dáng nhẹ khiến tôi lại nhớ đến bài thơ Gái Bắc của Nguyễn Tất Nhiên. Cái cô Duyên nào đó đã hành hạ anh đến tối tăm mặt mũi chuyện yêu đương hồi còn ở đất Sài Gòn; rồi lại nhớ đến những mẫu chuyện nhỏ cô em gái gom ở đâu đó gửi về (sau khi nghe tôi kể chuyện đi), nói về các anh chàng lỡ tay làm rách váy các cô nàng ở các nước Nhật, Anh, Pháp, Mỹ, Trung quốc, Đài Loan và Việt Nam. Mỗi cô ở mỗi xứ có cách phản ứng khác nhau: người thì bắt mua một bông hồng, người khác thì đưa danh thiếp luật sư của mình, người thì cởi áo tím lấy chỗ rách...để xin lỗi! Còn ở Việt Nam, cô em viết như thế này: *Tại Hồ Tây, một anh chàng thư sinh Hà Nội chẳng may động vào làm toạc chiếc váy ngắn của một em gái Hà thành, chàng này chưa kịp xua tay xin lỗi thì đã thấy quần của mình bị rách tả tơi rồi! Nếu như cô em mách trước cho tôi trước khi đặt chân lên đất Hà thành liệu tôi có gan làm vậy không nhỉ? Chắc là không, bởi ai đó đã nhắc tôi nên đứng xa mà nhìn các cô em má hồng môi đỏ, và tôi chỉ dám nhìn từ xa, gần nhất cũng từ phía sau,*

phía trước cách một sải tay.

Mấy cân măng khô tưởng xồm xàm đầy cỡ lớn, không ngờ được đè ép mỏng tang, gọn như một cuốn sách dày. Cảm ơn cô đến vô cùng.

Còn sau đó là gì nhỉ? Nhớ rồi. Cô chở tôi quành một vòng quanh hồ Hoàn Kiếm. Sự tất bật phố phường đã nhường lại cho mặt hồ tĩnh lặng. Cầu Thê Húc và đền Ngọc Sơn mờ trong khoảng cách xa bằng cái nhú mày của tượng Lý Thái Tổ sát vách bưu điện trung tâm, như muốn hỏi con cháu hậu thế đang làm gì sau gần ngàn năm đất Thăng Long quay cuồng trong cơn lốc trang giành quyền lực, chống ngoại xâm và mưu sinh? Tất cả đều bao phủ, bao trùm lên vẻ trầm mặc của một chùa Trấn Quốc, Văn Miếu Quốc Tử Giám...

Tôi nói với cô bạn nhỏ mới quen, rằng nét cổ kính của một Hà Nội xưa giờ như không còn nữa? Năm cửa ô nay chỉ còn một cửa, nhưng có vẻ như sẽ không tồn tại lâu. Ba mươi sáu phố phường của Thạch Lam đang là vết màu loang ố của một tay hoạ sĩ tồi. Và rồi không hiểu sao, tôi lại lẩm nhẩm mấy câu thơ của Trần Dần: *Tôi ở phố Sinh Từ/ Những ngày ấy bao nhiêu thương sót/ Tôi bước đi/ không thấy phố/ không thấy nhà/ Chỉ thấy muta sa/ trên màu cờ đỏ/ Gặp em trong muta/ Em đi tìm việc/ Mỗi ngày đi lại cúi đầu về...* Cô bạn nhỏ mới quen quay lại nói tôi: đó là thời của cha ông, nay cũng tàn tạ rồi. Và thêm: có vẻ như ông muốn tìm lại chút hương xưa? Tôi sẵn lòng. Tôi mở cở trong bụng, bởi người con gái đi bên cạnh tôi lúc này, hoá ra cũng giữ được chút tâm hồn. Tôi hỏi: món ngon Hà Nội, cô thích nhất món nào? Tôi làm du lịch, nên rất rõ. Cứ theo như cách nhìn, nghĩ của ông hẳn ông muốn tìm lại dư vị ngày xưa? Phở Hà Nội của Nguyễn Tuân, giờ thì rối tung lên. Chả cá Lã Vọng

của Tản Đà nay cũng không ngon lành gì. Tôi đề nghị vòng ra Nghi Tàm ăn cốm làng Vòng uống nước chè xanh. Có một ngôi quán nhỏ bán nước chè theo đúng nghĩa. Không phải là điểm du lịch ấy chứ? Không, quán nghèo của một ông cụ nghe đâu ngày trước cũng hoạt động trong lãnh vực văn hoá văn nghệ, quen biết nhiều văn nghệ sĩ thế hệ trước...

Xe vòng vào những khu phố lạ, ra tới vùng như làng quê. Tiếp chúng tôi không phải là ông cụ mà là một cô cháu nhỏ, nói ông cháu về Thanh ba hôm rồi. Không sao. Chính yếu là uống chè ăn cốm chứ không đi điều tra lý lịch. Cô bé mang ra một ấm đồng dính liền với phần bếp bên dưới. Những trái thông già bỏ vào bếp, nhen lửa. Chiếc quạt tre phẩy qua lại. Khói bay um, thơm hăng hắc. Hơi nóng từ chiếc bếp đồng toả ra ấm gian lều trống mùa đông. Than thông hừng lên, nước re rách tựa tiếng kéo vụng trên chiếc đàn vĩ cầm, vui tai; mà người có tâm trạng như thấy mình đang lơ mơ với khúc trầm, khúc bổng của các nhân vật đã phủ lớp bụi mờ. Cái ấm nước mới lạ. Cứ mỗi lần thay đổi nhiệt độ lại phát ra một thứ âm thanh réo rắc khác nhau. Chừng sôi bùng lên, nghe giục giã như tiếng kèn thúc quân. Tôi lắng nghe và cô gái mỉm cười. Hà Nội bao giờ cũng lạ. Giữa một Hà Nội Ráp Rock âm ỉ có một Hà Nội cổ kính đến vô cùng. Chén nước chè đặc dợn màu xanh trong suốt. Tàu lá sem màu ngọc bích đỡ những hạt cốm xanh. Hương vị của chè, của cốm quyện chặc đầu lưỡi ngọt ngào, ngọt len xuống thực quản. Cô bạn mới giới thiệu những nét đẹp Hà thành, còn tôi thì nói với cô những ký ức xanh trên các trang giấy cho đến khi đỏ đèn...

Trước khi lên tàu, tôi còn kịp gửi bó hoa với tấm danh

thiếp viết vài dòng cảm ơn chân tình. Còn cô cũng kịp nhấn tin "tôi nhớ mãi buổi gặp gỡ bất ngờ ngày hôm qua". Tôi lưu dòng tin nhấn vào máy và sẽ giữ mãi để lâu lâu mở ra đọc và nhớ.

Chờ chi mà ta đang là anh thanh niên tuổi ba mươi? Nhưng khổ thay bánh tàu cứ thu ngắn dần khoảng cách mà thời gian trên mái tóc thì cứ dài ra.

Bạn ơi, món măng hầm chân giò nơi xứ lạ đó có dư vị của Hà Nội và hương gái trinh đất Hà thành. bạn có nhận ra không?

(27/2/2007)

NHỮNG TRANG VIẾT TỪ HOUSTON

Trần Bang Thạch

Thêm một cái tết tha hương

Bạn thân mến xa xôi,

Lâu lắm không có thư gửi bạn. Biết bạn trông nhưng không làm sao được. Hết việc này tới việc kia chúng bám theo mình như hình với bóng. Việc của sở làm thì không chạy được. Tự động bút nó ra thì nhận giấy báo màu hồng mang đến sở xã hội xin tiền thất nghiệp. Còn vài công việc có tính cách văn hóa, xã hội, văn chương văn nghệ mình tự mó tay vào dù có bận cách nào thì vẫn không muốn rút tay ra. Nó là chất bổ dưỡng, là thuốc an thần cần thiết cho cuộc sống rất ư là nhức đầu ở đây. Đi

làm về khuya, ngồi gõ cho xong cái truyện, thấy hạnh phúc làm sao. Mở email, lòng bỗng nhiên vui khi đọc bài thơ mới của bạn hay biết bên đó bạn đã nhận được tờ tạp chí mình gửi. Họa hoằng có một ngày nghỉ cuối tuần để có dịp tham dự một buổi thuyết trình về văn hóa, thấy một ngày có ý nghĩa. Ước chi một ngày có 36 tiếng đồng hồ chờ không phải là 24 để mình được thông thả một chút làm chuyện này chuyện nọ, và để có thể âu ơ ví dầu với bạn cho vui. Nhiều khi tôi nghĩ có người để san sẻ, để trút bầu tâm sự cho cái đầu bớt quẩn cũng là cần thiết. Thiên hạ ở đây với những cái túi đầy tiền, nhất là với những cái đầu đầy chữ nghĩa và bằng cấp chắc cần phải giải quyết mấy cái quẩn này trước hơn ai hết. Ở một nơi xa xôi, đèo heo hút gió ấy chắc bạn không nghe chuyện mới rành rành đây của một nữ phi hành gia có học vị tiến sĩ, nghề nghiệp vững vàng, chồng con đề huề, yêu ngang hông một đồng nghiệp, lại mang tội mưu sát tình địch. Mấy năm trước một nữ nhà sĩ cũng mang tội sát hại ông chồng cũng nhà sĩ bằng chiếc Mercedes. Trước đó đôi năm, một nữ y tá vợ một kỹ sư phục vụ tại Trung Tâm Không Gian Hoa Kỳ, gọi tắt là NASA, trấn nước giết tất cả 5 con ruột trong bồn tắm nhà mình. Cả 3 người đàn bà này đều thuộc giới thượng lưu trí thức và cùng cư ngụ trong vùng gia cư sang trọng bậc nhất Houston là Clear Lake. Tại làm sao vậy? Chất thuốc an thần nào để chữa những cái quẩn này đây? Tôi thì không lo rồi. Đầu óc mình đâu có ngổn ngang trăm mối tơ vò như họ. Cái túi của mình cũng nhẹ hều. Cái đầu mình bình thường, đơn giản lắm. Cố chu toàn những giờ bận rộn ở sở làm. Rồi về nhà vui với con cháu; còn chút thì giờ thì chơi với sách vở, với chữ nghĩa. Những ngày nghỉ

mình có những sinh hoạt bổ dưỡng tinh thần. Và tôi có bạn để tâm sự mà. Phải không bạn?

Bạn thân mến xa xôi,

Hôm nay là ngày hạ nêu. Bên ấy bạn cũng đã đón Tết và Tết cũng đã qua rồi. Xuân là của đất trời mà. Chỉ có cái khác là bạn đón xuân trên quê hương mình. Còn tôi thì đón xuân lữ thứ. Đón mấy mươi cái xuân như vậy rồi! Nhưng chưa hết đâu. Bạn xem có nào lòng chưa? Ở đây mỗi lần tết đến trên bàn cũng có bánh tét, bánh chưng, dưa hấu, bánh mứt, canh mai, canh đào...Có đó mà hương vị ngày tết chẳng thấy nơi mô. Nhớ ngày xưa gần ngày tết, ra tiệm sách mua những tấm thiệp chúc tết đủ màu, đủ cỡ, hình nổi, chữ nổi, lát kim tuyến...rồi về nhà tìm ý tìm lời, nắn nót từng chữ gửi cho thầy cô giáo, cho bạn bè. Tấm thiệp gửi cho cô bồ thì khỏi chê, phải thật là độc đáo, chữ nghĩa phải lú lo tình tứ, có khi phải ướp chút nước hoa, rồi lén trao tay người đẹp. Bây giờ thì theo cái đà ngoài này: gửi cái greeting card từ trước ngày Christmas chúc vừa Giáng Sinh vừa New Year và vừa tết Âm lịch, cho gọn. Gọn nữa là chọn cái thiệp trong hàng chục mẫu có sẵn trên internet, có nhạc hẳn hoi, có cả con lân đang nhảy múa, hay đóa mai đang xòe cánh, click con chuột vài cái là gửi một lần cho cả trăm người. Ngày Mừng Một Tết, muốn gọi chúc tết người này, người nọ, nhưng đang trong sở làm không gọi được; cũng không có ở nhà để nhận lời chúc tết của bạn bè xa láng giềng gần. Con cháu cũng không có dịp đến nhà mừng tuổi ông bà cha mẹ. Mấy bao lì xì có khi trao cả tuần sau tết. Nét đẹp của tết ngày xưa như vậy mà dần dần phai nhạt. Hôm nọ có dịp nói chuyện với một cô em ở Dallas, cô em thuật là cô đang buồn nhớ con đang học

ở xa, vào giờ giao thừa lúc đang nghe Duy Khánh ca bài Xuân Này Con Không Về thì chuông điện thoại reo: thằng con gọi về chúc tết cha mẹ. Nghe tiếng con thì mừng nhưng sau đó thì buồn lắm. Tết nhứt mà không quây quần được bên mâm cơm đầu năm thì vui sao cho được.

Bạn thân mến,

Cứ mỗi lần Tết đến là nhớ câu thơ Thế Lữ để mà buồn thêm: Rũ áo phong sương nơi gác trọ/ Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang. Tôi đã ở trên đất nước này gần bằng thời gian tôi sống trên đất nước mình. Và sẽ sống nơi đây cho hết đời, chắc vậy. Nhưng mà không hiểu sao mình vẫn không bỏ được cái ý nghĩ cho rằng nơi đây vẫn là đất tạm, là một thứ quán trọ. Cho nên cái Tết tha hương nào cũng khiến mình buồn bã vu vơ. Bỗng nhớ mấy câu thơ cũ:

*nên mỗi ngày qua
thêm một nỗi buồn riêng
thêm một chút ngậm ngùi cố thổ
ở ở, đi đi ta làm khách trọ
sớm nắng chiều mưa bóng nhỏ bên đường*

*để mỗi đêm dài điểm cỏ cầu sương
ta mơ làm người Lý Bạch
đề đầu tư cố hương
để thấy hồn mình lượn lờ nơi viễn phố.*

Hôm nào các cố, bạn thử hỏi những người mà bạn quen biết đang sống xa quê hương để xem bạn đếm được mấy người chờ xuân, đón xuân và vui xuân với tâm trạng y chang như thời trước ở quê nhà. Lý do đơn giản là Tết ở

đây là tết ly hương; ngày Tết của mình đâu có nằm trong danh sách những ngày nghỉ lễ của nhà nước. Cho nên ai cũng phải đi cày như mọi bữa. Con cháu ở xa cũng không nghĩ tới việc về nhà ăn tết. Ngày xưa chậm lắm là sau khi đưa ông Táo về châu Ngọc Hoàng thì vợ chồng con cái cũng khăn gói về nhà cha mẹ để đoàn tụ gia đình. Bao nhiêu năm rồi, may mắn lắm có được ngày tết rơi vào cuối tuần thì đi một vòng hội chợ tết để có cảm tưởng mình cũng ăn tết như ai.

Nhưng bạn ạ, nhìn những em bé mình càng thương cảm chúng nó hơn. Các cháu cũng tươi cười nhìn lân, nghe pháo, cũng ríu rít nhận tiền lì xì. Các cháu bây giờ ở đây đâu có biết chờ Tết. Thấy múa lân ngộ ngộ thì cười thôi. Nghe pháo nổ từng tràng dài thì thích thú; đâu biết đấy là những tập tục rất đặc thù thường chỉ xảy ra vào dịp tết đã có từ lâu đời trên quê cha và đã trở thành những sinh hoạt có tính cách văn hóa của nước mình. Điều tội nghiệp khác nữa là các cháu cũng không có cái háo hức của mình thời trẻ. Thời đó "chờ tết" hình như thú vị hơn "ăn tết", phải không bạn? Đứa trẻ thời ấy mỗi năm đón Tết từ đầu tháng Chạp, hay trước đó nữa, khi người người trong gia đình chuẩn bị ăn tết. Thằng bé chờ tết bằng cái đầu mới cắt tóc và mua sẵn một hộp brillantine nhãn hiệu ba con năm màu đỏ hay nhãn hiệu Shanghai xanh lục. Bộ pyjama mới tinh bằng vải sọc đơn sơ xếp dưới gối cho khỏi nhăn. Thằng bé đón Tết qua những đêm ngủ gà ngủ gật nhìn mẹ tráng bánh phồng bánh tráng, nhìn bà gói bánh tết bánh chưng, nhìn chị làm bánh mứt. Đôi guốc vòng có quai bằng mũ trong vắt có vẽ mấy cánh mai vàng cũng đủ làm đứa bé thời đó sung

sống quên ăn, tối nằm ôm đôi guốc, gối đầu lên giấc mơ đẹp mà ngủ. Tôi nhớ năm nào cũng vậy, ba tôi tát đĩa bắt cá, má tôi kho một nồi thịt kho ba rọi với cá lóc và hột vịt để ăn ba ngày tết với dưa giá. Má tôi còn bày trên bàn giữa nhà những chai cam đỏ, cam vàng, xá xí nâu, bạc hà xanh lục... đủ màu, bao quanh mấy chai la ve con cọp cổ cao; bánh mứt thì để trong cái quả rộng cảm xa cừ có nhiều ngăn. Nổi bật vẫn là hai trái dưa hấu to màu xanh cảm thạch với những đường gân trắng có dán hai chữ Đại Kiết lồng vào nhau đặt hai bên bình thủy tinh có cắm cánh mai đầy hoa mới nở. Trên bàn thờ ông bà thì lư hương, chân đèn sáng bóng với mùi hương ngào ngạt. Liễn tết dán khắp các cột nhà, dán trên cả cây dừa, cây cau ngoài sân. Ngày Tết cùng các bạn nhỏ kéo nhau đi trên đường làng, trên đường phố, tay cầm cây pháo chuột, miệng cắn hạt dưa đỏ mồm đỏ miệng. Gặp người lớn khoanh tay cúi đầu mừng tuổi, đôi khi được vài cái lì xì. Ghé nơi này đặt mấy xu trên trái bầu, con cua. Ghé nơi kia xào bài ba lá. Sao mà vui quá chừng. Đứa bé nơi ấy thời ấy ăn tết ăn nhứt thỏa chí thỏa tình. Thời đó đứa bé sống trong cái háo hức chờ Tết và vui Tết của cả làng, cả phố và của cả dân tộc. Tết ngày xưa là tết sum họp, cả nhà đều vui. Có những cuộc vui thâu đêm suốt sáng. Đàn hát, rượu trà, bài cào, tứ sắc. Cho nên người ta nói vui như tết, thật chẳng sai.

Mình thì như vậy rồi. Còn các cháu nhỏ thì ăn tết như thế nào? Các cháu ở đây tuy không cảm nhận được hết ý nghĩa sâu xa và tinh thần dân tộc trong 3 ngày tết, nhưng khi các cháu có dịp cùng vui chơi trong những hội tết được tổ chức hàng năm tại nhiều nơi có đông người Việt thì các cháu đã phần nào sống với văn hóa mình. Các em

thấy, các em thích trong cái chừng mực, cái ý nghĩa nào đó, các em tham gia rồi dần dần các em hiểu và sẽ duy trì nó, tôi mong như vậy. Tôi không thể tưởng tượng ở một nơi nào đó bây giờ, hay ở những năm nào đó sau này tại hải ngoại, không có một hội tết nào được người mình đứng ra tổ chức thì mình ăn tết ở đâu, cụ già dẫn các cháu đi đến đâu để cho ông cháu sống vài giờ với cái tết dân tộc? Không có Hội Tết hàng năm thì ngày tết sẽ âm thầm lặng lẽ trôi qua và các cháu thì không biết Tết Nguyên Đán là gì.

Bạn thân mến xa xôi,

Tết tha hương thì buồn thật, nhưng những cái tết trên quê hương đã một thời in sâu trong ký ức mình cũng phần nào làm lòng mình ấm trong cái lạnh của mùa xuân xứ người.

Thân mến chúc bạn một năm "Vui Như Tết"

Cao Vị Khanh

Nhờ gió đưa duyên... (*)

gởi Phạm Ngọc Lư

Khi tôi có dịp đọc lại thơ anh thì chúng ta không còn trẻ nữa. Đã qua cái thời cứ tưởng thơ chứa đầy thông điệp, thứ thông điệp chuyển giúp giùm nhau tín hiệu của những vì sao cứ nhấp nháy trong cô đơn.

Nguyễn Xuân Sanh. Thư, gởi. Thơ, không gởi.

Vậy mà rồi đọc tập thơ Đan Tâm của anh do anh em

TQBT in lại ở bên này, trước đây mấy năm, bỗng nhiên tôi lại muốn làm thơ gửi anh, gửi cho một người tôi chưa từng quen biết. Bỗng nhiên tôi thấy ngộ ngộ cái kiểu ngu ngơ của những đứa bé đầy ảo tưởng, viết tên tuổi mình lên một mẫu giấy cùn nhét đại vào chai đây kín rồi thả bừa lên mặt biển.

Biển cả thì mệnh mông...

Biển cả thì mệnh mông...

thơ xa mà nỗi buồn kê

hỏi ra mới biết cùng quê Tiên Đường

câu thơ ngắn, tình dậm trường

*sắt son cũng chỉ mình thương nỗi mình (**)*

Biển cả thì mệnh mông. Nhất là thứ biển dữ đã chia lìa một dân tộc. 30 năm nay, anh và tôi ở hai bên bờ biển dữ đó, chúng ta xa lạ nhau cũng đành. 30 năm trước đó nữa, chúng ta cũng không có dịp quen nhau, anh ở tận đâu ngoài trung, tôi ở tuốt dưới miền tây mù mịt. Anh đã vẩy bút thơ thần, tôi thì cứ bận thần thờ với mấy cái phận mỏng cánh chuông... Và ở giữa chúng ta, còn cái biển dữ chiến tranh đã nhận chìm hết mọi dự phóng thanh xuân.

Vậy mà đọc thơ anh rồi tôi lại tưởng như chúng ta có một người quen chung. Nguyễn Du. Đọc thơ anh rồi, tôi lại nhớ Nguyễn Du vô hạn. Và hổng chừng nhờ có Nguyễn Du mà sóng biển đã đưa thơ tôi về tới tay anh. Và như vậy mà sóng biển mang lại cho tôi thơ anh làm tặng. Đọc thơ anh rồi lại thấy có mình ở trống. Y như cái ngày Đạm Tiên hiện về báo mộng cho Kiều trong sổ đoạn trường đã có tên ghi

*tương đồng một lớp tài hoa
một thầy Bạc Mệnh chắc là đồng môn
truy nguyên gốc gác ngọn nguồn
không Tâm Dương cũng Tiền Đường đó thôi
trầy chung khúc Vận khúc Thời
cùng tang thương gánh mệnh trời oái ăm
xa người muôn dặm phong vân
dang tay ta chịu Phong Trần đóng đinh
mượn thơ chôn khối u tình
người đầu trắng ẩn nhận mình cùng quê (***)*

Cùng quê ? Ở thì còn quê nào khác ngoài cái quê cùng-đường-bạc-số ! Cái quê không chéo đất dung thân của cả một-lửa bên-trời-lặn-đặn. Cái quê có những bến-tâm-dương lau lách quạnh hơi thu, có những sông-tiền-đường mệnh mông trông với con nước ... Cái quê của những-đạm-tiên nửa-chừng-xuân gầy cánh, của những-thúy-kiều xưa-rủ-là-phong-gấm, mà nay tan-tác-hoa-giữa-đường... Quê của một loại người sinh ra làm thi sĩ khi mặt đất đã khô hạn và những nhàn nguyệt quế đã rụi tàn.

Quê nào anh hử. Đã có chốn nào vốn dĩ thiệt là quê ta - quê hương với cái nghĩa cứ mang và cái tình âu yếm nhất. Đã có lúc nào chúng ta thôi khốn khó ngay trên chính nơi chốn đã sinh ra. Đã có lúc nào, anh và tôi và bạn bè cùng lứa đã được ru hời trên nôi vông quê hương. Hay ngay chính trên quê hương mà chúng ta đã biết thế nào là bạc bẽo, là oan ức, là bầm dập, là tủ nhục, là lưu đày. Bài thơ đầu tập Đan Tâm có tựa là Đất trích, chắc có xa xôi gì đâu với đất đá Dạ Lan. *Bốn phía rừng xanh màu nước độc...*

Thử tưởng đến cái ngày Lý Bạch bị đưa ra khỏi hoa lệ Trường An, đọa lạc giữa sơn cùng thủy tận ! Thử nghĩ đến ngày một người làm thơ chân thật bị tước đoạt hết giấy bút, lột trần hết mọi mơ mộng rồi nhét vào tay lưỡi cuộc cán trục, đẩy xuống lợi sì sụp giữa những luống sinh oan khổ ...

Thử tưởng lại...

Thử tưởng lại...

Buổi sớm ngày 1 tháng 5 năm 75, trời vùng biển mù sương. Tôi theo mấy người bạn đi trình diện những người thắng trận. Điểm tập trung là khuôn viên của một công thự nằm kề bên cửa vịnh. Trời chưa chịu sáng, gió sớm mặn mùi muối biển thổi rất mặt mày. Ai nấy lặng thinh, lặng thinh vì không có điều gì để nói hay có quá nhiều điều không nói được...

Vậy đó, rồi có ai đọc Kiều, Kiều của Nguyễn Du, trong ánh sáng lơ mơ làm lộ mặt người, thử ánh sáng màu đồng đen trên bức phù điêu The gate of Hell của Rodin, giọng ai trầm nghe vừa ai oán vừa châm biếm làm sao ... hàng thần lơ lảo phận mình ra chi

Chắc anh cũng giống như tôi, buổi sáng hôm ấy, từ một chỗ nào đó ở phía nam vĩ tuyến 17, anh đã hiểu thấu thế nào là hai chữ lơ-lảo, hàng-thần-lơ-lảo ! Đúng là chữ nghĩa Nguyễn Du, anh hả.

Anh và tôi và bao nhiêu đồng lứa khác từ đó chịu cùng một cuộc bể dâu. Cuốn sổ đoạn trường trong tay Đạm Tiên hẳn đã dày thêm gấp bội.

Sinh thời, Nguyễn Du đã có lần ngậm ngùi
một phen thay đổi sơn hà
mảnh thân chiếc lá biết là về đâu

Hình tượng chiếc lá tuyệt quá hả anh. Trong cơn gió bụi vô tình, người ta, nhất là thứ người ta có ít nhiều chữ nghĩa có khác gì với chiếc lá bị rút đột ngột ra khỏi cành. Vốn liếng là mở chữ nghĩa đã trở thành vô dụng, tư cách theo lẽ giáo bị coi như phản đạo-đức- cách-mạng... không là chiếc lá bay vật vờ theo gió cuốn thì còn là gì nữa! Thời đó lại là thời đăng quang của bóng tối đem về sự ngu dốt, thời lên ngôi của bất nhân đem về những khuyến-ưng với mã-giám-sinh, cấu kết lại để làm một cuộc trả thù vô tiền khoáng hậu. Mà những người như tôi với anh, cái thứ lãng mạn tiểu-tư-sản thì phải kể là một trong những đối tượng bị săn đuổi đến kỳ cùng. Bánh xe “cách mạng” lăn những vòng quay diên đại, nghiền nát đến tận cùng mọi mầm móng của giá trị nhân bản. Không công khai, nhưng rõ ràng đã có hẳn một chủ trương nhằm loại trừ ra khỏi đời sống cộng đồng một thành phần dân tộc, thành phần học thức bằng thủ đoạn âm hiểm và tàn độc không thua gì mẹ con Hoạn Thư. Trả thù trong sự ganh ghét và tị hiềm. Làm-cho-cho-một-cho-mê-làm-cho-đau-đớn-ê-chề-cho-coi ! Những lệnh lạc ra oai một cách ngớ ngẩn nhằm hạ nhục người tù được gọi “thân mật” là cải tạo viên trong những trại tù được gọi một cách “thân ái” là trại cải tạo của những chú vệ binh ngây ngô sùng-dài-sùng- ngẩn-đi-chân-đất-áo-bỏ-trong-quần-xà-lỏn là những bằng chứng điển hình. Chuyện đã lâu cũng không muốn nhắc lại. Nhưng không nhắc lại làm sao thấu hiểu được tình cảnh của một lớp người mà hồn họ nhạy bén đến nghe được tiếng trở mình

của một chiếc lá thu, mà đời họ trời sinh ra để làm mối tơ duyên cho đời trước còn nối lại với đời sau tiếp nữa. Những người thi sĩ ấy. Hãy nghĩ đến những người thi sĩ ấy trong cuộc đời tàn khốc đó.

Người ta vui, họ vui gấp bội

Người ta buồn, họ buồn gấp nhiều lần

Người ta khổ một, họ khổ mười.

Bởi vì chính họ, vui buồn đau khổ là vui buồn đau khổ cho và cùng thiên hạ.

Người thi sĩ ấy, kẻ khổ nạn, người mang thập tự giá thay cho nhân loại.

Đã có bao nhiêu hồn thi sĩ vất vơ lay lắt trong cái thời quỷ ám đó !

Thử tưởng lại.

Thử tưởng lại.

Nắng tháng bảy đổ lửa lên nhựa đường lỏm chỏm đá sỏi sau nhiều năm không tu bổ, bụi đất bốc lên có vòi mỗi lúc xe qua. Người qua kẻ lại, thất tha thất thểu mua mua bán bán. Con nít trần trụi, mũi nhễu lòng thông, tùm năm tùm ba nơi những quán ăn chờ chực những đĩa cơm bỏ thừa. Lính tráng cũ cụt tay cụt chân bò lết trên lề phố xin ăn. Lính tráng mới xúng xính quần áo mới xênh xang mua “đài” mua máy. Chợ trời RG. Những năm 78, 79.

Sau gần hai năm “cải tạo”, được trả về làm con-người-mới, tôi đã thay đổi chục lần chuyện kiếm ăn. Kéo xe cây, vác gạo, bưng hồ, đào mương, “chạy mánh”... sau hết nghe lời xúi bẩy tôi phóng ra chợ trời, trải chiếu, che dù làm chuyện mua bán ...mạng. Mua bán là mua một bán hai, mua hai bán bốn... Mua bán mà không biết trả giá kỳ kèo thì làm sao bán với mua. Mà lòng tôi, tôi

chưa từng biết trả giá với đời. Tôi mua bán mà đứng
ngồi không yên, mà bằng hăng bó hớ sợ mình bán mắc
người ta giận, sợ mình bán hớ người ta cười.

Anh cũng vậy anh hử. Anh cũng ra chợ. Người thi sĩ ấy.

*ma xui quỷ khiến ra ngồi chợ
bán gió rao trăng.. một núi dừa !
mặt người keo kiệt màu cứt sắt
miệng lưỡi cò kè ngọt lẫn chua*

.....

*không có chỗ chơi sao ra chợ
lăn lóc bon chen mấy đồng dừa
ba tháng bay vèo ba mươi vạn
tính chuyện tiền nong ngỗ chuyện đùa (***)*

Đọc thơ anh, biết anh cũng mang hồn thơ ra lăn lóc chợ
đời, lòng thấy bồi hồi lắm. Ngày xưa đọc Kiều thanh-y-
hai-lượt-thanh-lâu-hai-lần đã lấy làm thương cảm. Ở đó,
mấy chục năm qua, thói đời lộn lạo, thiếu gì một-thằng-
bán-tơ và hăng hà sai-nha-tay-đao-nách-thước, hẳn đã
hơn một lần anh cảm cảnh mình mà thương nhớ Kiều nhi
! Giữa chốn chợ người nơ nhớp đó, có lần nào anh há
miệng cười mà sa nước mắt. Thân-lươn-bao-quản-lắm-
đầu-tắm-lòng-trinh-bạch-từ-sau-xin-chừa !

Trong một lá thư gửi cho bạn, anh đã viết : “mấy thập kỷ
rồi, cái “ thế giới ở đó “ ấy đã giết tuổi thanh xuân đầy
lãng mạn và đam mê văn chương của tôi, có lúc đã biến
tôi thành một cái xác phàm vai u thịt bắp trần trụi, băng
khuâng và u hoài mất ngủ. Cũng may tâm hồn mình
không để bị nhúng chìm, vấy bẩn, ăn dơ...”

Ồ không nhúng chìm nên người thì cương tỏa mà thơ thì
vẫn cứ chấp cánh bay xa, xa lắm lắm

... chiều hôm non nước lặng tờ

*lòng tôi gọt đá đề thơ khóc mình !
đau tay khắc đậm chút tình
mũi dao là lệ nhân sinh ròn ròn
ngàn sau hồn chữ rêu phong
miên man thiên địa ... tắc lòng du du ... (***)
và vẫn nguyên lành đó mấy nét băng quơ của một nét tài
hoa lãng mạn
... ngày về lặng khói im sương
về trong Huế mới buồn buồn Huế xưa
về em gần lệ chưa mờ
về anh tay lạnh thần thờ nâng tay... (***)*

Ồi... “tâm hồn mình không để bị nhúng chàm, vấy bẩn...” Ôi người thi sĩ ấy !

Anh đã sống y như vậy. Tôi biết, dù không quen. Tôi biết, dù 30 năm qua trời đất cỏ cây ở đó còn có lúc xác xơ tro bụi nói gì lòng con người đã lắm phen chìm nổi. Anh đã sống y như anh nói. Tôi biết, dù giữa tôi và anh 30 năm qua không từng liên lạc. Tôi biết vậy, vì tôi đọc thơ anh. Thơ anh là thơ nôi tình, truyền từ nhánh máu của những Nguyễn Du, những Chu Mạnh Trinh, những Cao Bá Quát... những người đã sống và làm thơ như một thi sĩ đích thực, sống và làm thơ chân thật với tình mình đã sống. Thơ anh đã vậy, tình anh không thể khác được. Tôi bắt gặp trong thơ anh, nhất là lục bát, hơi hướm mát rượi của lục bát ca dao cái thuở mẹ ru, về thanh thoát mà tinh tế sợi-tóc-chẻ-làm-tư-làm-tám của lục bát Nguyễn Du với những câu Kiều muôn thuở. Tôi bắt gặp trong anh cái mạch thơ vi diệu của một hồn ly-tao, thứ ly tao đã chìm mình trong nước Mịch La để khỏi lắm bụi lắm. Lục bát của anh làm nhớ một thời phong lưu văn nhã vào

ra là lướt những bậc trang đài... Thơ như vậy làm sao người làm thơ chấp nhận được chuyện nước-đục-bụi-trong dù cảnh có lở-làng đi nữa...

xưa ta cầm tuổi hai mươi

vay em nhan sắc về nuôi tâm hồn

nuôi bao mộng mị vàng son

*một đêm trắng mộng... chỉ còn đan tâm (***)*

đọc thơ mà nghe như có niềm u ẩn cứ chực chờ trào ra năm đầu ngón tay... bất lực.

Nên tôi không lạ khi nghe tin anh

lấy gươm rách che tay

cắm chông gai rào miệng

nhặt nhanh gia tư ít đồ tế nhuyễn

trèo lên xe trâu

lui về quê kiểng

*mài răng gặm nhấm cái thanh bần (***)*

Anh không dám so sánh với Đào Tiềm nhưng tôi tin người-Uyên-Minh đời nào cũng có. Hồn làm ra thơ. Thơ đã vậy thì nguồn hồn đã vậy. Thư giả dối nhưng thơ không giả dối. Hồn không thấy trắng thành đen thì thơ không nói đen thành trắng. Hồn đã không chịu cảnh lòn trôn thì thơ cũng thanh khiết để nói điều chân chính. Đọc thơ anh, càng đọc càng thấy ra cái bóng cô đơn của người thi sĩ, cái giống loài càng lúc càng hiếm hoi.

giỏi giang gì mà tri với ngộ

chỉ biết hôm nay giày rơm áo cỏ

*vinh danh “quân tử cố cùng” (***)*

Tôi viết những dòng này khi năm sắp hết. Nghe tin thiên hạ đang rộn rịp về quê ăn tết lòng không khỏi ngậm ngùi. Người ở đó còn chưa thấy xuân thì người bên này

kéo về thưởng xuân kiểu cỡi-ngựa-xem-hoa rồi tắm tấc khen hoa đẹp thì có khác gì đang đắm bừa lên những phiến đan tâm đẹo tự lòng thi sĩ , 30 năm rồi còn phơi đây ra ở đó.

Thì thôi anh, 30 năm rồi hay 30 năm nữa, cũng có đáng gì so với lịch sử vô thủy vô chung. Tất cả rồi sẽ chấm dứt, cách này hay cách khác. Có còn lại gì không là những dòng chữ tuôn tuôn như máu chảy ròng ròng tự một tấm đan tâm lừng lững.

Mai sau dù có bao giờ...

(*) Buồn tàn đông, Văn Cao

(**) thơ Cao Vị Khanh

(***) chữ nghiêng, thơ Phạm Ngọc Lư



TRANG CHỦ ĐỀ

Viết về Nhà thơ Phan Nhự Thức

NGUYỄN LIỆU * LUÂN HOÁN * TRẦN YÊN
HÒA * TRẦN HOÀI THƯ * PHAN XUÂN SINH *

NGUYỄN LIÊU

Nhớ Nguyễn văn Minh

Tôi biết Nguyễn văn Minh năm 1964. Nhờ cuộc đảo chính năm 1963, tướng Dương văn Minh lật đổ chính quyền Ngô đình Diệm, chúng tôi được ân xá. Lâu lắm rồi, tôi về thăm nhà, thăm quê hương Quảng Ngãi. Ông Phạm đình Nghị, nguyên thầy dạy tôi ở trường trung học Lê Khiết và cũng là người cùng ở tù với tôi ở Côn đảo, được sự đồng ý của trung tá tỉnh trưởng, tổ chức một cuộc nói chuyện giữa tôi với học sinh tại hội trường toà tỉnh. Nói là học sinh trong tỉnh, nhưng thực ra chỉ nói chuyện với số học sinh các lớp lớn tại thị xã. Tôi không có đề tài nhất định, học sinh ứng nói cái gì, tôi nói cái đó. Phần nhiều đề nghị tôi nói về tù, nhất là tù ở Chí hoà và Côn đảo. Buổi nói chuyện rất cởi mở, rất vui, và cũng từ đó, tôi cảm thấy mến hơn thương hơn lớp tuổi trẻ ở quê nhà. Buổi nói chuyện vừa chấm dứt, Minh cùng một số bạn khoảng 10 người gặp tôi. Vóc người nhỏ, ốm yếu, nhưng đặc biệt có cặp mắt to, sáng. Chính cặp mắt to, sáng sắc sảo này đã thu hút tôi, chứ không phải tôi thu hút Minh. Từ đó tôi có thêm một số bạn trẻ, và tôi xem Minh như một người em. Minh thiết tha nói với tôi “Mời anh ra cho biết nhà em.”

Là một cái nhà tranh lụp xụp, sát lề quốc lộ phía bắc ngoại ô thị xã, nơi hết đèn đường. Phòng phía trước còn gọi là nhà trên, giữa phòng một cái bàn vuông, mặt bàn gỗ dộp hết nước sơn, 4 cái ghế đẩy sát vào bàn, có lẽ lâu lắm không có người ngồi. Phía trong sát vách đặt cái bàn

thờ, rất cũ kỹ và sơ sài. Vào trong nữa, một cái giường tre rộng, nơi ngủ, và cái bếp và ăng nước. Có lẽ Minh hơi ái ngại về túp nhà tranh lụp xụp của mình, cho nên tôi nói “tản cư mà ở như thế này là tốt rồi, cha mẹ tôi phải tá túc với bà chị, còn tôi chưa có chỗ ở.” Minh vui vẻ đáp: “Em mời anh ra là ra chỗ này, chỗ riêng của em, chỗ em làm thơ và viết lách anh ạ”. Nơi đây không thuộc về nhà nữa, một tấm ván làm cầu dẫn ra một cái nhà sàn nhỏ. Thật ra như một cái chòi giữ bắp ở nhà quê, nó nằm trên 4 cây trụ chôn dưới vực sâu của cánh đồng bắp, ở đó vừa đủ kê một cái bàn nhỏ và một cái giường 2 người nằm. Tối hôm đó có trăng, cả một cánh đồng bắp rộng, trông ra xa ánh trăng mờ đục nhìn như không có biên giới. Gió thổi mát dưới dưới. Minh pha café rót ra 2 cái cốc lớn, tôi uống café không đường. Rồi Minh bắt đầu kể cho tôi nghe những ngày còn nhỏ khổ cực.

Minh mất mẹ lúc quá nhỏ, cho nên không thể hình dung mẹ như thế nào. Quán người Quảng nam. Từ lúc đi chập chững Minh theo cha đi nhiều chỗ. Minh cũng không biết cha làm việc gì, nhưng không ở một nơi nào lâu, rồi lại phải dời đi nơi khác. Trên đường đi kiếm sống cha Minh gặp người vợ thứ hai và sinh thêm một gái một trai. Minh xem 2 em như em ruột và dì như mẹ. Cha Minh ốm yếu, làm việc không đủ nuôi gia đình, mới mười tuổi Minh phải kiếm việc làm để nuôi thân. Minh rất hãnh diện từ nhỏ đã tự nuôi sống mình, có lúc theo một gánh hát làng để làm những chuyện lật vật trong đoàn hát. “Những ngày đó thật lý thú anh ạ, đúng là giang hồ, nay vùng này, mai vùng khác, có nơi ở lại nửa tháng, các chị các chú trong đoàn, thương em lắm, còn bảo em họ sẽ tập em đóng tuồng, rồi anh biết sao không, gánh hát bị các

gánh khác cạnh tranh, lỗ lã đến nổi tan hàng, có một số đào kép không tiền xe về quê, em lang thang hai ngày mới về đến chợ Hàng chỗ ba em ở.” Rồi Minh kể khi vào Quảng Ngãi, tối tối làm nghề sắp ghế cho người xem chiếu bóng trong một rạp chiếu bóng của người bà con... Minh kể chuyện một cách hồn nhiên, không oán trách, không hận đời, trái lại rất tự hào từ tấm bé đã tạo một cuộc đời tự lập. Nhưng tôi rất cảm động, và cảm thấy mến thương Minh hơn, không ngờ con người học sinh trẻ tuổi ốm yếu này đã trải qua những ngày quá khổ. Minh rất thích thơ, thích làm thơ. Đêm đó tôi được nghe một số thơ của Minh và anh cho biết nếu có tiền sẽ cho in tập thơ với cái đề là lạ, tập thơ “Đốt Tuổi”. Năm đó, anh vừa đậu tú tài bán phần, đang xin dạy ở một trường tư trong thị xã, người ta hứa nhưng chưa có lớp. Sau đó Minh đi lính, rồi làm hội đồng tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian đó, anh làm tờ tuần báo “Trước Mặt” nhờ sự đỡ đầu về tài chánh của ông tỉnh trưởng. Rồi Minh tích cực xây dựng QNNT với chúng tôi. Không còn cách gì tích cực hơn nữa, gần như anh dành hết thì giờ cho công việc giáo dục này.

Minh cưới vợ. Một đêm anh Tạ Ký, Tôn thất Trung Nghĩa, Cam duy Lễ và tôi uống bia ở Chợ Đuối, gần đến giờ giới nghiêm, Ông Chu Tử đột ngột đến, tôi biết chắc có việc gì ông mới đến giờ này. Không bao giờ đông dài, Chu Tử vào ngay vấn đề: “Đây là chỗ anh em, tôi muốn nhờ anh Liệu về nói với Minh, Phan nhự Thức, tôi muốn gả con Ng., con tôi cho nó. Hôm tôi ra thăm trường nghĩa thực của các anh, gặp Minh trong mấy ngày đó tôi thích nó quá, cho nên tôi muốn nó làm rể tôi. Anh Liệu về giải thích cho Minh rõ ý tôi, tôi biết anh em ngoài đó quý

anh lắm, đây là việc hệ trọng nhé anh Liệu, vì tôi có linh tính tôi sắp chết rồi, và trước khi lìa đời tôi muốn con Ng. có chồng.” Tôi ngắt lời: “Tôi làm theo ý anh, nhưng xin anh bỏ cái ý nghĩ sắp chết, anh còn phải sống lâu lắm, anh muốn chết trời chưa cho anh chết đâu, anh bị 6 viên đạn vào đầu mà không chết thì bây giờ chết sao được, hơn nữa anh phải sống để lo tở Sóng Thần chứ, để chửi bọn tham nhũng chứ.”

Tôi về thuật lại không sót một lời. Không cần suy nghĩ, Minh cho biết nhiều lần vào Sài gòn ghé tòa báo Sóng Thần có gặp Ng. có nói chuyện với cô ta, bây giờ ông Chu Tử có ý chân tình như vậy, vả lại cha Minh muốn Minh có vợ, ông bảo trước khi nhắm mắt về với ông bà, ông muốn anh có vợ, vậy thì rất thuận tiện, vậy chấp nhận đề nghị của ông Chu Tử.

Năm 1975, Minh bị cộng sản bắt đi cải tạo hơn 8 năm. Con người ốm yếu da bọc xương vẫn còn tồn tại để về, cũng là điều lạ. Về nhà anh cũng như phần đông anh em khác, phải tiếp tục sống những ngày cùng cực khổ sở, nhưng Minh càng khổ hơn vì anh quá ốm yếu. Minh phải làm những việc nặng nề quá sức anh trong một nhà máy làm nước đá. Và cũng từ đó, người vợ anh thương mến, trong đó có nặng tình ông Chu Tử và người cha đáng thương của anh, bỏ anh để có chồng khác. Tôi, người từ những ngày mới gặp nhau đã xem Minh như một người em đáng kính, đáng thương, một người bạn thân, một đồng chí,... nhưng tôi không phàn nàn Ng, bởi vì một cô gái ở đô thị, luôn luôn chứng kiến những cảnh sống xô bồ, nhất là trong một xã hội nạn tham nhũng lên đến cao độ, một số người giàu có quá nhanh như một phép lạ,

làm cho cô gái này choán vẩn, thì làm sao chấp nhận cuộc sống thiếu thốn của Minh. Đối với Ng., Minh có những đức tính không thể chấp nhận được như hút thuốc rất nhiều, uống rượu nhiều, làm thơ, viết lách chiếm nhiều thì giờ, dao du bạn bè nhiều quá, và nhất là tích cực làm những công tác xã hội, và sau cùng, anh xem đồng tiền quá nhẹ.

Thế mà sau này Minh được một người con gái chấp nhận cuộc đời anh, bao dung anh, dù trong hoàn cảnh nghiệt ngã hơn nhiều. Tôi chưa được gặp người con gái đó để tỏ lòng kính phục, vì cô ta đã thật sự đặt tình yêu thương lên trên hết, vì cô ta hiểu được, chân nhận cái giá trị của Nguyễn văn Minh. Từ đó, tuy vẫn nghèo khổ thiếu thốn, nhưng vợ chồng anh sống rất hạnh phúc, và sinh được một đứa trai. Trong những thư anh viết cho tôi anh cho biết anh thương, quý đứa con trai không còn cách nào diễn tả hết được. Anh đang viết cuốn sách đề là “Đứa con đầu lòng”, bởi vì theo anh, trên cuộc đời này không có cái gì quý hơn đứa con trai đầu lòng. Thế nhưng định mệnh ác nghiệt, anh đang chuẩn bị hồ sơ để đưa cả gia đình đi Mỹ, thì phát hiện bị ung thư yết hầu. Anh viết thư cho biết nếu đến Mỹ kịp, anh hi vọng có thể chữa được bệnh. Nhưng làm sao hiểu được Thượng Đế muốn gì. Sau đó một thời gian ngắn, Minh qua đời. Được tin Minh chết, tôi buồn quá. Minh ra đi bỏ lại những mộng ước chưa thành. Vợ anh viết thư cho tôi kể những ngày cuối cùng của Minh và một bài thơ cuối cùng của anh. Tôi tưởng tôi không còn có thể khóc nữa, nhưng tôi đã khóc suốt mấy đêm, tội cho Minh quá, một cuộc đời nghèo khổ, vất vả nhưng rất nhiều mơ mộng, nhưng mộng chẳng thành, một mơ ước anh thường đề cập là in một

tập thơ nhưng chẳng bao giờ thành đạt. Rồi anh phải bỏ lại một người vợ, nhất là đứa con trai anh quý nhất trên đời, đứa con trở thành một tác phẩm “Đứa con đầu lòng.”

Minh rất nhiều bạn, với người nào anh cũng đối đãi rất nhiệt tình, những người bạn thân gần gũi với anh như anh Chế Quân, người bạn giúp đỡ anh nhiều nhất, người bạn từ thuở còn rất nhỏ, anh Lê văn Nghĩa, anh Trần hữu Huy, Hà nguyên Thạch, Đinh hoàng Sa, Võ hữu Cảnh... Trong số này các anh Nghĩa, Sa, Huy đã qua đời.

Trong khoảng đời sau cùng Minh ở trong một cái nhà nhỏ trong một khu vườn rộng ở rất xa thành phố Sài gòn. Anh cho biết nhờ sự đảm đương của người vợ, anh mới có được mái nhà anh rất yêu thích tuy ở xa Sài gòn. Những tháng sau cùng, không còn đi lại được, vẫn sáng, vẫn chiều, vẫn tối, mọi vật đều nhàm chán, đứng đưng với anh. Rồi những ngày Tết đến, mùa Xuân đến, từ người đến cây cỏ đều đổi thay, khí hậu và vạn vật hình như cũng khởi sắc, cùng với con người trừ riêng anh.

*Vẫn vạt nắng long lanh cùng gió mới
Lá xanh tươi vươn đón buổi khai mùa*

*Cây mai già trở hoa vàng phơi phới
Giọng con cười thơm phức tiếng chào thưa.*

Bệnh càng nặng, càng hành hạ đầy dọa anh. Vợ anh cho tôi biết, anh chịu đựng quá sức, nhiều khi nghiến rần, nín thở, nước mắt chảy dài trên gò má, anh nhất định không rên la, không than thở, chẳng những không muốn để cho con biết, mà còn muốn dấu luôn với chị nữa. Nhiều lúc

nhìn sự cố gắng gần như đứt hơi của anh để không rên la, chị khó chịu quá, chị nói với anh cứ rên lên đi, cứ la lên đi, cứ khóc lên đi, may ra dịu bớt nỗi đau nhức, bớt nỗi cô đơn, nhưng anh vẫn mấy ngón tay bám chặt vào thanh giường, nghiền rần nhăm nghiền mắt chịu đựng, không một tiếng thở than.

*Ta trần trọc suốt đêm dài đợi sáng
Dấu cơn đau vội vả mở tay choàng
Con lên tám mắt cười tròn khoan rạng
Mừng tuổi con ta chúc chóng lớn ngoan.*

Gặp toàn những nghịch cảnh, những trở ngại trên việc sinh nhai. Là một người không có sức khỏe, lại gặp cuộc sống quá khổ cực, rồi lại thêm một vợ, một con, rồi trách nhiệm của người cha, người chồng, làm cho anh ngày càng chơi vơi. Lòng tự ái của con người, lòng thương vợ con không làm cho anh bỏ cuộc, anh đã bán phở, bán hũ tiếu bên lề đường để nuôi con. Anh cần phải sống để làm việc, dù những việc lao động thấp kém nhất, nhưng định mệnh khắc nghiệt với anh, tử thần không tha anh. Vô phương cứu chữa, anh phải chết. Cái chết tiến dần, xâm lấn dần trong người anh. Thật là thê thảm, bởi vì đầu óc anh còn sáng suốt, còn minh mẫn, anh cảm nhận tròn vẹn nỗi đau vỡ kinh hoàng của anh khi anh chết. Với anh, quả thật cái chết là một cái gì huyền bí, bí mật quá, khủng khiếp quá. Cái chết là một đám đen kinh hoàng đột nhiên chụp phủ lên người, rồi đưa đến những hậu quả thê thảm nhất. Và cuối cùng cái chết, là điều loài người không tránh được, liên tục xảy ra, ngoan ngoãn chấp nhận, nhưng không để lại một kinh nghiệm, một hiểu biết gì hết. Minh rùng mình chấp nhận và sợ hãi, vì một điều anh biết chắc là sau khi anh chết, cái gì đến với

người vợ yếu, đến với con thơ anh. Anh không dám nghĩ tiếp, nhưng cái ý nghĩ kinh khủng ấy cứ xâm lấn trong đầu anh, cứ hiện ra rõ rệt như sờ mó được một vật thực trước mắt, vợ anh con anh triền miên trong cuộc đời khổ cực cô quạnh heo hút:

*Đất dẫu cần tre nguyện che măng mọc
Bỗng vô tình định mệnh chém ngang vai
Tre bật gốc rồi gió mưa tới tấp,
Mẹ diu con lằm lũi trọn đêm dài.*

Thưa thật, tôi choán vẩn khi đọc hai câu thơ trên, và tôi khóc ở 2 câu dưới:

*Tre bật gốc rồi gió mưa tới tấp
Mẹ diu con lằm lũi trọn đêm dài*

Tám chữ giản dị “Mẹ diu con lằm lũi trọn đêm dài” là hình ảnh thâm thúy nhất, là bức tranh u buồn nhất của đời Minh, là tiếng than khôn cùng, là một kết quả cực kỳ bi đát. Anh dùng chữ “diu” đặc thể quá, chính xác quá, bởi vì khi anh chết, trong hoàn cảnh cay nghiệt, vợ anh không đủ sức bảo vệ đứa con yêu quý nhất của anh, và con anh còn quá tằm bé, chưa có thể giúp gì cho mẹ. Cho nên mẹ không đỡ được con và con cũng chưa đỡ được mẹ, chỉ nương vào nhau, dựa vào nhau tức là diu với nhau mà sống cho trọn cuộc đời còn lại đơn côi. Chữ “lằm lũi” cho chúng ta thấy hai mẹ con âm thầm sống trong lãng quên, trong cô đơn tăm tối : “Mẹ diu con lằm lũi trọn đêm dài”. Rất nhiều người khi chết họ buồn thật vì là sự vĩnh biệt ngoài mong muốn, nhưng họ có thể an tâm tin tưởng con cái họ vững tiến lên, thế hệ kế tiếp sẽ tốt đẹp. Riêng Phan như Thức Nguyễn văn Minh quá mệt mỏi, không có một chút ánh sáng le lói nào ở tương

lai, cho nên chỉ thấy cảnh đời ở tương lai của vợ con anh vô cùng tăm tối “lầm lũi trọn đêm dài” Tôi đã khóc khi đọc câu thơ trên, bởi vì thật ra nó không còn ở lĩnh vực ngôn ngữ nữa, nó là tiếng khóc, tiếng than, nó là máu từ trái tim của Minh tuông ra rồi chết. Tôi đã đọc những lời thơ cuối cùng của cụ Phan bội Châu, của Cao bá Quát của Lê trung Đình, những lời ngang tàng, hùng hồn tin tưởng ở ngày mai, tôi cũng có đọc Cung oán, Chinh phụ ngâm, Đoạn Trường Tân Thanh và cả Tự tình khúc, đó là những câu thơ hay thật, có khi bi đát thật, nhưng chưa có câu nào làm cho tôi phải khóc như câu thơ của Nguyễn văn Minh

“Mẹ diu con lầm lũi trọn đêm dài” ...Anh Vũ Hồ ơi !
Trần thực Ngữ, Chế Quân, Hà nguyên Thạch ...

Còn 4 đoạn 4 câu nữa, theo tôi là những câu thơ hay. Chúng ta thấy rõ cái thân phận của con người bị bỏ rơi, bị đẩy ra ngoài lề của cuộc đời. Vũ trụ, thời gian, vạn vật luôn luôn vô tình với sự sống chết của con người.

*Trời đất mãi xoay vần nên chẳng biết
Xuân cứ về hoa nắng vẫn long lanh
Mai nở vàng cây đâm chồi lá biếc
Có ngờ đâu mạch đất nứt tan tành*

*Tre chưa già đành chờ ngày bặt gốc
Côi vô thường côi độ lượng bao dung
Biến đất phì nhiêu bón mẳng mới mọc
Đóa tre xanh vươn trọn cuộc vô cùng*

*Thơ ta nguyện rặng từng lời khai bút
Con xếp làm tiền mừng tuổi đầu năm*

*Quấn quýt bên ta vẫn cười vẫn hát
Dẫu nan y bệnh nghe nhẹ ta nằm*

*Mặt trời lên chiếu nắng đời ngà ngọc
Chìm tập chuyền vừa thả một tin vui
Con hãy ra vườn cao tay hái lộc
Cắm vào thơ ta Xuân đỡ ngậm ngùi.*

Mạch thơ vẫn như còn rộn rịp, hồn thơ không phải của người sắp chết. Thế mà Nguyễn văn Minh đã thực sự vĩnh biệt chúng ta!

LUÂN HOÁN

Phan Nhựt Thức Đốt Tuổi Tìm Vui

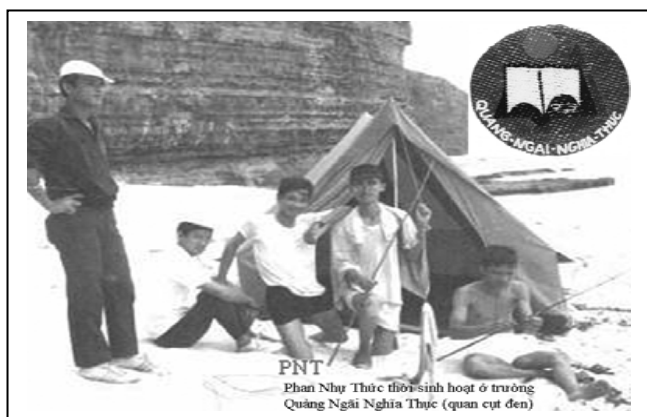
1.

Từ Lăng Cha Cả, cơn mưa nhẹ hạt theo chân chúng tôi đến cổng số 1 quân trường Bộ Binh Thủ Đức thì dứt hẳn. Tờ nhật báo Tự Do và bao thuốc lá ruby vẫn nằm ngoan trong bàn tay phải. Nhưng "gói hành trang bọc nylon" kẹp dưới nách trái suýt rơi khỏi người tôi khi chiếc GMC vừa quay đầu, vừa thắng gấp trước sân văn phòng Liên Đoàn 1.

Đêm. Bóng tối đậm đặc. Không ai bảo ai, chúng tôi cùng á khẩu. Đám người lơ nhố hai bên thành xe cũng câm lặng. Bất ngờ, đêm ngọt xớt vào cái đêm hè mệnh mông, tiếng gọi hỏi mề mọt:

- Có Luân Hoán đây không ?

Tôi thót giật mình, chưa nhận biết ai gọi. Chân vừa chạm



PNT thời sinh hoạt ở trường Quảng Ngãi Nghĩa thực
(quan cụt đen) – Ảnh tư liệu của Luân Hoán

đất, những hình phạt dần mặt đã chen nhau lấn tới, tôi không dám mất tập trung. Bài học đầu ở quân trường thơm mùi đất ẩm.

Rất vừa lòng với mình, không rơi vào những lời xúi ra tranh chức sinh viên báo chí đại đội, tôi giấu luôn những viết lách lãng nhãng ở chặng đời dân sự vừa qua. Nhưng chẳng được mấy ngày, cái giọng hỏi: "có Luân Hoán đây không ?" tìm đến. Lần này tôi đã đánh hơi ra cái mùi núi Ấn sông Trà và nhìn thấy rõ cái vóc dáng thấp nhỏ của một người bạn thơ chưa quen: anh Mê Kung. Lần đầu gặp anh, tôi nghiêm chỉnh chào tay đàng hoàng vì anh thuộc khóa 23, đàn anh.

Mê Kung tên thật Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1943 tại

Đà Nẵng. Học hết cấp tiểu học, anh về quê nội, Quảng Ngãi học tiếp bậc trung học. Bắt đầu làm thơ từ giữa thập niên 60.

Ở quân trường, Mê Kung làm thơ nói về đời sống quân ngũ, và viết nhật ký quân trường đều đặn mỗi tháng cho tạp chí Bộ Binh. Ngoài việc sáng tác, anh còn lo tìm, mời những tay viết vừa nhập khóa 24. Với bản tính vui vẻ, cung cách mềm mỏng, Mê Kung dễ dàng trở thành bạn của nhiều người. Mê Kung cùng Cao Thoại Châu là hai người bạn thơ thân nhất của tôi trong thời điểm này.

Nhiều lần tôi và Mê Kung ngồi sáng đêm ở khu gia binh Thiết giáp. Cũng không ít lần chúng tôi lang thang ngoài chợ Tăng Nhơn Phú. Mê Kung không mấy khi đề cập đến chuyện trai gái. Với anh, lúc nào cũng đầy ắp chuyện làm thơ, làm báo. Cởi mở và chân tình là hai đức tính đã giúp Mê Kung cứu vãn được tình ưa chuộng hình thức, có ít nhiều khoe khoang của anh.

Rời KBC 4100, Mê Kung về phục vụ ở tiểu khu Quảng Ngãi. Làm việc ngay tại tòa tỉnh. Bút hiệu Mê Kung thường bị bè bạn chọc ghẹo, nên anh đã dùng họ của mẫu thân, khai sinh một bút danh mới: Phan Nhự Thức. Khi tôi chọn về Sư Đoàn 2 Bộ binh và có mặt tại Quảng Ngãi, bút hiệu mới của anh đã được trình làng, qua những bài thơ anh đăng trên một số tạp chí ở Sài Gòn.

Phan Nhự Thức đã đưa tôi về ra mắt mẫu thân và mấy người em gái của anh. Gia đình anh sống trong một căn nhà cao ráo, có gác, trên đường phố dẫn vào thị xã. Con đường này cũng là một khúc thân thể của quốc lộ số 1. Thân mẫu anh phúc hậu rất quý mến bạn của con. Mấy người em gái anh rất xinh, nhất là Hồng. Tôi được gia

đình anh mời tạm trú, không phải đóng tiền nhà. Nhưng tôi không cho phép mình hưởng ưu đãi này.

Tại Quảng Ngãi, ngoài Phan Nhự Thức, tôi còn có một số bạn cũ như Trung úy Huỳnh Bá Dũng (ban 3 sư đoàn 2), Trung úy Trần Hữu Lân (ban 4 sư đoàn 2), nhà thơ Đĩnh Hoàng Sa (dạy tại Trung học Trần Quốc Tuấn), nhà thơ Hà Nguyên Thạch (dạy trường Nữ Trung Học), nhà văn Vương Thanh (Trung úy, tiểu khu Quảng Ngãi), Trung úy Lê Văn Nghĩa (Chi đoàn phó Thiết Giáp), họa sĩ Nghiêu Đề. Những người bạn mới tôi được quen biết: nhà biên khảo Phạm Trung Việt, nhà thơ Minh Đường, nhà thơ Trần Thuật Ngữ, Trung úy Trần Anh Lan, nhà thơ Khắc Minh, họa sĩ Phạm Cung, anh Đào Đức Nhuận... Tất cả những người bạn cũ, mới đó đều nòng nân với sinh hoạt văn học nghệ thuật giữa một thành phố đồng phục màu ô liu, nhưng nhúc quân xa, súng đạn đủ loại. Thành phố Quảng Ngãi trong thời điểm này trông giống như một thị trấn trong phim cao bồi. Vẻ thanh bình cùng đến với mặt trời. Mặt trận sẵn sàng mở ra cùng lúc với bóng đêm. Tiếng nổ và máu gần như là những chất liệu căn bản của thơ văn. Hơi thở tình lứa đôi chỉ là một thứ nước hoa

làm nhẹ đi phần nào mùi tanh của cuộc chiến. Trong cái không khí ấy, nếu không tham dự hành quân, tôi thường cụng ly với đám bạn hữu tại khu Trùng Khánh, nơi tôi cùng Châu Văn Tùng, Nguyễn Văn Pháp, Trần Mỹ Lộc có thuê một phòng trọ. Phan Nhự Thức không chiều nào vắng mặt. Anh đến, anh đi trong bộ quân phục ủi hồ, tay xách cặp da, lúc nào cũng nghiêm chỉnh, bận rộn. Anh vẫn công kênh quan trọng như những ngày còn trong quân trường, mặc dù trong cặp anh, có lần anh mở để

khoe với tôi, chỉ vồn vện vài ba bài thơ viết chưa xong, một tập giấy mỏng, đôi ba cây bút màu. Không có hồ sơ hành chánh, không có văn bản quân sự nào liên quan đến nghề tay phải của anh. Các bản thảo của Phan Nhự Thức thật tốt số, luôn luôn nằm thẳng thớm trong cặp da.

Phan Nhự Thức là người thích sinh hoạt. Nhờ có anh đứng ra vận động xin tài chánh, chúng tôi cùng nhau thực hiện được tạp chí Trước Mặt, một tạp chí văn học nghệ thuật đúng nghĩa đầu tiên tại Quảng Ngãi. Tờ báo ra hàng tháng, kéo được chín, mười số thì đình bản. Tiếp nối Trước Mặt, Phan Nhự Thức điều hành tạp chí Tập Hợp. Tiếc rằng cũng chỉ tập hợp được năm, sáu lần chi đó rồi im lặng tan hàng.

Trong thời gian làm báo, Phan Nhự Thức đã chọn lựa trong số bản thảo của anh đủ một số bài ứng ý để hoàn thành một tác phẩm đầu tay. Cũng như nhiều bạn văn khác, Phan Nhự Thức có những bản khoả , lưỡng lự. Thói xấu ưa xúi giục, đốc sử của tôi có dịp ba hoa: "Làm thơ chủ yếu là tìm vui, dẫu thú vui này tiêu pha của mình một số tuổi đời, nhưng đã chơi, còn ngại gì" Như thêm một giọt nước cho tràn ly, Phan Nhự Thức mạnh dạn cho in tập Đốt Tuổi. Tên tập thơ do chính tôi chọn cho anh. Nhiều bạn chê thiếu thi vị, nhưng Phan Nhự Thức rất vừa lòng. Càng làm thơ càng mau già, tuổi cũng là một đơn vị của thời gian, đem tuổi mình ra đổi lấy thơ, không là đốt thì là gì? Thi phẩm Đốt Tuổi tuy không vang được tiếng vang khắp nước, nhưng trong lãnh địa Quảng Ngãi, nhờ nó, Phan Nhự Thức sáng lên rất nhiều.

Sau ba lần có chiến thương cùng anh dũng bội tình, tôi bị

chơi đẹp một lần nữa. Tội nghiệp, lần này tôi cứ luôn một bàn chân. Khi chống nạng đứng giữa sân nhà Khắc Minh vào một ngày đầu xuân, tôi đã khóc ngon lành. Những giọt lệ tôi chảy ra không hẳn vì xót phận, tủ thân mà vì những giọt lệ của Vương Thanh, Phan Nhự Thức, Khắc Minh có mặt hôm ấy, rủ rê, không cầm được. Bạn của tôi, những người đang mặc quân phục, nhưng vẫn giữ được những trái tim mềm ớt, trẻ thơ thế ấy. Cảm tạ đất trời. Riêng Phan Nhự Thức, trong một hơi thơ dài, truy niệm cho nén chân trái tôi, có những câu:

*"Rượu đâu xin hãy tiếp/ hơi bằng hữu đêm nay / trời
bồng bênh nghiêng ngả /bàn ghế say ngất ngây / ai cười
nghe vỡ ã /t hay ta khóc chẳng hay ?/ ôi trong men
chénh choáng / ta bỗng nhớ thương mày / giờ tàn đêm
sắp sáng /ta say người có hay / hơi Luân Hoán, Luân
Hoán / nên buồn hay vui đây ?*

*Ôi đêm nay một mình / trên gác cao / Nghiêu Đề bỏ lại /
tao nhìn rõ bàn tay mày /một lần đấm vai tao /không thù
oán / ôi cái đấm của tình thương yêu / tao nhớ ra cùng
nước mắt..".*

(Chia Buồn, chia vui -Phan Nhự Thức- NHCBCT)

Thì ra, tôi đã có lần, vì lý do gì đó, tức giận, không kèm nổi bản tính võ biền, vũ phu của mình. Nhớ mãi không ra. Lỗi phải thế nào cũng là điều đáng ân hận. "cái đấm của tình thương yêu" sao mà đáng ngờ quá. Nhưng bạn tôi, Phan Nhự Thức, đã độ lượng, thi vị như thế, tôi còn làm được gì hơn là xin lỗi và cảm ơn anh.

Sau ngày tôi từ giả bờ xe gió, cửa đông Sư đoàn 2, các bạn tôi ở Quảng Ngãi nghiêng nhiều về hoạt động chính trị. Nhà thơ Hà Nguyên Thạch gia nhập đảng Dân Chủ

của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, để giữ chức Phó Chánh sở Học Chánh. Nhà văn Vương Thanh (tên thật Trần Hữu Huy) cùng Phan Nhự Thức trở thành nghị viên thành phố. Hoạt động đẹp nhất của đám bạn tôi là thành lập được trường trung học Quảng Ngãi Nghĩa Thục, dĩ nhiên có sự giúp đỡ nhiều mặt của nhiều tấm lòng khác, đặc biệt là anh Nguyễn Liệu. (Anh Liệu tôi được nghe Phan Nhự Thức nhắc và nói đến nhiều, nhưng tôi chưa được gặp lần nào). Trường được xây dựng khang trang, rộng rãi. Ngày khai giảng đầu tiên, tôi được các bạn mời vào chia vui, mặc dù vết thương của tôi mới vừa kín miệng, còn trong giai đoạn băng bó.

Phan Nhự Thức và Khắc Minh lo cho tôi đủ điều trong lần tôi vào thăm Quảng Ngãi này. Một cuộc tình tôi có được với một bóng hồng ở cửa đông, hoa khôi trường nữ, đã chính thức đi qua. Đôi mắt Ba La ấy cùng nụ cười ở lại, núp trong vài luống thơ được bao lâu ? Đêm về mau, nằm giữa tôi và Phan Nhự Thức trong căn phòng ở 43 Phan Bội Châu thân quen là một cõi thơ xa lạ. Phái đẹp ai không là thơ ? Trong tiếng ngáy nhẹ của Thức, tôi trần trở thấy lại mọi nơi, mọi vật, để rồi tự thấy mình đã rất khác, rất lạ với mọi thứ chung quanh. Phan Nhự Thức không có nhiều háo hức về sinh lý, tôi độ chừng như thế. Sáng ra mới biết mình lầm. Anh chỉ nhường ưu tiên cho bạn anh. Một người bạn đã có ít nhiều khác với sự lành lặn bình thường của anh.

Cuộc sống không chậm bước. Tôi về Đà Nẵng tiếp tục làm thơ lãng nhãng phản chiến, lắm cảm tình yêu trong

các bàn tay đỡ dậy của Lê Vĩnh Thọ, Phạm Thế Mỹ, Vĩnh Điện trong lúc Phan Nhự Thức, Dynh Hoàng Sa trở thành ký giả cho vài nhật báo ở thủ đô Sài Gòn. Tôi được tin Phan Nhự Thức lập gia đình với một cô gái có quan hệ phụ tử với nhà văn Chu Tử. Cuộc tình duyên của anh chấm dứt cùng lúc với chế độ anh phục vụ. May mắn cho anh chỉ đi tù ngắn hạn, một điều rất lạ. Có lẽ "ơn huệ" này đã làm anh không hội đủ điều kiện để trở thành một ông H.O sau này.

Những ngày chờ đợi qua nước ngoài, tôi được gặp Phan Nhự Thức thăm lặng, phát phơ tại Sài Gòn. Buổi tiệc tiễn chân tôi, anh vẫn chứng tỏ sự nhẹ nhàng, thanh thản của một tâm hồn đang bị ruồng bỏ. Đi cùng nụ cười rất trẻ thơ là hàm răng chắc mà anh vẫn phàn nàn: "*đánh rã tay, không thấy trắng*" là những gì vẫn đọng sáng trong gia tài kỷ niệm về Phan Nhự Thức.

Trong mười mấy năm xa đất nước, tôi biết tin về Phan Nhự Thức rất ít. Một đôi lần hoạ sĩ Hoàng Trọng Bân, còn kẹt ở Sài Gòn cho biết Phan Nhự Thức đã lập lại gia đình và có được một đứa con. Tôi rất mừng cho anh nhưng vẫn không liên lạc được. Bân cho biết gia đình Thức sinh sống bằng nghề bán bún bò bên lề đường quanh cư xá Tô Hiến Thành. Nhưng địa chỉ thì không rõ. Tôi không biết thời gian này Thức đã mua được hộ khẩu làm thường dân tại thành phố chưa ? Không nắm được hộ khẩu (một loại giấy tương tự như tờ khai gia đình) trong tay chắc chắn sẽ bị "hậu khổ" dài dài, dễ gì có một địa chỉ chắc chắn để liên lạc thư từ. Hơn nữa chạy ăn từng bữa đã là một vấn đề, hơi đâu lãng mạn phí tiền tem thư, giữa thời buổi quốc nội, hải ngoại còn dày đặc những

thấm thính, rình mò, đánh hơi. Phan Nhự Thức lại là người rất tự trọng, không hề nói đến cái tôi của mình, không mấy lo lắng cho chính bản thân anh. Sau sự ra đi vĩnh viễn của Vương Thanh và Đĩnh Hoàng Sa, tôi bất ngờ nhận tin Phan Nhự Thức lìa đời qua điện thoại từ Thái Tú Hạp ở Hoa Kỳ. Tin buồn này làm tôi lững lờ suốt cả ngày. Nguyễn Khắc Ngữ, sử gia. Hoàng Xuân Giang, Hoàng Phúc, nhạc sĩ cũng đã vì ung thư bỏ cuộc, nay thêm Phan Nhự Thức. Cơn bàng hoàng chưa qua khỏi, sáng hôm sau Trần Hoài Thư gọi tiếp, khuôn mặt Phan Nhự Thức lại hiện lên vẫn với nụ cười nhưng sao cứ méo dần về một bên rồi nhạt nhòa chia xa. Trời đang có tuyết bụi, cái lạnh chợt đậm hơn. Tôi ra xe chạy miết mấy giờ liền, không mục đích, không điểm đến, nhưng không qua khỏi *"cái làm sao ấy"* ở trong lòng.

"Khuôn mặt héo, lưỡng quyền nhô cao, đôi mắt đục, mái tóc bù rối, hai hàm răng chỉ còn lại, chiếc lưng còng, dáng người thấp nhỏ, khô đét..." là Phan Nhự Thức dưới nét họa bằng ngôn từ của họa sĩ Khánh Trường, khi anh có dịp ngồi cùng ly với Phan Nhự Thức, chỉ cách mấy tháng trước tác giả Đốt Tuổi qua đời. Phan Nhự Thức chết không chỉ vì bệnh ung thư ở cổ, mà cả cuộc đời anh bị ung thư, như một bạn văn của anh đã nói. Dù cố gắng thả ngọn bút "bằng tất cả nghị lực và niềm tin:" Phan Nhự Thức hẳn không thể giấu được chính mình đang đứng trước lối cụt tuyệt vọng. Giữ được đến cuối đời lòng thanh thản, tính tự trọng không phải là việc dễ làm. Mừng cho bạn đã ra đi. Tiếng nói của bằng hữu dấu vượt được ngàn dặm lãnh thổ cũng chắc gì vượt qua được nghìn trùng âm dương để cho lòng bạn có vài giây ấm lại. Còn làm được gì hơn ngoài thấp một nén hương không khói, không lửa này. Vĩnh biệt.

2.

Người chết sẽ về đâu ? Đến đâu ? Có thật có âm phủ với những chín tầng địa ngục ? Cầu Nại Hà có thật chẳng ? Ngục A Tỳ có thật chẳng ? Những Dạ Xoa, quỷ sứ sẽ làm những gì ? Có bất tập hợp điểm danh ? Có bất khai lý lịch ba đời đầy đủ như những ngày sau tháng 4 năm 1975 tại Việt Nam? Người chết, dù thế nào, có lẽ cũng không có thì giờ để nghĩ, để nhớ về những người bạn xưa. Nhưng với người sống, chuyện này vẫn thường được lặp lại, nhất là khi tuổi đời vượt qua ngưỡng cửa 60. Cá nhân tôi từng ngồi lẫn thẩn điểm danh bè bạn. Bằng hữu tôi có được trong thời kỳ tôi làm dân Quảng Ngãi, những ai còn ai mất ? Hà Nguyên Thạch, vinh hiển rồi bầm dập, bây giờ đang neo chân tại Vũng Tàu. Đĩnh Hoàng Sa đã ra đi vì tim mạch trở chứng. Vương Thanh đã bỏ quên Khu Rừng Mùa Xuân vĩnh viễn. Huỳnh Bá Dũng, Phan Nhự Thức, Nghiêu Đề, Trần Mỹ Lộc, Lê Văn Nghĩa, Minh Đường...nối thêm dài danh sách tử vong. Với không quá 13 người bạn thân quen, tôi đã đánh mất 7 người. Rồi còn tiếp tục mất những ai ? Không có sự ra đi nào thiếu nổi ngậm ngùi. Nhưng cái chết của Phan Nhự Thức có phần chua xót hơn. Sự đau đớn không nằm ở chuyện tử vong, mà nằm ở những ngày cuối chạng đời anh. Trong năm 2000, nhà văn Vũ Uyên Giang, sinh sống tại North Carolina USA có gởi tặng tôi mấy số tạp chí Đất Sống. Tôi bắt gặp trong số 1 phát hành vào tháng 4 năm 2000 bài viết *Nén Nhang Thấp Muộn* của nhà văn Uyên Thao (Vũ Quốc Châu), một cây bút đã nổi danh trong làng báo, làng văn miền nam với các tác phẩm *Những Con Cọp Giấy Cháy Nóng*, *Trống Trận*, *Trong*

Ánh Lửa Thù, Thơ Việt Nam Hiện Đại vv.... Trong bài viết, nhà văn Uyên Thao nhắc qua một vài người vừa ra đi như nhạc sĩ Văn Phụng, nghệ sĩ Hoàng Thu... để rồi viết rất kỹ, rất cảm động về Phan Nhự Thức.

Uyên Thao nhắc lại lần đầu tiên Phan Nhự Thức đến thăm anh tại cư xá Thanh Đa, sau ngày anh được ra tù, năm 1987. Lúc đó theo anh kể, Phan Nhự Thức đã "*xòm hẩn đi*" tạo cho anh cái cảm tưởng Phan Nhự Thức "đi đứng không vững" nhưng vẫn hết lòng giúp đỡ bạn bè. Thức đã hứa sẽ liên lạc với anh Nguyễn Liệu, để vận động giúp đỡ Uyên Thao.

Những tiết lộ của nhiều bạn văn đã cho chúng ta thấy một phần đời của Phan Nhự Thức sau tháng 4-1975, được ghi lại trong bài viết của Uyên Thao:

Họa sĩ Đăng Giao xác định việc bán bún bò ven đường để sinh sống của Thức là có thực, khi anh chỉ rõ cho Uyên Thao địa điểm Thức hành nghề:

"Ô, bây giờ nó bán bún bò bên bờ đường ở khu cư xá Tô Hiến Thành. Ông cứ chạy xuống con đường đâm sang khu Lữ Gia nhìn kỹ là thấy"

Nhà văn Nguyễn Thụy Long thì mách với Uyên Thao:

- "Nó bị ung thư. Không biết đứa nào nói với tao là nó nằm bệnh viện Nguyễn Văn Học. Tao chạy đến tìm nó ngay. Ít ngày sau thì nó chết"

Nhưng tiết lộ của nhà văn Thế Phong cùng Uyên Thao mới là những điều vô cùng chua xót. Tôi xin được phép trích một đoạn dài của nhà văn Uyên Thao:

... "Nhưng tôi không thể xua đuổi khỏi đầu một chi tiết trong những ngày cuối đời của Phan Nhựt Thức. Điều này tôi đã biết một phần qua Thế Phong và bây giờ Nguyễn Thụy Long kể. Tôi nhớ lại lần gặp Phan Nhựt Thức và một nhận xét của tôi khi đó. Tôi thấy anh không ưu tư chút nào về bản thân. Thì ra đó là thời gian anh tin chắc mình sẽ xuất ngoại.

Anh ra tù mấy năm nay và như nhiều người khác, anh đã nộp hồ sơ theo diện HO. Với tư cách người của chế độ cũ - vừa là sĩ quan vừa là nghị viên Hội đồng tỉnh- lại dư điều kiện bị tù 3 năm, nên anh chỉ còn chờ ngày phỏng vấn để chấm dứt mọi thủ tục. Niềm tin của anh trở thành trái bóng xẹp hơi đột ngột.

Trong ngày phỏng vấn mà anh chờ đợi với tất cả tin tưởng, anh đã đối diện với nụ cười khinh miệt của người phỏng vấn anh. Người đó quăng trả anh tờ giấy ra trại kèm theo lời phát biểu:

- Gần hai ngàn năm nay, tôi chưa thấy tháng Hai nào có ngày 30 cả. Ông mua tờ giấy này ở đâu ?

Lúc đó Phan Nhựt Thức mới phát giác ngày tháng ghi trên giấy ra trại của anh là 30 tháng 2. Anh xác nhận đây là giấy thực và việc ghi ngày lầm lẫn chỉ do trình độ hoặc sự sơ thờ của người làm giấy. Hơn nữa, chi tiết này chẳng đáng gì so với thực tế cuộc sống của anh. Nhưng anh không lay chuyển nổi ý nghĩ của người phỏng vấn khẳng khẳng nói anh xài giấy giả. Tất nhiên anh bị từ chối. Không ra đi là điều thất vọng, nhưng nỗi đau của anh là nụ cười miệt thị của người kia. Tôi nghĩ về phút cuối của anh và cảm thấy khó chịu.

Nguyễn Thụy Long chỉ diễn tả phút cuối đó bằng mấy lời đơn sơ: "Ít ngày sau nó chết". Tiếng chết đã được ném

ra, không còn gì để nói thêm nữa. Nhưng trước đó một giây, trước đó một ngày, trước đó nhiều ngày, Phan Nhật Thức đã sống với tâm trạng nào, với ý nghĩ nào ? Tôi thấy Thức khó dứt nổi nỗi đau từ lúc rời địa điểm phỏng vấn tại văn phòng ODP. Khi kể với tôi chuyện này, Thế Phong nói:

- Nó không khiêu nại, cũng không thềm đi xin xác nhận không phải giấy ra trại giả. Cái thằng thật lạ!

Lúc đó, tôi không kịp nghĩ về cách giải quyết của Thức, nên chỉ nói với Thế Phong:

- Khiêu nại cũng chẳng dễ gì !

.....

(Uyên Thao- Nén Nhang Thấp Muộn- Đất Sống tháng 4-2000)

Thức ơi, Thức ơi, sao lại có thể như thế được ? Lúc được thả tự do chắc hẳn mày quá xúc động, quá mừng rỡ, quên cả việc đọc bản văn giấy phóng thích, giấy trả lại quyền làm người, dù sau đó những quyền căn bản mày không chắc có. Tao tin mày đã đọc tờ giấy "cực kỳ" quan trọng kia rất kỹ với ít nhất vài ba lần, với niềm vui vô hạn. Làm sao có thể phát hiện một lầm lẫn tình cờ hay cố ý như thế. Dù cố ý hay tình cờ cũng là điều đáng trách. Tao nghĩ tao cũng không chắc phát hiện ra, nhưng vẫn thấy giận mày. Và khi đã bị ném trả, sao mày dễ dàng buông xuôi, không xin kiểm chứng, minh xác lại. Có phải mày thiếu "thủ tục đầu tiên" rất thịnh hành ở Việt Nam, nên đã bỏ qua...một chuyển rong chơi, đổi đời, mà mày xứng đáng được có. Ngay sau cái vấp đau đó sao mày im lặng, cầm nín chịu đựng, không "than thở" cùng bè bạn. Những Hoàng Trọng Bân, Hà Nguyên Thạch, Cung Tích Biền, Lê Vĩnh Thọ, Huy Tưởng...ở

đâu, mày không nhờ bè bạn góp ý, mách nước. Tao biết nếu chuyện này xảy ra cho bất kỳ một bằng hữu khác, mày cũng sẵn sàng xấn tay áo vào cuộc để đòi lại công bình. Có thể mày bị sốc bởi những lời buộc tội thiếu suy ngẫm của viên chức có thẩm quyền cứu xét. Tao chợt hình dung được khuôn mặt tự mãn, có văn hóa nhưng thiếu tình tế và một chút tình người kia. Có thể chẳng nên trách giận gì ông ta, khi ông ấy cũng sống và hiểu rõ một xã hội mà mọi thứ đều có thể bỏ tiền ra mua, kể cả văn bằng đại học. Khi ông ta lên tiếng hỏi mày mua tờ giấy ra trại ở đâu là điều hợp lý. Ông ấy chỉ hơi ngu ngơ, hay cố tình thiếu thông minh, khi nhận định là giấy giả. Người cấp giấy giả, người xài giấy giả, tao nghĩ, bao giờ cũng cẩn thận, không thể để dính vào những lỗi lầm ngớ ngẩn như thế. Tao lại ngờ rằng, cơ quan cấp giấy cho mày, không phải thiếu trình độ phổ thông, để viên chức phỏng vấn sau này, có cơ hội sung sướng phát hiện. Biết chừng đâu đấy là một cái bẫy, trước khi tha mày cho có vẻ nhân đạo. Cấp giấy cầm tay cho có khi tha, nhưng dùng nó vào một việc khác sau này là điều bất khả thi, có thể là cả một kế hoạch, có dự mưu. Có lẽ cần phải có tinh thần Tào Tháo trong cuộc sống tại Việt Nam.

Nhưng bây giờ đã quá muộn. Tao xin dành vài phút ngồi lặng yên, để thấy lại mày ngày đầu đi tìm tao tại quân trường Thủ Đức. Ngày tao mới vào Quảng Ngãi, mày hôn hờ bên cạnh. Dân Quảng Ngãi có lẽ đều là bà con họ tộc với mày, gặp ai mày cũng xuề xòa:

- Đây anh Luân Hoán...

Tao cũng không quên hình ảnh mày nhấp nhô trên cuộc tình một đêm hôm nào. Cả hình ảnh mày lẳng xăng sắp xếp chỗ ngồi cho bạn bè trong quán đêm đưa tiễn

tao...Còn nhiều nữa, mày đã quên, nhưng tao vẫn còn nhớ rất rõ đây Phan Nhự Thức ơi. Nhân đây, tao cũng xin mày cho phép tao được chép ra đây đôi bài thơ mày viết sau này, mà tao mới được Thành Tôn cho đọc. Cảm ơn bạn hiền. Hãy tiếp tục làm thơ ở cõi âm nhé. Nhà xuất bản tài tử Ngưỡng Cửa của tao, không còn ở mức khởi hành với những Thấp Tình của Thành Tôn, Đốt Tuổi của Phan Nhự Thức...đã nghỉ chơi rồi. Nhưng tao cả đời luôn thú vị với trò xuất bản, nên mày yên tâm sáng tác nhé. Nhớ viết thật kỹ những cuộc tình có với các ma nữ nhé. Dĩ nhiên không phải là loại ma nữ mày đã gặp thời còn huy hoàng làm báo và giữ chức nghị viên. Để lấy hứng mày nên đọc lại những bài thơ của chính mày sau đây. Thân mến.

*" nhân danh thơ phục hồi ta và bạn /người bạn tình rong
ruổi công trên lưng/ theo vạt nắng đầu ngày vừa nguyên
đán / em cựa mình da thịt bỗng vang lừng
bởi khắc khổ ta một đời khép kín / em co ro gió tạt cuối
hiên buồn / những nhát cuốc, ngờ đâu, tay bịn rịn / đất
bật lên từng đóa lệ trào tuôn
thôi hãy xếp khối tình sâu hữu hạn / hãy cùng ta túy lúy
trận phong trần / đêm động phòng rượu tràn qua xứ bạn/
một đường bay tình vút khỏi tay nâng /
núm ngực hồng thở từng hơi thơm phức / buổi quay về
hạnh ngộ cuối trời đêm/ta tóc bạc cũng nghe lòng hừng
hực / trời còn xuân ta còn lửa tình, em (Cõi Tình Xuân -
PNT)*

*Đã cạn dòng thơ từ buổi đó/ buổi xa rình chim cất
giọng khan / chiếc lồng nhỏ đời giam bé nhỏ /cõi ngoài
mơ là dấu chấm than*

đã hết thuở trắng sao xao xuyến / nắng băng

khuâng nhớ sáng thương chiều / mây thôi gọi, gió tình
thôi hẹn / tháng năm qua đời xóa chữ yêu
chỉ còn lại mẫu đời giản lược /hòn sỏi kia giặt bãi ngậm
ngùi / phơi lòng khô con kênh khô nước / mặt mù sương
vàng vọt tuổi người
chỉ còn lại muối ruồi ve vãn / nỗi buồn dài buồn tủi thít
da /mắt nâu thâm nửa đời chờ sáng / một người tù gởi
mộng xót xa
tưởng như thế cho qua ngày tháng / bỗng một hôm trời
trở nắng băng khuâng / nỗi tình cờ vấy tay lãng mạn /
thơ từ đầu đậu xuống tim chàng
tóc người bay lao xao dưới phố /tỏa hương thơm theo gió
bay cao / gọi nỗi tình côi ngoài sương gió /về nâng niu
đời đã tiêu hao
xưa làm thơ yêu em nắng dịu / mưa bay chưa ướt vớ học
trò / giờ làm thơ yêu em nắng gắt /mưa tạt lòng lệ nhỏ
chờ vơ
dù có thể nào thơ vẫn thế / xin nâng ly mời rượu ân cần/
tình chênh choáng bước lên cuộc sống /bỗng em qua tay
vấy mùa xuân (Thơ Tình Trong Trại Cải Tạo - Phan
Nhựt Thức)

"Vẫn vạt nắng long lanh cùng gió mới / lá xanh tươi
vươn đón buổi khai mùa / cây mai già trổ hoa vàng phơi
phới /giọng con cười thơm phức tiếng chào thưa
ta trần trọc suốt đêm dài đợi sáng / dấu cơn đau vội vã
mở tay choàng / Con lên 8 mắt cười tròn khoan rạn /
mừng tuổi con ta chúc chóng lớn ngoan
đất dẫu cần tre nguyện che nắng mọc /bỗng vô tình định
mệnh chém ngang vai /tre bật gốc rồi gió mưa tới tấp /
mẹ dịu con lằm lủi trọn đêm dài
trời đất mãi xoay vần nên chẳng biết / xuân cứ về hoa

*nắng vẫn long lanh / mai nở vàng cây ?âm chồi lá biếc /
có ngờ đâu mạch đất nứt tan tành
tre chưa già đành chờ ngày bật gốc / cội vô thường cội
độ lượng bao dung / biển đất phì nhiêu bốn mǎng mới
mọc / đóa tre xanh vươn trợn cuộc vô cùng
thơ ta nguyện rặng từng lời khai bút / con xếp giùm tiền
mừng tuổi đầu năm / quán quít bên ta vẫn cười vẫn hát /
dẫu nan y bệnh nghe nhẹ ta nằm
mặt trời lên chiếu mǎng đời ngà ngọc / chim tập truyền
vừa thả một tin vui / con hãy ra vườn, cao tay hái lộc /
cắm vào thơ ta xuân đỡ ngậm ngùi "*
(Bài Thơ Cuối Cùng của Phan Nhự Thức)

TRẦN YÊN HÒA

Phan Nhự Thức và Quán Quảng Nam

Quán ở phía bên trái rạp chiếu bóng Đại Lợi, trên đường Phạm Văn Hai (Thoại Ngọc Hầu cũ) coi như bên cánh gà của rạp chiếu bóng, gần sát ngay trại giam cùng tên Đại Lợi, trại tạm giam của công an quận Tân Bình, giam đủ hạng người, từ hình sự đến chính trị phạm, cho nên lúc nào cũng có bóng dáng công an áo vàng, đi qua đi lại.

Phan nhự Thức đã thuê mặt bằng này để mở tiệm bán bún bò Huế là chính, và các món nhậu lai rai, chị Thu, vợ Phan Nhự Thức, từ một cô gái có sạp bán áo quần trong chợ Tân Bình, từ ngày kết tóc se tơ cùng nhà thơ, làm kẻ nâng khăn sửa túi cho Phan Nhự Thức, tôi thấy chị Thu xuống cấp lần lần, người càng ngày càng gầy đi,

tóc khô và đã có những sợi bạc, dù chị còn rất trẻ, tôi nghĩ khoảng trên ba mươi tuổi là cùng. Phan Nhự Thức thì khỏi nói, người ốm lêu nghêu, tóc vàng cháy nắng, hàm răng đã rụng gần hết nên anh rất ít khi cười.

Hai vợ chồng đã trải qua nhiều chuyện làm ăn nhưng không lần nào trụ lại được lâu. Lần trước, cũng trên con đường này, trong con hẻm lớn trước chợ Phạm văn Hai, hai vợ chồng đã dựng tiệm bán cà phê. Nói là tiệm cho ra vẻ chứ thật ra là quán cà phê vỉa hè, bạn bè văn nghệ tới uống giúp đỡ, nhưng chỉ được có thời gian đầu, sau đó thì vì cuộc sống ai cũng phải bon chen đi kiếm ăn, nên quán từ từ ế và đi đến chỗ dẹp tiệm. Hãy thử tưởng tượng, với một chiếc xe đạp cà khỗ, mỗi buổi sáng Phan Nhự Thức phải dậy sớm để lo chở vợ đi dọn hàng với đủ mọi thứ linh linh kính như nồi niêu son chảo, than củi, các vật dụng linh tinh, khoảng cách từ nhà đến chỗ bán cà phê cũng hơn 10 cây số, chiều về cũng vậy, mà đâu có kiếm được bao nhiêu tiền.

Bằng đi một thời gian tôi không gặp Phan Nhự Thức và cứ nghĩ là anh chắc có công chuyện làm ăn nào rồi nên anh không ghé lại chỗ sạp bán phụ tùng xe đạp của tôi uống cà phê, bỗng một buổi sáng Hà Nguyên Thạch dừng xe đạp lại nhắn với tôi : "Phan Nhự Thức mới mở quán bán bún bò tại gần rạp Đại Lợi, tối nay anh em tới nhậu ủng hộ nghe". Tôi gật đầu, hỏi kỹ địa chỉ và hứa buổi tối sẽ tới.

Đám bằng hữu văn nghệ như Hà nguyên Thạch, Phan Nhự Thức, Nghiêu Đề, Trần Hoài Thư... đối với tôi là đàn anh, bởi vì khi các anh Thái Tú Hạp, Luân Hoán, Thành Tôn, Phan Nhự Thức, Hà Nguyên Thạch, Trần Hoài Thư.. đã có một số thơ đăng ở các tập san Sài Gòn

thì tôi mới chập chững viết. Tôi nhớ lại, khoảng năm 1966, tôi được đổi về làm giáo sư dạy giờ tại trường Trung học Mộ Đức, Quảng Ngãi, cứ mỗi thứ bảy chủ nhật, tôi thường về tỉnh lỵ chơi, đài phát thanh Quảng Ngãi lúc này do nhà văn Đường Thiên Lý làm giám đốc nên sinh hoạt văn nghệ xứ này rất nổi đình nổi đám, luôn luôn có chương trình của Minh Đường giới thiệu các tác phẩm của các bạn văn nghệ này. - Mộ Đức, tôi có quen với anh Lê văn Thới, giáo viên tiểu học, tốt nghiệp sư phạm Quy Nhơn, anh Lê văn Thới người Quảng Nam, trông rất chất phác, nhưng anh hát hay và làm thơ rất tuyệt, bút hiệu là Xuân Thao, Xuân Thao nói anh có viết ở tờ Trước-Mặt Cùng Khổ, và hay sinh hoạt với các bạn ở Quảng Ngãi, Xuân Thao hứa khi nào về thị xã, sẽ dẫn tôi tham dự.

Một lần về thị xã, Xuân Thao dẫn tôi đến chỗ Khách sạn Việt Nam, nói sắp có cuộc họp của các bạn văn nghệ ở đó để chuẩn bị ra một đặc san nhân dịp Tết sắp tới. - đây tôi đã "thấy" được các bạn văn nghệ Quảng Ngãi một thời, như Khắc Minh, Đình Hoàng Sa, Vương Thanh, Nghiêu Đề, Phan Nhự Thức, Hà nguyên Thạch, Minh Đường. (Nghiêu Đề từ Sài Gòn ra làm Xây Dựng Nông Thôn ở đây, dù quê Nghiêu Đề ở Quảng Ngãi nhưng anh đã vào SG sinh sống đã lâu, anh có chân trong Hội Họa Sĩ Trẻ, đã tham dự triển lãm tranh nhiều lần, đã đoạt huy chương bạc và có in tập truyện ngắn Sợi Tóc Trăm Năm. Sau này, quen thân với Nghiêu Đề, tôi biết anh là người rất vui tính, không quan trọng bất cứ một chuyện gì, cách nói chuyện của anh có một cách rất riêng, rất hóm hỉnh, anh nói giọng nghe như "từng từng" nhưng rất sâu sắc, bất cứ chuyện gì anh nói chuyện cũng

có thể cười được). Cuộc họp rất vui, cuối cùng của cuộc họp bỏ túi hôm đó là sẽ tiến hành ra một Đặc San Tết. Nhan đề của Đặc San là "Người Ngồi Đội Mũ" đây là ý kiến của Nghiêu Đề, tôi không hiểu rõ lắm ý nghĩa của bốn chữ trên liên quan gì đến chủ đích của Đặc San và không biết đặc san đó sau này có được thực hiện và trình làng không? vì tiếp đến là trận Mậu Thân tàn khốc, tôi không còn dạy ở Quảng Ngãi nữa mà đổi ra trường Lý Tín, Quảng Tín. Từ đó tôi cũng lạc mất người bạn văn nghệ rất là yêu quý của tôi là Xuân Thao, Xuân Thao bây giờ ở đâu, ai biết ?? . Thời gian đó, Phan Nhự Thức đã có tập thơ " Đốt tuổi " và Hà nguyên Thạch có tập " Chân cầu sóng vỗ " .

Sau này nghe tin các bạn Văn nghệ Quảng Ngãi "rất lên" được tỉnh trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng là Đại Tá Lê Bá Khiếu chiếu cố đặc biệt, vì các bạn rất có khả năng và nhiệt huyết nên Phan Nhự Thức cùng Vương Thanh đắc cử Hội Đồng Nhân dân tỉnh, Hà Nguyên Thạch làm phó cơ sở học chánh tỉnh (nhưng coi như là trưởng cơ sở vì người trưởng cơ sở đã già) sau đó các anh thành lập Quảng Ngãi Nghĩa thực, cũng gây rất nhiều tiếng vang. Nhờ Phan Nhự Thức đã cộng tác với nhóm Sóng Thần của Chu Tử cho nên sau này Chu Tử gả con gái nuôi cho Phan Nhự Thức, chuyện vợ chồng này kết thúc khi anh đi cải tạo tập trung.

Như vậy là trước ngày 30-4-75 các bạn văn nghệ này tôi chỉ biết chứ không quen, mãi đến sau này, khi tôi đi tù về và mở sạp hàng bán phụ tùng xe đạp tại ngã ba đường Nguyễn Huỳnh Đức và Huỳnh Quang Tiên, thuộc phường 14, Phú Nhuận, tôi mới có dịp quen với các anh, nơi đây là nhà của Trần Thanh Ngọc, bạn cùng khoá 2

ĐH/CTCT/Đà Lạt với tôi, Ngọc rất tốt với bạn bè, nhất là đối với các bạn văn nghệ, nên nhà này coi như là nơi tụ hội các bạn những lúc khốn cùng, có thể đến đây tá túc một vài ngày, một tuần hay nửa tháng, cơm nước đang hoàng, tôi khi ra tù về cũng đã có một thời như thế. Các anh Phan Nhự Thức, Hà Nguyên Thạch, Trần Tuấn Kiệt thường tá túc ở đây nên tôi quen và trở thành thân thiết.

Buổi tối đầu tiên của đêm khai trương quán bún bò của vợ chồng Phan nhự Thức có : Trần Yên Hoà, Trần Thế Phong, Phan Lạc Giang Đông, Phổ Đức, Hà Nguyên Thạch, Lê Mai Linh (lúc đó còn lấy tên là Sương Biên Thuỳ) Ngô Đình Long (ngâm thơ), Trần Thanh Ngọc, Lương văn Khiêm, Phan Nhự Thức. Để buổi khai trương cho thêm rôm rả, chúng tôi uống bia "con cộp" và ăn khô cá thiêu, ôi bia lên men con cộp là một loại bia tồi tàn và độc hại nhất, chỉ có nhà nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam mới cho phép sản xuất thôi, nhưng chúng tôi đang cần say để đọc thơ và nói chuyện, Phổ Đức nói giọng Quảng Nam quê mùa nhưng hiền lành, Phan Lạc Giang Đông giọng Bắc hào sảng, Lê Mai Linh giọng Quảng Trị ngùn ngụt khí thế, Hà Nguyên Thạch giọng Đà Nẵng đọc thơ thật có hồn và truyền cảm, Trần Thế Phong bình dị chứng chạc, chúng tôi sinh hoạt đến khuya, buổi khai trương đầu tiên tuy rôm rả thật nhưng chắc vợ chồng Phan Nhự Thức chẳng thu được bao nhiêu tiền lời, thấy bọn tôi ngồi ăn to nói lớn và uống bia bạt mạng như vậy có khách nào dám vào ăn uống.

Sau khi bia "dỏm" vào lời ra, Phan Lạc Giang Đông lên giọng đề nghị : " Để chúng ta thường xuyên gặp nhau, vừa giúp đỡ vợ chồng Phan Nhự Thức luôn luôn "có khách" tôi đề nghị chúng ta cứ mỗi thứ năm lại gặp

nhau một lần ở đây và từng hai người một, bắt cặp nhau để lo cho bữa nhậu, dĩ nhiên tùy theo khả năng từng người ". Lời đề nghị được anh em tán đồng và chia nhau bắt cặp. Nhìn lại trong đám bạn bè thân hữu đến quán toàn là dân Quảng Nam cả, nên tôi đặt tên là Quán Quảng Nam và được nhiều bạn đồng ý (Cung tích Biền, Huy Tưởng, Thành Tôn, Đông Trình (người Huế nhưng ở Đà Nẵng), Đinh Trầm Ca, Hà Nguyên Dũng, Hoàng Lộc, đều cũng là dân Quảng Nam, là những người đến sau và đã tham dự).

Tôi đã được những đêm say túy lúy với bia con cộp, mồ hôi cá đuối, khô sặt, sang hơn thì khô mực hay xí quách xương bò, cùng đọc thơ, cùng hát. Đinh Trầm Ca hát quá hay, Ngô Đình Long ngâm thơ tuyệt vời và ai cũng đọc thơ mình vừa mới làm ra, có những lần khi dắt xe đạp ra khỏi quán, trời đã về khuya, rạp chiếu bóng đã vắng từ lâu , trong cơn say ngất ngưỡng mình thấy đời thật thênh thang nhìn lại thấy mình cô đơn quá đỗi, quay lại nhìn quán vắng, vợ chồng Phan Nhự Thức đang loay hoay dọn dẹp bàn ghế, Hà nguyên Thạch cũng dắt xe ra đạp đi chệnh choạng, mà không biết đi về đâu, tôi biết Hà nguyên Thạch là kiếp không nhà mà, ời những kẻ làm thơ sao buồn quá đỗi.

Có một điểm son trong giai đoạn này là Phổ Đức đã làm được một buổi tưởng niệm và đọc thơ Hồ Dzếnh nhân ngày Hồ Dzếnh mất, anh đã tìm tài liệu trong những tờ "Nhân Chứng" do anh chủ trương từ trước bấy lâu, viết lại về Hồ Dzếnh, ít ra khi một người làm thơ nằm xuống thì những người làm thơ khác (hay nhân loại) biết để cúi đầu tưởng niệm, đó cũng là một an ủi vô cùng.

Những lúc quá hứng đọc thơ và hát nhạc, tụi tôi quên bẵng đi quán nầy nằm sát gần với trại giam, quên hẳn bóng áo vàng của công an vẫn đi qua đi lại, nhất là Lê Mai Linh đọc những bài "thơ tù" của anh đầy chất phản kháng và chống đối chế độ, hay Đinh Trầm Ca hát những bản nhạc của anh không được cho phép phổ biến, Phan Lạc Giang Đông với những giọng thơ đấu tranh và thời sự.

Phan Nhựt Thức rất hiền và chiều anh em nên để cho bạn bè uống quá say, uống say nói bậy và hay to tiếng là Hà Nguyên Thạch, Phan Lạc Giang Đông, Cung Tích Biền, Lê Mai Linh, nên có những lúc tưởng chừng như có đánh nhau đến nơi, dĩ nhiên xô bàn, xô ghế, hất đồ ăn xuống đất đã xảy ra nhiều lần, làm cho chủ nhân Phan Nhựt Thức cùng vợ dọn dẹp mệt nghỉ, bạn bè tới ăn uống ủng hộ không biết lợi lộc bao nhiêu, chứ tôi thấy càng ngày Phan Nhựt Thức càng cạn vốn, đến một hôm quán Quảng Nam phải gỡ bảng và dẹp tiệm.

Trước ngày dẹp tiệm, buổi tối sau cùng anh em gặp mặt nhau để hôm sau "tan hàng cố gắng" Phổ Đức đã làm một bài thơ dài, kể đủ tên của các bạn đã tham dự ở quán Quảng Nam, có thêm tên của các bạn gái thấp tùng đến họp mặt, bài thơ dài như sớ táo quân được Phổ Đức đọc cho toàn thể anh em nghe, nghe xong ai cũng bùi ngùi cảm động, nhưng sau có vài ý kiến là nếu phổ biến bài thơ đó thì không tiện vì nếu công an được bài thơ đó thì sẽ nghi ngờ anh em có ý đồ nhen nhúm gì đây, nên đề nghị với Phổ Đức nên chỉ giữ bản thảo.

Sau khi quán Quảng Nam đóng cửa, Phan Nhựt Thức còn mở quán ăn vài lần nữa, đến ngày tôi đi Mỹ, vợ chồng anh vẫn còn bán quán cơm ở khu phường 6 quận

Tân Bình. Trước khi đi, tôi làm tiệc giã biệt bạn bè ở nhà hàng Rạng Đông, tôi đến mời Phan Nhự Thức và nhờ Phan Nhự Thức kiếm mời dùm tôi Đinh Trầm Ca, tôi muốn có Phan Nhự Thức đọc thơ và Đinh Trầm Ca hát, tôi vốn mê cái giọng sang sảng của Phan Nhự Thức khi đọc thơ và giọng hát khàn khàn của Đinh Trầm Ca, nhưng hôm đó chỉ có Phan Nhự Thức tới, anh bảo : " Có đi tìm Đinh Trầm Ca nhưng không gặp được người nhạc sĩ lãng tử này ", hôm đó tôi thấy anh rất mệt mỏi và tàn tạ nhưng tôi không ngờ chứng bệnh ung thư đang hoành hành anh, anh và tôi đều không biết, anh cụng ly với tôi và anh đọc thơ tặng tôi, 2 bài, là " Thơ tình trong trại cải tạo " và "Cõi tình xuân" của anh, anh đọc có một số đoạn quên phải đọc lại nhưng giọng đọc vẫn hào sảng, đó là hình ảnh cuối cùng tôi có với Phan Nhự Thức. Tiệc chưa xong, anh đã chào tôi ra về với lý do đường về nhà anh quá xa, tuốt trên miệt Tham Lương, Tân Bình, anh chúc gia đình tôi đi bình yên, tôi bắt tay anh, nói mong gặp anh sớm tại Mỹ, anh rất bi quan về chuyện xuất cảnh của mình, anh đi "tập trung cải tạo" sau lệnh kêu gọi tập trung của chính quyền Cộng Sản nên khi vào phỏng vấn hồ sơ anh bị phái đoàn Mỹ không chấp nhận, anh đang khiêu nại. Buổi tối hôm đó khoảng 9 giờ, anh phải chạy từ ngã sáu Sài Gòn về đến Tham Lương, đoạn đường thật xa diệu vợi, tôi nghĩ và rất thương anh. (hiện tôi vẫn còn tape video quay cảnh anh đọc thơ, tôi nghĩ sẽ trao lại cho chị Thức hình ảnh này khi có dịp gặp lại chị)

Tôi qua Mỹ tháng 3/95. Đến tháng 8, Trần Thế Phong định cư ở WA state. Trần Thế Phong điện thoại qua cho tôi báo tin Phan Nhự Thức bị ung thư nguy ngập, chỉ nằm một chỗ, bên giường bệnh để sẵn cuốn sổ, bạn bè thân

hữu đến thăm thì "bút đàm" với Thức, vì cuốn họng Thức bị sưng, đau nhức không thể nói chuyện được. Trang đầu cuốn sổ, ghi bốn câu thơ của Thức như sau:

Dẫu một lời thăm ai vừa thấp sáng.

Đã là viên thần được dịu cơn đau.

Dẫu cơn bệnh nhói lên thân hữu hạn.

Một niềm vui thoáng gió cũng in sâu.

Trần Thế Phong nhờ tôi kêu gọi anh em văn nghệ hải ngoại giúp đỡ kèm theo thư của Trần Thanh Ngọc và Đinh Trầm Ca viết về bệnh tình Thức. Lúc đó, tôi là người mới qua, lại ở một tiểu bang lạnh xa xôi, không biết làm cách nào tôi bèn gửi hết hai lá thư về cho Khánh Trường ở tờ Hợp Lưu, tuần sau tôi được một bức thư của Khánh Trường, đại khái Khánh Trường viết là "cái tình ở xứ Mỹ này nó nhạt lăm", nhưng anh sẽ cố gắng, cá nhân anh giúp được chút nào hay chút đó. Tôi cũng có gọi điện thoại cho Nghiêu Đề nhưng gọi hoài không được. Tôi biết Nghiêu Đề rất có nhiệt tâm với anh em văn nghệ còn lại trong nước. Trong chuyến về Việt Nam thăm người Mẹ khoảng năm 1994, Nghiêu Đề đã dốc hết số tiền đem về ít ỏi cho Phan Nhự Thức và Trần Tuấn Kiệt. Với nhà thơ Trần Tuấn Kiệt, khi cùng ngồi uống cà phê ở quán cóc gần "đình ông Súng" Trần Tuấn Kiệt có cái bệnh là mỗi ngày phải uống một chai bia BGI lớn chứ không thì bị đau đầu kinh khủng. Trong thời gian Nghiêu Đề về, Nghiêu Đề luôn luôn dài thọ cho Trần Tuấn Kiệt khoảng bia này.

Cuối tháng 11/95, tôi được tin Phan Nhự Thức mất.

Khi viết đến những giòng này, tôi vừa nghe tin từ đài phát thanh VNCR, báo tin Nghiêu Đề đã mất ngày hôm qua (6 giờ 30 chiều ngày 9/11/98 tại San Diego cũng vì bệnh ung thư !!). Lại thêm một người bạn văn

nghệ vĩnh biệt chúng ta

Bài này như là một nén hương muện màng thấp tiếc
thương hai bạn.

TRẦN HOÀI THƯ

Thư cho một người bạn thơ

Phan Nhự Thức xa xôi,

Hôm nay tao được đọc thư của mày được đi trên tờ Hợp Lưu. Mày có nhắc tên tao và kêu gọi lòng từ bi hỉ xả của đám bạn bè ở hải ngoại, hãy bố thí cho mày ít nhiều để chống trả lại cơn bệnh nan y. Trời ơi, PNT ơi, đọc xong, tao muốn khóc. Tao mới biết là tao có lỗi với mày, với bạn bè ở trong nước.

Bây giờ tao phải đứng ngồi không yên trong cái căn phòng ngủ của Khách sạn Embassy Suite này. Tao điên khùng. Mày xem, giá mỗi đêm là \$100.00 cho một giấc ngủ. Tiền ăn mỗi ngày tao được phép xài là 40 đô la. Hãng ban phát cho nhân viên đi công tác. Tao đâu cần gì cái thứ giường nệm gối êm, nước nóng nước lạnh, TV mấy chục inches như thế này. Tao đã từng ngủ bờ ngủ bụi ngủ gò mả ngủ ghế bố bến xe rồi mà. Tao đã từng ở trong tù tội rồi mà. PNT ơi, ước gì tao được tự do chọn lựa, thì đêm nay tao sẽ ra hàng hiên, chia tiền chia bạc, chia nệm chia các tiện nghi... Tao cắt từng lát steak, rán ngón cho đủ \$40. Không xài thì đại. Tao nốc bia Nhật, bia Hoà Lan, của free... Tao dấu lòng tao, cái cô độc rừng rưng nước mắt. Tao nuốt mà cổ nghẹn nghẹn. Tao

uống bia loại thượng hạng mà lòng cay đắng. Tao không thể không xài. Xung quanh tao, là tóc vàng và mắt xanh. Họ đang cười cười nói nói. Người hầu bàn trong bộ đồng phục đứng nghiêm trang. Họ làm sao hiểu được nỗi lòng của tao. Ăn, ráng ăn, nhắm mắt mà nuốt, hãy tìm món nào đắt tiền nhất, lobster chẳng hạn. Hãy ký tiền túp cho nhiều để đám hầu bàn phải ngạc nhiên và cảm ơn rối rít. Cái nghịch lý kỳ lạ. Một đằng không có miếng ăn, thêm hơi thuốc lá, sống đói rách, bệnh hoạn và một đằng thì thừa mứa đến trào cả cổ họng, đến sợ cả mùi bơ, đến ực vào từng cốc, sau đó lại quẹt miệng, và khóc. Con hầu bàn xinh đẹp nào nùng cứ thỉnh thoảng ghé qua hỏi thăm rất ngọt. Bên cạnh bàn là cái thác nhân tạo, từ trên cao đổ xuống hồ nước trong veo, thấy rõ những chú cá chép vàng dưới ánh đèn neon. Trên quầy rượu, người ta vừa uống bia vừa xem túc cầu. Chỉ có mỗi một mình tao. Tao mở mắt mỗi để đọc lại lá thư của mày thêm một lần nữa. Mấy mươi năm trôi qua, để hết rồi thời trẻ dại, để có thêm những kinh nghiệm về trường đời, và lịch sử. Đến lúc này tao chẳng nhớ ông vua bà chúa nào hết, ngay cả những bài hát mà mỗi ngày tao hát cả chục lần như bài Bao Nổi Lên Rồi, Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây hay Giải Phóng Miền Nam, tao vẫn không thể nhớ nổi một lời hướng hồ chi cả bài. Nhưng tao lại nhớ hai câu thơ của mày. *Thân ngựa núi một thời giong ruổi. Tìm tương lai nơi viễn vọng khôn cùng.* Nhớ mấy mươi năm rồi cũng còn nhớ. Bây giờ, những con ngựa rong ruổi nay đã què rồi. Tương lai thì mỗi tháng một ngã, sau mấy chục năm làm thanh niên ơi đứng lên đáp lời sông núi...Tương lai là cái quán nghèo vợ mày kéo dài cuộc sống cam khổ, còn mày thì đang chống cự với tử thần.

Đời sống quá buồn như thế ư.

Mây hãy ráng mà sống, nghe Mê Kung Phan Nhự Thức. Chờ tao về để bọn mình còn ra quán ngồi nhìn hoàng hôn ráng đỏ trên bờ sông Thị Nghè. Chờ tao về để mình còn nhắc lại những ngày ở Thủ Đức, quán Thiết Giáp và những trang ghi nợ cùng những cô bé một thời từ Sài Gòn lên thăm. Chờ tao về, để đọc cho tao nghe những bài thơ xa cách. Chờ tao về tao sẽ kể cho nghe thiên đường Mỹ Quốc này, để mày sẽ biết rõ hơn thế nào là những giọt lệ lưu vong. Mày phải sống. Phải vượt qua ba cái bệnh tật lẽ tẻ ấy.

Tao cũng báo tin mừng là tao đã tự xuất bản tập truyện Ra Biển Gọi Thầm vào cuối năm 1995. Tin mừng bởi vì tao vẫn còn ngộ nguây được trong chốn đầm lầy dạ trạch ở hải ngoại này. Giữa lúc thiên hạ bị nhận chìm, tao may vẫn còn thở mấy cái. Tự đánh máy, tự layout và tự phát hành. 1000 cuốn nghe mây. Ngày đầu tiên, mang hơn chục thùng sách về nhà, vợ tao kinh hãi. Mấy thằng bạn thì than thảm dùm tao: "Ông lựa chi đúng mùa đông lịch sử này mà ra sách, tôi hết ý kiến". Tao thì hối hận. - xứ này, làm cái gì cũng tính trước tính sau, lợi hay hại, thiệt hay hơn.

Ngày đầu tiên, tao nghe được cái mùi mực mới, và mùi thơm của giấy. Tao lấy chục cuốn, viết tặng có chữ ký của tao. Tao tặng ai bây giờ. Những người mà tao đã xây dựng trong tác phẩm, đều ở lại bên nhà, sống và chết như những bóng ma. Không có họ thì không có RBGT. Và trong đó có mày. Tao muốn gửi về bạn bè mỗi đứa một cuốn để chứng minh rằng qua Mỹ ăn bơ sữa tao vẫn còn viết. Nhưng làm sao tao gửi về. Văn chương phản

động. Văn chương đế quốc. Văn chương bồi Mỹ. Văn chương thực dân kiểu mới. Tao đành dùng cái bì mà nhà in tặng không mấy chục bản để gửi tặng mày. May ra nó còn lọt vào Việt Nam. Để báo tin rằng, lần đầu tiên, trong đời, tao tự hoàn thành một tác phẩm từ A đến Z. Để cho mày thấy mặt mũi của tao sau bì full color. Để nói với mày, là lúc nào tao cũng nhớ đến mày. Nhớ đến những ngày những đêm một bọn sinh viên sĩ quan bọn mình dắt nhau về quán Thiết Giáp hay về Hội Quán trường Bộ Binh Thủ Đức... Nhớ đến cái thân hình gầy nhom của mày với đôi giày nặng trĩu như kéo tấm thân xuống đất, và nhớ đến những lần tao vượt đèo Bình Đê, bọc trong giấy nhật trình trái lựu đạn, và những trứng vịt lộn nóng hổi trong thùng trấu, cùng những chai bia và những tiếng khóc, tiếng cười của một thời...
Hãy hiểu dùm tao nghe PNT. Dù sao, tao cũng phải để dành một cuốn cho mày. Hãy gắng mà sống, chờ tao về.

oOo

PNT, tao viết tiếp đây. Sáng nay, tao đã gửi cái bì về mày, nhưng chiều nay, nhà thơ Thái Tú Hạp gọi tao cho biết mày đã chết. Sáng nay, tao viết cho người còn sống. Chiều nay tao lại viết cho người đã khuất. Một lá thư viết nửa trên cho sinh và nửa dưới cho tử. Một lá thư hỏi han ban đầu, nhưng kết thúc là mặc niệm. Lá thư đầu tiên mừng vui vì ít ra tao còn biết được địa chỉ của mày sau hai mươi mấy năm cách biệt, để cuối cùng là cái địa chỉ chung của tất cả mọi người. Địa chỉ cõi chết.
Như vậy mày đã nhắm mắt. Đ M, tao còn chớ gì để mà nói nữa hay viết tiếp nữa đây, hở mày ?. Có nghĩa là

mây sẽ không bao giờ đọc RBGT của tao, và tao sẽ không còn được gặp lại mây nữa. Một con ngựa đã rủ bươm và bay lên Trời. Từ đất người, tao xin viết tặng hương hồn mây hai câu thơ:

Một con ngựa trắng về trời

Hai bờ sông núi ngậm ngùi tiễn đưa

Ngủ yên nghe mây.

PHAN XUÂN SINH

Phan Nhự Thức

Một đoạn đời khắc khổ.

Một buổi chiều, tôi và anh Đynh Trầm Ca ngồi nhậu với vài người bạn tại nhà tôi, thì có hai người đi xe đạp tới tìm Đynh Trầm Ca. Tôi bảo với anh Phụ (tên thật của Đynh Trầm Ca) mời hai anh đó vào lai rai vài ly chơi, thì hai anh đem xe đạp vào nhà và trước khi ngồi vào bàn, anh Phụ giới thiệu hai người đó là: "Hà Nguyên Thạch và Phan Nhự Thức". Người có bộ râu mép, trán cao là Hà Nguyên Thạch. Người có nước da ngăm ngăm, khuôn mặt xương sấu là Phan Nhự Thức. Tên của hai anh không lạ gì với tôi, vì trước 75 thỉnh thoảng tôi đọc những bài thơ của hai anh trên những tạp chí văn nghệ ở Sài Gòn. Nhưng bây giờ mới được gặp hai anh. Bữa đó chúng tôi uống thật say, tôi được biết hai anh từ Miền Trung vào định cư tại Sài Gòn chưa được bao lâu. Những

tháng năm khó khăn, cả nước lâm vào cảnh bần cùng. Các nhà thơ nhà văn của Sài Gòn thất tha thất thểu thấy thật tội nghiệp. Có người đi bán rau muống, bán củi, bán than. Có người đi làm những công việc nặng nhọc để kiếm sống. Công dân hạng nhất (cán bộ, đảng viên v.v...) còn không đủ ăn, thì loại công dân hạng nhì (quân nhân, công chức của chế độ Sài Gòn) thì khổ biết chừng nào, quá sức te tua.

Hà Nguyên Thạch khi say thì nói nhiều, anh không còn biết sợ là gì. Còn Phan Nhựt Thức khi say ít nói hơn, trầm ngâm hơn. Sau bữa rượu đầu tiên đó Phan Nhựt Thức hay ghé nhà tôi chơi. Nhà tôi lúc đó đang sản xuất kem đánh răng, nên thỉnh thoảng anh cũng chở vài thùng kem đi bỏ mối để tìm một ít tiền chi tiêu. Dần dần rồi chúng tôi thân với nhau, anh mượn địa chỉ nhà tôi để các bạn của anh ở Mỹ gửi quà về. Vì lúc đó anh sống chui chử không có hộ khẩu ở Sài Gòn. Tôi có đi nhận giùm cho anh vài thùng quà. Lần nào đi lãnh đồ ở Hải Quan Tân Sơn Nhất, tôi đều chở anh đi. Tôi nhớ lần đầu tiên anh nhận 1 thùng quà, anh mừng quá chân tay anh run run, thật tội nghiệp. Thật tình thì cũng chẳng bao nhiêu, nhưng đối với anh quá lớn. Tôi không bao giờ hỏi công chuyện làm ăn của anh, vì tôi biết những việc của anh làm nặng nhọc, để kiếm miếng ăn đắp đổi qua ngày. Tối về anh vào Chợ Lớn ở nhờ nhà bà con hay bạn bè gì đó.

Một lần ngồi uống rượu, anh ao ước có một căn nhà ở vùng quê, nhà tranh vách đất cũng được không cần phải cao sang, có vợ con đùm bọc lấy nhau. Cái ao ước thật đơn sơ đó thế mà ngoài tầm tay với của anh. Trong lúc đó anh Hà Nguyên Thạch thì ngược lại bằng mọi cách

phải bám lấy thành phố mà sống, có bạn bè, có những tiện nghi thoải mái hơn. Từ cái quan niệm chân chất ấy của Phan Nhự Thức, tôi thấy thương anh hơn và tôi cũng cầu mong cho anh được toại nguyện. Sau này anh làm ở vừa củ trên Chợ Lớn, người làm cái nghề than củ thì suốt ngày mặt mày, chân tay lấm lem. Người anh sạm lại, nước da anh vốn dĩ ngăm ngăm đen bây giờ càng đen hơn. Thỉnh thoảng buổi chiều rồi rảnh anh hay xuống nhà tôi cùng với một vài anh em nhậu vài ly, rồi lại đạp xe trở về.

Bằng đi một thời gian, tôi ít gặp lại anh. Có người bảo với tôi là Phan Nhự Thức mở một quán nhậu trên Chợ Lớn. Tôi nghĩ thầm trong bụng hết đường rồi hay sao lại mở quán nhậu. Vì tôi biết tính anh ham vui với anh em, mà anh em phần đông tiền bạc chẳng bao nhiêu mà lại thích nhậu nhẹt, nội cái chuyện ghi sổ thiếu nợ sẽ đưa tới tình trạng phá sản của phần đông các anh em văn nghệ cũ ở Sài Gòn chọn cái nghề "lưu linh" này. Anh Sương Biên Thùy sau này kể cho tôi nghe về trường hợp mở quán nhậu của anh. Gặp anh em đông thất tha thất thểu, kéo vào quán làm một tô bún "Mụ Chính", sương sương thêm vài ly cho đời lên hương, ngày nào cũng vậy thâm thủng tiền bạc, sụp tiệm, nợ nần chồng chất. Cũng may có chương trình HO cứu anh thoát khỏi. Trước khi lên máy bay Sương Biên Thùy phải ký tờ giấy nợ qua Mỹ gửi tiền về trả, mới được yên thân. Không biết quán của Phan Nhự Thức cầm cự được bao lâu, sau này không nghe ai nói về quán nhậu của anh. Chắc rồi cũng lặn trên vết xe của Sương Biên Thùy.

Một buổi chiều, tôi đang ăn cơm thì Phan Nhự Thức dựng xe đạp ngoài hiên vào nhà. Tôi mời anh dùng cơm

với tôi. Khi ngồi uống nước anh đưa cho tôi một giấy mời dự đám cưới một cách trịnh trọng, nhìn khuôn mặt của anh rạng rỡ, vui tươi. Tôi vừa ngạc nhiên và cũng chia vui với anh một cuộc đổi đời thật ý nghĩa, giúp anh có nơi nương tựa, có một tổ ấm mà anh hằng ao ước. Đám cưới của anh tổ chức thật đơn giản ở nhà hàng mới mở tại hồ Kỳ Hòa, phần đông những người dự trong buổi đó là anh em văn nghệ cũ Sài Gòn. Tôi ngồi gần với vợ chồng anh chị Hồ Thành Đức - Bé Ký. Trong buổi tiệc vui đó những người tham dự làm mỗi người một câu thơ ghép lại thành một bài thơ tặng anh để giữ làm kỷ niệm. Cho đến bây giờ vợ của anh Phan Nhự Thức còn giữ bài thơ của anh em tặng vợ chồng anh chị không?

Sau vài năm sống ở Mỹ, một số anh em văn nghệ báo cho biết anh Phan Nhự Thức bị ung thư, một số anh em (bạn cũ) có quyền tiền mỗi người một ít để giúp anh (sau này tôi mới nghe chuyện này). Một thời gian sau được anh em báo tin cho biết anh mất tại Sài Gòn để lại vợ và đứa con trai còn nhỏ.

Bài viết này kể lại một giai đoạn ngắn mà tôi biết về Phan Nhự Thức. Trong thân tình đối với Phan Nhự Thức tôi không có bề dày như một số anh em văn nghệ khác. Tôi nghĩ anh Hà Nguyên Thạch là người cùng ở Quảng Ngãi và có những sinh hoạt chung văn nghệ với Phan Nhự Thức lâu dài. Nếu có anh Hà Nguyên Thạch ở hải ngoại để viết về người bạn thân thiết của mình thì tuyệt. tôi chỉ là người quen biết với anh chỉ vài năm trong cuối thập niên 1980, trước khi tôi đi Mỹ.



Những bài viết của Phan Nhựt Thức



Ảnh tư liệu của Luân Hoán

1941 – 1996

Phan Nhựt Thức

Cơn Mưa Tháng Chạp : Quảng Ngãi Và Tôi

LGT: Phan Nhựt Thức, trước đó anh lấy bút hiệu là Mê Kung, tên thật là Nguyễn Văn Minh, là một nhà thơ quen thuộc trên văn đàn Miền Nam trước năm 1975. Anh là một trong những người chủ trương Tạp chí Trước Mặt xuất bản tại Quảng Ngãi qui tụ nhiều nhà văn nhà thơ đang hoạt động tại Quảng Ngãi lúc bấy giờ như Vương Thanh, Hà Nguyên Thạch, Luân Hóan, Đinh Hoàng Sa, Nguyễn Nguyên Phương, W.S. Khắc Minh, Vũ Hồ, Lê Vinh Ninh ...

Năm 1966, động viên khóa 23/SVSQ Thủ Đức.

Năm 1970 đắc cử Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh Quảng Ngãi và có lần giữ chức vụ Chủ tịch.

Sau khi miền Nam bị thất thủ vào tay cộng sản, anh bị tù tám năm tại các trại Hành Tin (Quảng Ngãi) và Kim Sơn (Bình Định). Thuộc diện HO/29 nhưng bị từ chối vì hộ tịch () anh đã khiếu nại nhiều lần chưa được tái cứu xét, anh đã bị bạo bệnh (ung thư) và đã từ trần ngày 21-1-1996 tại Sài Gòn, hưởng dương 54 tuổi để lại vợ và một con trai 8 tuổi.*
ĐSQN, Nam Cali 1997

()trực trực giấy tờ - giấy ra tù đề ngày 30 tháng 2 năm 1982, không có trong lịch Mỹ, Tây- NM)*

1.

Đã lâu lắm rồi - lâu lắm rồi, tôi cầm bút lại. Nơi tôi vừa nghĩ đến: Quảng Ngãi - một tỉnh khô cằn, buồn bã, khốn khổ của Miền Trung. Người ta nói, trong mỗi con người khi mở mắt chào đời đều có nơi chôn nhau cắt rún.Đó là quê nhà yêu dấu của mình. Và không có quê nào đẹp hơn quê cha đất tổ. Cho mãi đến bây giờ tôi không có gì, không còn gì để biết đích xác nơi mẹ tôi quàn quai cơn đau để đẻ sinh ra tôi. Tôi, tuổi Nhâm Ngọ hay Tân Ty ? Nhiều khi khổ quá, tôi tra tử vi để xem mình có thể lọt vào con giáp nào.Thế hệ tôi ra đời, lịch sử bắt đầu biến chuyển lớn. Cuộc chiến bắt đầu đi vào khốc liệt. Tàn cư và tàn cư. Chạy loạn rồi chạy loạn. Mất tất cả. Chẳng ai còn gì. Nhất là hoàn cảnh gia đình tôi. Cả một giòng họ luân lạc, tạo dựng đời sống bằng sức người. Từ khi tôi vào đời không hồi môn, không thừa kế, không gia phả.Từ buổi Ba tôi, một trang công tử, tiêu xài khánh tận tài sản và tuổi đời.Thời mới lớn, tôi hỏi về giòng họ bên nội, về tôi, Ba tôi thường đắm chiêu. Nét phiến muộn sớm nhìn tôi.Thửa đó, tuy còn nhỏ, nhưng

tôi vẫn kịp nghĩ rằng điều đó không có gì quan trọng và cũng chẳng nên hỏi thêm để người cha đôn hậu, hiền như giọt nước, đang quá kham khổ lại thêm buồn. Cứ thế rồi ngày tháng qua đi. Tôi say mê và làm thơ rất sớm - ở lứa tuổi chưa biết giăng mắc cuộc đời thì ngọn phiêu bông, giòong lãng đãng đã vội lôi vào tận cùng của viễn mơ. Tôi là đứa trẻ hân hoan vô lối trên tận đỉnh mộng mơ. Cuộc phù hư của cõi tạm này có gì cần thiết cho người làm thơ đâu. Và như thế, sự xung quanh kể cả cái lý lịch của chính mình, tôi thấy chẳng cần gì phải băn khoăn, tra vấn.

Tôi từ Châu Ổ tản cư lên Trà Bồng. Rồi từ Trà Bồng theo cha ra Faifo. Ở Hội An một thời gian, Ba tôi lại đưa gia đình ra Đà Nẵng. Đi học rồi trở về Quảng Ngãi. Giấy khai sinh do một người làm hộ đặt một cái tên cũng tạm được và cũng rất thông thường. Đề tôi sinh năm 1942 tại Hải Châu, Đà Nẵng. Nhưng có một lần Ba tôi nói loáng thoáng Bà Nội tôi ở Thu Xà, Quảng Ngãi. Ông Nội tôi thì ở Điện Bàn Quảng Nam. Và tôi lớn lên từ Quảng Ngãi. Nơi nào rồi cũng là quê hương của con. Vâng, nơi nào mớm sữa nuôi lớn tâm hồn con, cho con ăn học, cho con làm người, nơi đó sẽ là quê hương yêu dấu, quê nhà thân ái của con.

Đà Nẵng cho tôi tuổi ấu thời buồn đẹp. Tôi theo bạn bè chạy nhảy hoặc co ro hàng giờ, hàng buổi ở đình làng Hải Châu. Ngã Năm với những tiếng xe ồn ào vào sáng sớm tinh sương đã đánh thức tôi dậy, ngái ngủ ngồi học bài dưới ánh sáng hắt xuống từ ngọn điện đường đã cho tôi hiểu thân phận của một đứa bé nhà nghèo đang sống

nơi đô thị giàu có.

Đến khi biết mặt đồng phục của học sinh, biết lấy mấy ngón tay chải rẽ tóc, tập tễnh làm thơ và thấy nhớ Em, tôi bắt đầu buồn bã và hàng đêm lén nhà đi lang thang khắp phố. Về sau này, tôi biết đó là điều không tốt cho việc học. Vì tôi "yêu" quá sớm và mơ mộng, lãng mạng chưa đúng lúc. Thế nhưng tâm hồn và tình yêu gõ xuống trái tim người không đợi tuổi. Từ đó Đà Nẵng cho tôi biết hơi thở của Em mà vô tình và cung rất cao thánh. Em phả vào tôi trong một buổi đùa nghịch ấu thời. Mùi hương thánh thiện đó như gió thoảng hương trầm mà mãi đến mấy mươi năm sau còn phảng phất. Tưởng chừng như vừa bắt gặp mùi da thịt con gái mới lớn đầu đây. Và để thương hoài ngàn năm - bởi những quyến luyến phù du chỉ được tạo dựng trên tận cùng đỉnh cao của khát vọng. Những mơ ước được treo trên sợi tơ hồng đời sống để con người vẩn vương, bị lụy trên đường trần tục. Phải vậy không em ?

Thế rồi tôi đội mũ cối trắng, mặc áo sơ mi trắng, quần sọt trắng, chân đi giày ba ta trắng; từ già em, già từ Đà Nẵng để lạc loài trong lớp học mới, một ngôi trường mới của Quảng Ngãi. Rồi đi đứng lẻ loi từ sông Đào vào Ngã Tư Chính. Hàng đêm ngồi trước trang giấy trắng - xô lệch sách vở kinh điển qua một bên; vẩn chồn vờn phố xá từ Ngã Năm Đà Nẵng vọng về, thương nhớ.

Nhưng con người là đầy tớ của chính mình và dễ dàng thích nghi với hoàn cảnh. Và con người cũng dễ dàng say mê cũng như nhanh chóng lãng quên. Quảng Ngãi với

đôi tay rộng mở đón chào buổi tôi quay về.Nâng đôi chân tôi ngày bốn bận đến trường.Và từ đó, tôi ngày bốn bận nhớ thương, tôi đúng hẹn "đứng đợi chờ nón trắng với tay thon." Lại có em để tôi yêu từng ngọn núi đá, từng con đường đầy bụi.Yêu thành phố nghèo khổ, căn cỗi của "cuộc sống quanh năm khô lúống đất cày." Hạn hán với những trận nắng gắt từ Hạ Lào thổi tạt. Rồi bão lụt tiếp đến hành hung, tàn phá. Tôi bắt đầu thêm đội mưa, lội nước giữa phố bồng bênh đi ngang nhà em đang ngập lụt.

Tô don của người đàn bà bán rong buổi sáng bẻ nhỏ chiếc bánh tráng dòn.Những con cá bống Trà Khúc.Tô bún giò heo Ngã Năm. Tô tiết canh Bắc Môn. Cục đường phèn đường phổi. Đũa mạch nha. Và những con chim mía rô ti vàng dòn... Và Em với giọng hát cứng, phát âm sai chính tả. Tất cả đó, tất cả đó; Quảng Ngãi trở thành là hơi thở của tôi, của thơ tôi.

Đà Nẵng cho tôi tuổi ấu thời buồn đẹp, ngây ngô.Nhớ Em, thích nhìn Em thả tóc bay trong gió chiều, nắng sớm; nhưng không biết đó là tình yêu cao thanh trong buổi đầu đời.Ngược lại Quảng Ngãi cho tôi tuổi làm con trai, tuổi bước vào ngưỡng cửa của thanh niên. Quảng Ngãi cho tôi tận cùng những ngày vui òa vỡ tiếng cười.Và Quảng Ngãi cũng cho tôi tận cùng nỗi phiền muộn, buồn thảm không phải của kẻ thất tình mà là của một người luân lạc trên chính bước chân mình.Tôi đi tận cùng ngõ ngách của Quảng Ngãi. Trầm tư và thẳng thốt. Đập phá và hiền hòa.Tại sao Quảng Ngãi thuở ấy không cho tôi một cuộc tình lớn để điên đảo tuổi thanh niên,

mà chỉ cho những sôi nổi, lý thú không có điều gì tươi mát. Quảng Ngãi thân thương quàng cho tôi một vòng nguyệt quế và trói trên tay tôi những thắt năm dài nhọc nhằn, đầy ải. Tâm hồn và bước chân giang hồ vật của tôi mòn gót nhiều nơi với quá nhiều kỷ niệm khó quên. Phố cổ Hội An, Ngã Năm Đà Nẵng, Huế với những ngày trên bờ Đập Đá, Qui Nhơn những chiều trên ngọn núi Trọc, Đà Lạt, Sài Gòn, Nha Trang, Quảng Trị... Tất cả chỉ còn là quá khứ mù sương. Còn lại trong tôi ngum rượu tàn chạnh choáng. Tôi muốn quên, muốn xa lạ, lạnh lùng. Nhưng cơn say còn lại để nhớ những điều muốn quên. Quảng Ngãi bỗng bình trước mắt tôi như cái nhìn nhạt nhòa của tên tửu đồ quá chén ; đổ tràn bức xuất xuống tận cùng nổi bi lụy, ngang tàng.

2.

Tôi đang sống khốn khổ ở Sài Gòn - nơi mà mấy mươi năm trước đây đã dạy cho tôi nhiều điều của tuổi bước vào ngưỡng cửa đàn ông và giờ đây dạy tôi sống của cuộc làm người. Và đó chính là nơi tôi chọn lựa để làm quê hương của tuổi xế chiều nhớ về một quê hương của thời đã trở thành hoài niệm.

Em khuyên tôi làm thơ và viết lại. Tôi thoáng buồn và đám than nào đó vừa mới nhen lên. Dĩ nhiên tạp ghi này không phải là sính lễ tặng riêng em. Tôi tặng tôi trong buổi ngậm ngùi. Tặng vách đá núi rừng của một thời xa vắng. Tôi thêm một chuyến về Trung để từ Sài Gòn đi ra dọc theo dãy Trường Sơn ngạo nghễ qua hết cây số 877 để thấy lại vùng đất cằn khô có hình chữ nhật chiếm một

diện tích không quá bốn, năm ngàn cây số vuông, để nghe lại tiếng kêu trầm thống của người đàn bà có chồng bị lưu đầy đến đó:

"Dậm chân xuống đất kêu trời

Chồng tôi vô Quảng biết đời nào ra. "

Tôi không vô hẩn mà cũng chẳng muốn ra luôn.Vì tôi không phải là người đàn bà trong ca dao. Và tôi cũng không phải là người đàn ông đó đến một nơi không chọn lựa. Tôi đứng bên ngoài và đưa tay xoa lên đôi núi Quảng Ngãi.Tôi nghe chân mình mát lạnh từ giòng nước cạn bến Tam Thương.

Ngày xưa nhà tôi ở ngoài sông Đào gần cầu Trà Khúc. Mỗi chiều dưới bóng nắng vàng hanh nhìn lên Thạch Bích Tà Dương. Và Em ở tận Châu Sa nơi có Vân Sơn Túc Vũ. Em lãng mạng nên lấy thơ ta trả bài cho thầy dạy Việt Văn.

Sự lãng mạng bao giờ cũng lãng đãng như mây trắng vờn trên đỉnh núi.Mây thay đổi, biến màu chỉ có núi muôn đời cô đơn, thâm lặng.

Và Em nữa, Em theo ta lội bộ từ Quán Cơm lên tận ngọn núi cao hơn 105 mét để nhìn mây bay, nghe chim hót,lá rụng giữa cảnh hắt hiu, tĩnh mịch. Ngọn núi kia như cái Ấn Trời đóng xuống một cánh đồng cỏ bao la: Thiên Ấn Niêm Hà. Đệ nhất thắng cảnh này cũng muôn đời thâm lặng, cô đơn.

Và Em nữa, Em mở tròn đôi mắt biết cười, biết làm

duyên khi nghe ta kể về chuyện xưa-xưa như huyền sử. Buổi đó, mây trời còn đẹp; giòng sông Trà Khúc vô cùng im vắng, hiền hòa. Có một người đàn bà vô cùng nghèo khổ hàng ngày bắt ốc, hái rau để sinh sống. Một hôm bị rái dưới sông Trà Khúc nhảy lên làm tình. Người đàn bà thụ thai, thay vì đẻ ra quái thai thì lại sinh ra một đứa bé vô cùng khôi ngô. Tỉnh khôi phát tiết báo hiệu đế vương được gọi là vua Hoàng Chiếu. Do đó, để trăm chân mạng đế vương, Cao Biền xúi vua Hoàng Chiếu treo gươm cắt đứt đầu rồng dưới nước. Rồng bị đứt đầu, lia khỏi cổ, máu ra lai láng. Hết chuyện Long Đầu Hí Thủy. Và từ đó nước sông Trà đỏ một màu son vào những ngày bão lụt. Và chuyện một vị sư đào giếng ở chùa Thiên Ấn. Thời xưa Tổ đình Pháp Hóa thiền định vẫn không thể nào đào xong một cái giếng. Sau đó có một vị sư trẻ đào được cái giếng có nước trong xanh tươi mát cho sư sãi và dân trong vùng chung hưởng, thì bỏ đi biệt. Ngày nay, những mơ mộng, lãng mạn có người khai mở tâm hồn Em. Em tận hưởng cùng chồng thì người khai mở cũng luân lạc xa xăm.

Ngày xưa - lại ngày xưa, có những giờ trốn học, tôi lang thang và buồn quá nằm dài trên bãi cỏ xanh, dưới những vòm cây thơ mộng của triền núi Thiên Bút Phê Vân. Chắc Em không còn nhớ ? Dưới những hàng thông, những cụm "giũ dẻ", những cành sim trên triền núi Bút hoang vu đi dần lên ngọn núi cao như tháp bút chỉ thẳng lên cụm mây trôi lãng đãng. Những năm 1959-1960, nơi đó đẹp và hoang sơ một cách tự nhiên. Em một lần đã nói, nơi đây nghe cả tiếng lá rụng, tiếng chim trời tình tự. Tuổi trẻ phải có hoài bão, ước vọng. Tuổi mới lớn, ta mơ

ước nhiều điều nằm trong tình sử, đâu nghĩ rằng buổi yêu người là loạn sử mở trang.

Bút trời vẽ mây bay.Đó là biểu tượng của một huyền thoại hay là biểu tượng cho cuộc đời bể dâu này.Ngòi bút của con người không thể vẽ hết, viết hết những được lý tưởng và tâm huyết của chính con người. Ý chí là cây bút mà lý tưởng chỉ là mây trời lãng đãng.

Và Em nữa, Em cũng a tòng theo sự đổi thay nhanh chóng và thô bạo.Tôi không thắng thốt. Tôi không bàng hoàng. Ngày nay Thiên Bút Phê Vân vẫn chỉ là ngọn núi được tô vẽ, đổi thay che khuất nổi tàn phai trong cõi hư vô, lặng lẽ.

Ngày xưa, nếu Tả Quân Lê Văn Duyệt có chân mạng để có một trận đồ thì Núi Hùm cũng chỉ là một kỳ tích để có một tên gọi đơm mùi huyền sử: La Hà Thạch Trận.Tôi không buồn. Tôi biết tôi. Thủa mới lớn, những ngày cuối tuần tôi thường ngồi hàng giờ trên "Cổ Lũy Cô Thôn" và ngắm "Liên Trì Dục Nguyệt". Có nhiều buổi vu vơ, tôi cố nghĩ về tương lai dự phóng đời mình, khi ngắm cảnh "An Hải Sa Bàn"

*Hơn nửa đời mây trời lãng đãng
Trắng hai tay vỗ nhẹ cuộc giang hồ*

Giờ đây, trở lại chốn xưa- dĩ nhiên không có Em; mái tóc hoa râm xoà trên vầng trán nhăn nheo, khuôn mặt gầy xương, răng rụng theo thời gian đầy ải, khốn khổ; một người như anh, như tôi, hiểu và tâm cảm được nỗi hắt hiu, tàn tạ của luống cát vàng.

Những tiến bộ văn minh, những thành công lớn lao của khoa học kỹ thuật đưa con người lên đỉnh cao của đời sống, chế ngự hoàn toàn thiên nhiên. Nhưng văn hoá nhiều khi còn róc rách bên giòng suối hoang sơ. Tôi còn nhớ, thửa mới lớn, thời còn ở Trà Bồng theo người lớn tắm suối. Tuy còn nhỏ, nhưng vẫn biết "hoang", biết nghịch, cũng thích nhìn trộm các sơn nữ tắm truồng. Người con gái Thượng du thấy ai nhìn trộm vội đưa tay che mặt, thân thể loã lồ từ vú đến "toà thiên nhiên" -nơi tạo nên nguyên nhân tất cả, cứ để mặc cho đàn ông, con trai nhìn ngắm! Có lẽ họ cho rằng đàn bà con gái ai cũng như ai. Có gì phải che đậy. Cần nhất là cái mặt. Đó cũng là một triết lý. Một phong tục. Một quan niệm văn hoá. Ngược lại, Em rất văn minh, có học. Có lần Em thay áo quần, thấy tôi tình cờ đi đến; Em vội la lớn, mặt đỏ gay, lúng túng che đậy bờ vai, bẹn cổ. Sau này khi lớn lên, tôi mới nghĩ rằng phần kín đáo -toà thiên nhiên. Em cần che dấu mà cúi mặt có nghĩa gì đâu. Và giờ đây Em vẫn bình thản, kiêu sa trên cuộc đời trần tục. Bởi tội lỗi và tráo trở đã được che kín tự bao giờ. Đàn bà giống như một chính khách bước vào cuộc đời bằng khuôn mặt, vạch môi nở nụ cười. Còn nghệ sĩ đến với cuộc đời bằng cách ngược đời đưa chiếc lưng đi trước. Người Quảng Ngãi ngoài cái "Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay co" còn có cái "quá khích". Yêu bạt mạng và ghét thì ghét đắng ghét cay. Không biết tôi có những cái tính chất quá khích đó không, khi nói về Em - người đàn bà và cuộc đời...

3.

Em từ Quảng Ngãi mới vào. Gặp nhau thăm hỏi. Dĩ nhiên đóng vai chung tình, tôi hỏi thăm:

-Ngoài mình có gì lạ ?

Em trả lời thật thà hay thuật ngữ:

-Tháng Chạp ngoài mình mưa thối đất ẩm nhà. Giống như anh một thời mới lớn, bị lụy quá nhiều.

Quảng Ngãi và Tôi, thân tình hay xa lạ? Từ Sài Gòn mưa gió thất thường; tôi chợt nhớ lại những cơn mưa tháng Chạp của những ngày sắp sửa qua một năm mới - một mùa Xuân, không biết có gì khác hơn không? Tôi làm thanh niên với quá nhiều điều để nhớ.

Sài Gòn, tháng Chạp năm Giáp Tuất.

Bệnh Bồng Giữa Phố

(Truyện ngắn: Bệnh Bồng Giữa Phố của Phan Nhựt Thức do một độc giả của TQBT copy lại trên tuần báo Khởi Hành (bộ cũ trước 1975) gửi đến chúng tôi. Nhưng lại không ghi rõ Khởi Hành số mấy, phát hành vào năm nào. Chúng tôi đánh máy lại theo bản copy. Xin thành thật cảm ơn độc giả đã gửi thêm tư liệu còn giữ được những bài viết trên Tuần báo Khởi Hành cũ, làm phong phú thêm cho số chủ đề về Phan Nhựt Thức trong số 27 này). TQBT.

Xe vụt qua, nước trườn lên leo vào nhà ngửa nghiêng đổ dạt, rung chuyển vách tường. Rác rưởi tấp hai bên lộ. Thành phố chúng ta. Nghèo đói, tiêu tụy, bẩn thỉu và làm dấy. Tôi đứng nhìn suốt Quảng Ngãi. Xót thương và chán ghét. Thân mật và xa lạ. Con phố với những ngã đường mùa hè bụi tung mờ. Gió hạ ào thổi rát da mặt. Mùa mưa bùn lầy. Tìm một đoạn đường ngắn bằng phẳng trắng nhựa khó hơn tìm những khuôn mặt làm chính trị nham nhở vênh váo hai bên vỉa hè. Thành phố giữa trận lụt, sau cơn bão bi thảm như một con đĩ rạt, như trận chiến bẩn thỉu trên đất nước chúng ta. Tôi được nuôi lớn từ đó, và tôi nhận ra rằng tôi và hẳn có những ràng buộc, những thặng trầm từ một thuở nào xa xưa không hay biết. Tôi và thành phố này như với người tình đầu tiên bội phản đáng ghét. Muốn quên nhưng chẳng đành ruồng bỏ. Tôi lội ngược về phía hướng đất cao. Mưa vẫn xòa trên mái đầu. Tôi như một người được thất tình để hưởng cái thi vị chán đời, đếch cần sự chung quanh, trong buổi sáng này. Tôi lội ngược dòng nước chảy. Một loạt nước do chiếc xe nhà binh vút qua xô tôi ngã chúi. Trước mặt tôi, một người hành khất tránh xe sụp xuống chiếc hũng cạn. Tôi nghĩ đến những người ở Sài Gòn, ở Trung ương cao xa trong mấy ngày qua đang hò hét trên báo chí, trên truyền hình, trên máy phát thanh về việc cứu trợ miền Trung trong trận lụt vừa qua. Tôi nghĩ đến những món thời trang. Những phỉnh gạt. Những lừa đảo. Những nguy tạo. Những trò bịp mắt ú tím. Những trò hề trên chính trường. Ở Sài Gòn ngồi trong những căn phòng cao rộng để nói về miền Trung bão lụt đói rét. Phẩm vật tiền cứu trợ cho trận lụt vừa qua, những người ăn cắp

chưa kịp chia phần thì trận mưa bão thứ hai kéo đến. Thảm trạng của trại định cư Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ...ám ảnh tôi trong suốt mấy ngày qua. Những xác người trôi. Những mái tranh rã giữa dòng. Những đôi rét. Những giòng khóc. Những tiếng kêu. Tôi cũng bị một giòng nước cuốn trôi. Tôi nguy tín tôi. Tôi đánh lừa người. Buổi sáng tôi mang tới đội áo đi thăm đồng bào nạn nhân. Ghi ghi, chép chép. Họ đặt một hi vọng vào những người đã đến - mặc dù trong suốt đời sống từ bao lâu rồi họ bị lừa đảo liên tiếp. Tôi buông tay. Tôi rã rời. Tôi mệt mỏi. Tôi lợi ngược giòng nước - tôi muốn lợi ngược đang cuộn chảy trước mặt chúng ta. Tôi lợi ngược giòng nước. Tôi tìm cách vào trường.- ngôi trường xa lạ giữa thời đại này. Mấy anh em chúng tôi đứng ra mở một trường trung học miễn phí. Tuổi trẻ không thích mưu đồ, không ưa làm chính trị. Nhưng tuổi trẻ thích dẫn thân quay vù trong công việc bởi chúng ta cô đơn rời rã và buồn phiền. Tuổi trẻ là những trái phá, là những ngòi nổ. Chúng tôi lợi ngược giòng nước. Vài người bạn ở Sài Gòn rất thực tế, rất cuốn xuôi, đã cho chúng tôi là loại quân tử Tàu trong thời đại nhiều nhượng, kim tiền này. Tôi cố lợi ngược giòng nước. Khi lên đến khu đất cao, tôi nghe hai chân tôi tê cứng. Tôi phải đến đó - đến khu trường yêu dấu ấy. Học sinh tôi là những đứa trẻ đã được những nghèo đói, khổ sở, tủi nhục, thua lỗ, bất công...nuôi lớn. Chúng là những đứa trẻ không có tuổi thơ. Đa số chúng lớn lên từ những vùng giặc nổi, từ những vùng lầy. Đa số chúng đã thất học bởi một cái tội không đủ tiền, không là con cháu của những kẻ ăn cắp, giết cướp giữa xã hội này. Chúng nó vừa lớn lên để bắt gặp hình ảnh một chiếc khăn tang

đang quần lên đầu mẹ, đội trên đầu chị. Người cha què một tay, người anh mất một chân, để làm giàu cho cuộc chiến tranh đang sẵn sàng đón đợi chúng ân cần. Tôi phải đến với chúng. Chúng không có tiền đóng học phí nhưng chúng có một trí thông minh, một niềm tin để học. Chúng đang ngồi trong lớp nhìn dòng nước lớn với bao nhiêu âu lo, nghĩ ngợi.

Khi từ trong trường ra, người tôi rét run đến độ hàm răng chạm vào nhau liên hồi. Tôi định về nhà một vài người bạn thân. Bọn hấn đang với vợ con đầm ấm. Tôi không muốn nhìn lại tôi. Tôi không muốn nghe vợ chồng chúng nó khuyên những điệp khúc rất cụ và cũng rất có lý – dù sao tôi cũng đã lớn rồi. Tôi quành qua ngã đường khác. Tôi định trở về khu Trùng Khánh – có căn phòng tôi thuê chung với một người bạn viết văn, ngủ hàng đêm. Hấn có một đời sống tế nhị nhưng hay cấu kỉnh.

Năm căn phòng. Mấy người bạn giáo sư, sỹ quan và làm văn nghệ. Tôi và hấn. Và những chán buồn thường trực. Nơi đó, tôi thân mật như thịt da tôi. Nơi đó tôi chán như đời sống tôi. Nơi đó, tôi tìm thấy tôi bằng những đêm chờ sáng. Nơi đó tôi yêu tôi bằng những cơn say ngã đất nghiêng trời. Nơi đó tôi chạy trốn tôi bằng những trò bông đùa rất trẻ con, bằng những ván bài thâu đêm suốt sáng. Tôi mua suốt, cho suốt đời tôi chẳng bao giờ được. Tôi lãng tẩu đời tôi bằng đam mê và liều lĩnh, cũng chẳng bao giờ được. Trái tim tôi, tâm hồn tôi là một lá bài tẩy, đã được cuộc đời lật tẩy. Tôi có thấu cáy cũng chẳng bao giờ được. Tôi thương Nguyễn Bính như tôi thương tôi. Tôi thương tôi gần 30 năm “sòng đời thua đến trắng hai tay”. Sòng đời tôi là một sòng phé. Tôi mê xì phé hơn đàn bà con gái. Và chưa lần nào tôi được bạc

khi canh bài kết thúc. Bạn bè can ngăn bởi thấy tôi thua mãi. Tôi thấy được điều đó – chẳng đợi chúng nó bảo, sau nhiều lần cháy túi, đổ nợ. Tôi thấy được cái bản thủ của một con bạc. Không ai hào hoa bằng người mê bài bạc và cũng chẳng ai bản tiện bằng những người ngồi vào sòng. Tôi khó đứng ngoài cuộc chơi rất người này. Xì phé là thứ tình nhân đáng ghét nhưng vô cùng quyến rũ. Thế thôi. Và có lẽ giờ này chúng đã lập từ bao giờ đôi ba sòng trên những chiếc giường cao. Tôi không còn một đồng bạc kênh và tôi cũng đã bỏ bài bạc từ những ngày gần đây. Tôi nghĩ chẳng đến đó làm gì. Tôi tiếp tục cùng với giòng nước bạc. Và con phố tiêu tụy. Nếu giờ này vào nhà một thiếu nữ dọn lút hay tán gẫu bên lò sưởi. Hay vào một quán cà phê buồn, nhớ một người nào, thương một đôi mắt, một mái tóc. Thú vị và hạnh phúc. Suốt cả hai năm nay, tôi chẳng hưởng được cái buồn thi vị đó. Trong phút giây này tôi nhận ra rằng làm con trai không gì buồn và khổ cho bằng đời sống lẽ loi và bình thản – chẳng có một biến động nào. Con trai hoặc được yêu hoặc được thất tình. Tôi chẳng có ai mà nhớ, chẳng có ai mà hận. Thật buồn phiền. Tôi bây giờ là loài bèo bọt, là giọt phiêu bồng. Tôi săn đuổi tôi trên suốt đoạn đường nửa đời người. Tôi tát cạn giòng lệ biếc trong tôi bằng cuộc sống trước mặt, bằng những cơn gió chướng quay vù cùng ngày tháng mỗi.

Tôi chẳng muốn trở về với gia đình. Ở đó những đứa em. Người cha ốm đau đổ xiêu cuộc đời trên những cơn rên đau nhói. Người mẹ gầy khô chưa thoát tay cơn bệnh. Tôi thả tôi giữa cơn mưa trút nước một sáng mùa đông. Và thành phố bản thủ bấp bênh trên giòng buồn phiền của cuộc sống tôi...

Khi tôi về gần nhà, tôi như một thứ người nộm bị ngâm nước. Người tôi tan rã. Tay chân tôi nặng trĩu. Tôi thay quần áo. Tôi nghe tôi nhức nhối. Tôi nghe tôi lạnh cóng. Tôi cuộn tròn tôi như một con cuộn chiếu trong chiếc mền lính xù lông. Tôi nghe tôi nứt nở, và tôi thiếp đi nặng nề. Tôi chiêm bao bị trôi giữa giòng biển nước mênh mông không ai cứu vớt. Tôi vật vã. Và im lìm.

Khi tôi tỉnh dậy, trời đã trút xuống tận cùng của đêm khuya. Người tôi ê ẩm. Trời đất bao la. Trước mặt mấy trang giấy trắng mênh mông. Trí óc tôi trống rỗng. Cả năm nay tôi chưa viết được một đoạn văn, bài thơ – dù là những vụn rời lảm cẩm. Tôi khán tận tâm hồn tôi. Tôi tiêu pha phung phí. Tôi trở lại giường cuộn tròn như một con cuộn chiếu trong chiếc mền lính xù lông, Hơi ấm phát ra êm đềm. Tôi thêm một đoá môi thơm con gái. Tôi rạo rực như một cô con gái trong đêm dậy thì. Và bỗng nhiên tôi tìm thấy tôi thân ái. Tôi tìm thấy tôi yêu dấu. Tôi tìm thấy thịt da tôi thân mật. Tôi tìm thấy tâm hồn tôi rực rỡ trên một vùng cao sáng. Tôi đứng dậy sau khi tôi ngã xuống đờn đau. Và tôi đã yêu tôi ân cần, thấm thiết.

Và ngoài kia trời mênh mông. Thành phố và tôi bênh bồng trên nổi đời cuộn theo một giòng hiu hắt.

Quảng Ngãi, kềm gai và những loài chim nhỏ

1/

Những ngày tháng ra giêng rời vụn, bứt bùng, ngọt ngọt, chán nản, mỗi một, hốt hoảng trên từng ngôi nhà, đường

sá và con phố Quảng Ngãi. Tôi đã thả tôi lẫn cùng ngày tháng đó. Và trong sự sống nghiệt ngã tôi phấn đấu với tôi rời rã. Tôi đã ngồi nhìn tôi thăm nảo cùng với sự xung quanh buồn nản, khô hời. Trước mặt những hàng kẽm gai chia phân từng con đường nhỏ lở lói bụi bặm. Ôi thành phố yêu dấu của ta đã trở thành một phòng ngự, một biên đồn chống giặc mà hàng đêm các em, các anh, bằng hữu, đồng bào tôi cũng đành nhận làm những tên lính gác, chong mắt nghe ngóng âu lo.

Em hời em – hời con chim nhỏ chiều nay bay vào hồn tôi bối rối, tôi xin làm tên lão bộc nuôi loài chim quý suốt thời gian cô đơn. Em nào hiểu được thành phố chúng ta đang phập phồng trong cơn lửa đỏ, trong mùa tổng quấy phá của kẻ thù? Em nào hiểu được nỗi xót đau của một cuộc chiến đã đánh quy bạn bè anh tàn nhẫn, đã dạy bằng hữu anh trở thành những tên truy hoan phá đời hung hãn và biến bạn bè anh thành người hùng vinh hiển hay những người buồn bã – mặc dù hàng ngày, hàng đêm vô tình em bị cuốn lôi vào sự kinh hoàng của chiến trận. Em nào hiểu thấu những buổi chiều vội vàng anh ngồi bông đùa cùng bạn bè bên tách cà phê trước khi anh về nhà và những chén cơm mặn, khô sủa soạn cho một công việc bình thường tìm một chỗ ẩn thân như bạn bè em hàng đêm tản cư chạy giặc. Vậy đó: chúng tôi cười nham nhở, cười vỡ từng nỗi hoang vu trong lòng mình, cười và từng nỗi chán nản bức dọc xung quanh. Và thành phố chúng ta cũng thế. Xin người hãy bao dung tha thứ.

2/

Buổi chiều xuống vội. Con nắng quái gỡ vàng vọt chạy

trốn từng đoàn mây đen và những ụ khói mù của những chuyến bom vừa thi nhau đổ xuống. Tôi ngồi một quán cà phê. Quán cà phê bị bủa vây bởi những hàng kẽm gai phòng ngự. Quán cà phê mở và đóng cửa vội vàng. Quán cà phê có bà chủ thật đẹp vừa chút khấn tang. Quán cà phê hoang vắng và bé nhỏ. Tiếng nhạc từ căn nhà bên cạnh gõ xuống buổi chiều âm u một ca khúc buồn bã ca khúc bị cấm phổ biến bởi tác giả đã nói lên sự tan vỡ của đời sống, sự khốc liệt của cuộc chiến này....Tôi ngược nhìn khu trời cao phía trên kia, những chiếc phi cơ vút lên và chúi xuống thả những chuyến bom vào ổ địch. Trước mặt tôi, năm ngã đường lở lói, nhỏ hẹp trông thật thảm nảo. Trước mặt tôi những toán người lánh cư, tìm chỗ tương đối an toàn để ngủ qua một đêm. Trong đó có những cụ lão già nua, những cô bé nhí nhảnh trong sáng. Vài cô học trò cũ vừa chào tôi vừa trả lời tản cư, chạy giặc. Những con chim nhỏ líu lo, nháy nhót đáng lẽ phải vui vẻ bên ngọn đèn và quyển vở mở trước mặt đêm nay lại âu lo cuộc chiến hơn sự học, âu lo như một người lính đang sẵn sàng tác chiến. Tôi nhìn căn nhà bên cạnh có cây trứng cá và chùm hoa giấy xác xơ. Hai con chim bàng khuâng đứng nhìn buổi chiều sắp hết.

Ở giữa ngã năm này, căn nhà em hơn một lần bị đốt cháy. Ở phía trên kia xóm em giặc đến mấy lần. Trận chiến đã hung hãn dần ra tại khu vực này năm ngoái. Trên con đường Võ Tánh tôi thường lui tới nhà một người bạn thân ăn ngủ và đùa với đứa cháu trai nhỏ, năm ngoái trận chiến bày từng ống chân, từng khúc tay, từng xác chết thối sinh. Tôi nghĩ đến đứa bé đó với những điều viết cho nó từ khi còn ở KBC 4100. Bây giờ như

đêm nay giấc có thể dần trện ở đây. Đêm qua, giấc đã đến xóm tôi. Căn nhà trước mặt đổ nát. Thành phố này có em, những con đường không phải để chúng ta dạo mát, không để chúng ta bách bộ. Thành phố của kềm gai. Thành phố để các em chập chờn giấc ngủ bởi những loạt đạn nổ, bởi những tiếng pháo kích ầm ĩ. Thành phố này đó em, tạo những dày xéo bức dọc thường trực quanh đời sống chúng ta bởi những xoi bói của một thứ tỉnh lẻ. Thành phố này đó bạn, buồn bã và khô hài. Thành phố này đó anh, đã phấn đấu mảnh liệt và liên tiếp tạo một sức sống vươn lên trên những mỗi một già nua. Tất cả đó là ngày tháng của thành phố chúng ta. Tôi đã xem thành phố này như một niềm yêu dấu, và cũng đã chán nản bức dọc vì cái không khí xung quanh nó. Tiếng còi giới nghiêm. Đây em cánh cửa sổ sẽ khép. Rồi con phố sẽ chết đi trong nỗi im lìm của đêm...

3/

Tôi thêm mnột chén trà nóng thơm ngon. Một căn nhà. Một khu vườn tĩnh mịch. Tréo chân nhả khói thuốc. Và một mình – rất một mình. Quên hết, không có bạn bè thân ái. Quên hết những cuộc tình đã qua. Đẩy lùi những ràng buộc xung quanh. Trong bóng tối tôi sẽ tìm được tôi. Tôi tìm được em đích thực. Tôi tìm được bạn bè tôi. Ở đó chẳng còn gì hết – chẳng có tin bạn bè vừa chết ở Nghĩa Hàng, ở Sơn Tịnh. Chẳng có thằng bạn làm thơ vừa cưa chân ở Đức Phổ. Tôi sẽ thức để tìm ra tôi và tôi sẽ ngủ một giấc bình yên không mộng mị.

Đồng bào tôi chắc cũng thêm như thế. Người cha già khốn khổ của tôi thêm một khu vườn, thêm nhìn thấy tôi

có gia đình đầm ấm. Ôi những khát vọng đơn sơ nhưng nào ai đã gặp, và cả thành phố đều ước ao hạnh phúc. Lời tự tình ta xin thấp sáng lên những mái ngói và con đường đang có những kẽm gai...

(Trước Mặt số 13 tháng 1 năm 1969)

Thơ Phan Nhự Thức

LTS: Về thơ của PNT, chúng tôi đã sưu tập được tập thơ Đốt Tuổi do Ngưỡng Cửa xuất bản và in tại Quảng Ngãi vào năm 1969, gồm những bài thơ khi PNT có mặt ở chiến trường miền Trung. Ngoài ra chúng tôi cũng sưu tập được từ bản thảo do bạn bè giữ gìn như bài thơ sau đây qua lời giới thiệu của Lữ Kiều:

Phan Nhự Thức đã mất được vài năm. Sáng nay, lục trong chồng thư cũ, tôi tìm thấy bài thơ này. PNT đã làm trong tâm cảnh bi thiết của thời buổi đó, và bạn, mang đến cho tôi vào một buổi chiều, rủ nhau ra một quán cóc lề đường, uống với nhau xì rượu, và đọc lên bài thơ này với giọng hào sảng cảm khái.

Ngày bạn bệnh nặng, tôi đến thăm, bạn cười buồn, ráng đọc lại một đoạn thơ sót lại trong trí nhớ.

Bây giờ, PNT không còn nữa, chỉ còn lại nét chữ rất đẹp và bay bướm của bạn.

(Lữ Kiều- Ý Thức Xuân Nhâm Ngọ 2002)

(trích từ Ý Thức Bản Thảo- mùa xuân Nhâm Ngọ 2002)

Ngồi Lại Bên Vườn

Ngồi lại bên vườn, chân bết đất
Mùa nước ao sên- lún bùn đen
Bóng mây chìm thoáng lòng ngầy ngật
Ta chợt buồn như một thói quen

Thói quen cũng đã theo trang sách
Chữ nghĩa vẫn chương buổi nhạt nhòa
Bỗng ai khua động bờ lau lách
Ngỡ tiếng thơ vừa dậy dưới hoa

Thơ với người xưa đi biển biệt
Vết gió du hành xóa dấu chim
Lưỡi kiếm phong trần ai tuần tiết
Tràng cười ràng rụa xé trắng im

Người xưa từ dạo mơ bất tử
Ngậm thuốc trường sinh bốn xác phàm
Đành đứng ôm thân bờ lưỡng lự
Tóc rụng đầy hồn trắng túi tham

Người xưa từ buổi khoe xiêm áo
Kiếm hiển vinh đâm xuống tim sâu
Khanh tướng nửa chừng rơi giáp mao
Chống cuộc nhìn lên mây biển đầu

Người xưa từ thừa ôm trắng chết
Rượu ngập nhân gian túy lúy sâu
Thơ thét lên rặng rời sông nước

Cơn say còn chếch choáng ngàn sau

Người xưa từ nỗi đời im bất
Đốt lửa cười rung rục cửa thành
Ai đập bệ rồng nghiêng mặt đất
Cuộc thất tình vua cũng loang quanh

Người xưa từ lúc vung tay võ
Giữa chợ giết người lên núi tu
Chén rượu bênh bông trôi tiếng mõ
Chùa xiêu hảo hơn đập thiên thu

Người xưa chắc giống như thi sĩ
Bày tiệc trần gian thiết đãi đời
Vất kiếm anh hùng say bí tử
Đốt sạch nhân tình – đem xác phơi

Tàn tiệc thánh thần ngồi chết ngưỡng
Che mặt nghiêng đầu lệch thánh thư
Kinh điển quên ghi điều loạn sử
Đời sau đâu nghĩ chuyện phù hư

Người xưa thất chí lui về ẩn
Cần trúc buồng câu Lã Vọng chờ
Ta nay cơm áo phờ râu tóc
Về vườn sống để đỡ bơ vơ

Người xưa lẽo mép khua môi bảo
Mái tranh che hai quả tim vàng
Ta nay lang bạt không nhà ở
Cùng vợ che lều lá lằm than

Ta chẳng phải người xưa như vậy
Về bên vườn chân đất bùn đen
Đêm ngày nghe tiếng côn trùng gáy
Dừa khô trôi theo nước đất phèn.

Tôi và thời đại này

trái tim nay độc được
tôi bây giờ bây giờ
mang rất nhiều chất độc
mọc trên từng ngón thơ
nở trên tay thược dược

lời cũng đầy độc được
tôi bây giờ, bây giờ
thổi lên vần tập đọc
bay đầy hồn trẻ thơ
bằng tiếng ru rất ngọt
tình đã nay độc được
tôi bây giờ, bây giờ
mang rất nhiều đạn dược
trong một nỗi tình cờ
giết em không báo trước...

Về sáng của người tình

hai tay em vó ngựa hồng
thả nhan sắc xuống phiêu bồng đời anh
tóc trăm năm rủ quanh cành
trăng sao hò hẹn cũng đành lãng quên

tình theo sương khói bay lên
nổi thu vàng rụng đầu ghềnh cuối sông
lưỡi cày sâu – nát cánh đồng
anh về tay nhỏ bế bông vết thương
búp thanh xuân rợp phố phường
bước cao em vẫy một phương mặt trời.



TRANG THƠ TRUYỆN

Lâm Anh

Gởi linh hồn PHAN NHỰ THỨC

Tôi đang ngồi ngắm mặt trời lên
Bỗng nghe Báo Trì báo tin bạn chết
Bạn chết trong một chiều ảm nằng
Trời Sài Gòn như cái cối xay mây

Chẳng hiểu hôm nay mùa hạ hay thu
Tôi thấy mình cống trong mùa đông đầu đó
Và hình như giữa lòng tôi nổi bão
Bão cuốn tóc râu trôi bạt bốn phương

Và tôi đến nằm trên chiếc giường tre
Cứ thấy mình gối đầu trên vầng trán bạn
Tay cầm những thỏi xương còm lạnh
Và vác trên vai hơi thở ngút cuối cùng

Tôi biết rằng bạn vẫn còn trái tim
Dù ngưng đập nhưng còn nằm trong ngực
Dù ngưng đập nhưng không bao giờ đánh mất
Những tình yêu của biển rộng trời cao
Những tình yêu của đất nước muôn màu
Của vợ của con của tình thân bằng hữu

Hỡi Nguyễn văn Minh, hỡi Phan Nhự Thức
Tôi gọi tên...tôi biết bạn nào nghe
Nhưng nếu bạn nghe tôi nào hay biết
Ừ nhĩ! Trong mộ đời...mộ đất
Còn mộ nào chôn-được-nổi-nghe

Hỡi Nguyễn văn Minh, hỡi Phan Nhựt Thức
Bạn thường nói với tôi rằng: không có gì chân thật
bằng nỗi xuôi tay, nhắm mắt, lìa đời
và chết cũng là một cuộc rong chơi
còn hơn sống với hận thù đen tối

Lời bạn nói phải chăng là lời trần trối
Gởi đến bạn bè...và gởi đến mai sau...

Hồ Thanh Ngạn

Giọng mưa

1.

Mưa mưa trên mái
giọt ngắn giọt dài
đếm từng giọt nhỏ
nghe từng tiếng rơi

Mưa khơi trên chái
bâng quơ giọng buồn
xua nhẹ hēm thuôn.
âm ngừng tiếng nấc

Mưa từng tiếng khóc
rơi từng giọt nhỏ
rớt từng giọng ru
mưa buồn muốn khóc.

2.

Mưa rơi trên mái

giọt ngắn giọt dài
giọng mưa rơi nhẹ
mưa buồn ru ai

Hạt mưa trên mái
buông hơi thở dài
mưa rơi rơi mãi
mưa buồn nhớ ai.
Thu 1966

Định Trần Ca

Bất chợt trên bến đò ngang

chiều qua bến đò ngang
tình cờ nghe bài hát cũ
người hành khất mù và cô gái nhỏ
cây guitar lạc phím
cũ mềm
chiếc thau nhôm móp méo
vàng ố
những đồng tiền

cô bé hát
nỗi đau mênh mông của người tình phụ
chiều bay mưa hiu hắt dòng sông
khách qua đò cuối năm lúa thừa
có người dừng lại
mở bóp
tôi cho tay vào túi

rỗng không

mấy mươi năm rồi người con gái qua sông
tôi viết lời ca sao buồn quá vậy ?
những lời ca cho lòng tôi thuở ấy
ai biết bây giờ
bố con người hành khất dùng để hát ăn xin

chiều rây rây những bụi mưa êm
kỷ niệm cũ không hề sống lại
trong tôi chỉ lóe lên câu hỏi
biết bố con người hát rong kiếm đủ sống không...?

Saigon 5-1988

Hải Phương

Dạ tiệc tháng chạp ở San Francisco gió

Dạ tiệc tháng chạp
ở San Francisco gió
cây cầu treo giấu trăm ngàn nút rối
gợi lại thông điệp của thế kỷ hai mươi lăm vạn sắc màu
và giọt lệ trắng trong veo hồ mắt em
râm ran ngân lên
âm thanh vỡ vụn cảm xúc trồi trượng
mặt trời chín ngọt
ngôn ngữ đỏ lửng mê muội.
Dạ tiệc tháng chạp
ở San Francisco gió

cơn mộng du quấy đập tự nhiên
tình yêu chưa bao giờ vĩnh cửu
mặc dầu công phá dữ dội
cơn bão thức giấc
cào xé đục vọng lương thiện
như cây cỏ đánh thức mùa xuân tình nguyên
như khi em gọi biển đêm
ngát môi hôn vang dội sóng vỗ.

Dạ tiệc tháng chạp
ở San Francisco gió
buổi sáng hẹn ở quán cafe
dưới phố Sausalito
đem theo cả trái tim sóng sánh bầu trời ẩm đục
ký ức hạn hán cọ miết vào vịnh sâu
vết cửa thủy tinh dự báo nổi cô đơn trầm tích
vận mạng gieo xuống triền đồi em
mùa bông cải vàng tháng giêng phơn phớt nắng.

Dạ tiệc tháng chạp
ở San Francisco gió
hàng cây phong đỏ
rụng những chiếc lá sau cùng
đêm lạnh khô
cong cứng ngón tay khăng khiu trần trụi
gõ nhịp vào chuyến đi xa chưa kịp về
của loài ngựa thồ thất sủng
hí lộng vang trời kim cổ
dậm trường khuya mỗi vó.
Dạ tiệc tháng chạp
ở San Francisco gió

dự báo thời tiết ngày trở về biển động
thực đơn thịnh soạn gió và trăng lưu vong khuất
y phục thời thượng: khỏa thân lá
vũ nữ: mỹ nhân ngư
rượu khai vị: thứ nước cất ngàn năm của thần linh ủ giầu
trong hồ mắt em chiêm bao
trang trí bày biện: trái cây vỡ lòng
và hoa mimosa tím như môi em
ghi chú: rất tiếc không tìm đâu có được mimosa vàng
rất Dalat như thuở ta làm thơ yêu em
và đứng trên núi hát
địa chỉ mặt đất: tang nghi quán chiêu dụ
với điệu nhạc rap vồn vã tiễn người đi rất bát nhã
địa chỉ trang nhà: lá hát nguyên ngôn rất dĩ
âm nhạc: con còng với bản trường ca cát
hát nháp mấy thiên thu
ánh sáng và sắc màu: trắng xanh siêu thực
trên trang thư tân hình thức
rịn ứa chảy tràn qua ngực em bán khai
bờ vực mở.

Dạ tiệc tháng chạp
ở San Francisco gió
em gọi biển đêm
ngát môi hôn nguyệt thực.

*Tháng chạp 2006
haiphuong68@hotmail.com*

Phạm Ngọc Lư

Niệm Đặng Dung

Mài gương !

Gương khuyết bao giờ ?

Cắm chuỗi gương gở trước mồ trượng phu

Cắm hoài khí tiết thiên thu

Ngâm câu thế sự du du... lệ nhòa

Lão hà ! Ôi nài lão hà ! (*)

Mây râu vô mệnh hóa ra tầm thường

Cúi đầu trả lại chuỗi gương

Trắng tà đá khuyết mài sông nổi lòng !

4 - 2005

(*) *Thế sự du du nài lão hà !*

Câu đầu trong bài thơ THUẬT HOÀI nổi tiếng của

ĐẶNG DUNG (tuần tiết năm 1413)

Uyên Hà

Ký thác

Tôi dun ruổi khắp trăm miền

Hồn sa địa ngục xác nghiêng thiên đàng

Am ba nổi chết điêu tàn

Theo chân thổ mộ bàng hoàng xe đi

Bầy khuya chim gọi chim về

Bước trăm bước mỗi ê chề xác tôi

Tuổi này rồi đến khôn nguôi
Bản xưa heo hút bóng người cô đơn
Phận này thôi biệt thế gian
Thân so dấu đất hồn nằm tay em.

BỐN CÂU

Ta đắng lòng son, chạnh nhớ về
Những chiều thu cũ với sơn khê
Mất ai làm ấm hoàng hôn lạnh
Mây bạc trên đầu ủ giấc mê

Huỳnh hữu Võ

Ở Chùa Pháp Bửu

Hai năm quét lá ngô đồng
Hai năm tiếng mõ rền cong mái chùa
Phên thưa mưa tạt gió lùa
Cũng không xóa vết tình xưa lở lăm.

11/1/2007

Hoàng Xuân Sơn

Ở Một lần. Sao Khuê

Áo trắng gây thêm nỗi yêu

phải em mang hết cả chiều thu sương
ngọn tóc lạc gió bên đường
tôi đi lạc giữa màu thương uẩn tình
hương bày trời lạ. sao nghinh
đôi mắt
ôi mắt nhìn hình bóng quen
chong khuya tôi ánh hiện. tàn
câu thơ nào viết nửa hàng lụy âm
đau cũng xa. xót cũng gần
vì đâu hồn ở phân vân ngực tỳ
rượu chồm ngất sóng. lưu ly
năm mươi năm một dấu quỳ rục mê
bảng đen trắng xóa nguyên thể
như sương. như tóc như về bão giông
vẫn đầy sâu nước nghịch dòng
thời thì trắng áo phù không nợ đời
hát thầm nhịp tẻ à ơi
ru nhau đòi đoạn phiến ngời dung nhan

21. 12. 06

Phương Tấn

Một cây cầu

Một tổ tiên

Hai dòng sông

Chim đừng gọi dù một lời rất khẽ
mây đừng kêu dù một sớm mai hồng

cho ta đậu bên hiên đời quạnh quẽ
cho tình ta vãi nhẹ ở hư không

Này anh kiến chị dơi và chú muỗi
thịt ta thơm cứ cắn chút làm duyên
xin đừng hỏi sao ta cùi cũi
sao lòng ta buồn ngát những hơi trắng

Thơ ta già ướp cùng sương khói
ướp xương da và máu ở hai miền
nhấp một ngụm nghe lòng đỡ đói
nhấp cho qua thời buổi đảo điên

Ta bẻ kiếm khi quanh thành lửa cháy
khi cần lao mất cả ruộng vườn
bom đạn đã nhiều hơn thóc lúa
hận thù đã hơn cả tình thương

Này anh kiến chị dơi và chú muỗi
thịt ta thơm xin cắn chút làm duyên
cắn như đạn như bom như lửa dữ
như xác anh em như máu đồng bào

Cắn như bão từ phương tây lại
cuồn cuộn phù vinh ngậm lấy chân ai
chút chí khí cũng lọt tầm tay với
lọt chén cơm tí nghĩa xẻ chia cùng

Ta bẻ kiếm khi quanh thành lửa cháy
định ngã lưng trên một dòng sông
một cây cầu một tổ tiên mang hai dòng sống

cho tình ta vãi nhẹ ở hư không

(Biên Hòa 09.7.1972)

Trầm Mặc Hoa Huyền

Xuân đời tàn phai

Từ xa dấu ngựa xe mờ
Tôi mộng du trốn vào mơ mộng
người

Cho nên, tắt lịm nụ cười
Cho nên, lệ cũng khô rồi...em ơi!

Giá mà, em chẳng yêu tôi
Cõi tình kia có ai mời mọc ai?
Ước gì, tay tháp thêm dài
Để tôi ôm hết đóa đầy thế nhân
Thêm hoang nở đóa phong trần
Mừng Xuân hay để mừng tang lễ
mình?!

Ai đem thả nhánh lục bình
Trên dòng ký ức, bỗng bênh
tháng năm

Thương người, thoáng đã xa xăm
Thương tôi, nhiều lúc còn lằm
lẫn tôi

Xuân phơi, trên nhánh ngậm
ngùi

Tôi phơi tôi, giữa trùng khơi sóng
đầy!

Xuân đời dẫu đã tàn phai
Cũng còn vắt máu viết bài mừng
Xuân!

Nguyễn Hàn Chung

Hồn xác luận

thoả thích xác
hồn ngất ngơ
mệt nhòai xác
hồn dật dờ

hồn không xác
hồn bơ vơ

cặn bã xác
hồn lưu dân
bụi đất xác
hồn vô cùng

xác không hồn
còn tất bật
hồn không xác
huyết mù tăm

xác vấy đục
hồn nào trong ?

Texas 19/1/07

Nguyễn Đức Nhon

người lính học trò trên xứ Huế

tôi đến đây giữa mùa hoa phượng nở
nên sân trường vẫn đẹp mãi trong tôi
thành phố Huế sớm mưa chiều nắng
đò sông Hương vừa ngủ vừa trôi

có những buổi hoàng hôn êm ả
tôi thần thờ trên bến Vân lâu
nhớ thương ai câu hò vĩ dặm
thuyền ai kia tách bến về đâu?

và những chiều mưa rơi lác đác
từng giọt buồn nhỏ ướt con tim
tôi ước mơ làm cây phượng vĩ
che mái trường và che cả vai em

em có biết ngoài kia vùng lửa đạn?
ngày mai này tôi sẽ ra đi
thành phố Huế có em và nắng
che giùm tôi mái tóc xuân thì

tôi ra đi không hẹn ngày trở lại
em học trò áo trắng có yên vui?
tôi cũng học trò như em - ngày ấy
nhưng xa rồi em bé nhỏ tôi ơi!

tôi là lính với chiến trường bom đạn
em học trò với nét đẹp văn chương

em nhớ nhé, viết dùm tôi đoạn cuối
với cuộc tình, tôi một thuở yêu đương!

ĐOÀN NGỌC KIỀU NGÀ

Ngưỡng vọng

Sao tình người không là vùng biển lửa?
Cho tôi nguyện làm một kiếp thiêu thân!
Còn hơn đi lạc lõng giữa đường trần
Mang *Mật Đắng* trong hồn từng năm tháng

Tôi tha thiết nhưng cúi đầu nín lặng
Hồn tủi nhiều nên chán nản buông tay
Mộng vơi đi theo lịch bóc từng ngày
Dem nước mắt để đỡ dành nhưng nhớ

Người còn đó sao quá nhiều cách trở?
Tôi trót tôn thần tượng tự hôm đầu
Kịp thương mình ngược mặt hỏi trăng sao
Hồn vụng dại đã ngậm sầu cay đắng

Chẳng phải chưa quên người là ước vọng
Trót yêu rồi đành trân trọng giấc xưa
Nên nhiều khi trong một thoáng tình cờ
Tôi chợt thấy con tim mình phản bội

Chưa thổ lộ nên chẳng đành thú tội
Tôi cúi đầu sám hối với tâm tư
Người chợt đi rồi chợt đến thờ ơ

Ngôi thần tượng vẫn hững hờ làm chủ

Trả lại người, sầu đau xin quá đủ
Linh hồn tôi nhỏ bé chứa không vừa
Trùng dương ơi! Cuốn dùm đi giấc cũ
Để tôi quỳ xin lại tuổi vô tư.

Sàigòn.1962

(Trong TQBT số 26, chúng tôi đi bài thơ : Tiếng Thì Thầm 2 của nhà thơ Đoàn Ngọc Kiều Nga. Vì lý do kỹ thuật, đáng máy nhầm. Đúng ra tựa của bài thơ là: TIẾNG THẦM 2. Chúng tôi xin đính chánh lại là: Tiếng Thầm 2 chứ không phải là: Tiếng Thì Thầm 2. Thành thật xin lỗi chị Đoàn Ngọc Kiều Nga và độc giả)

Đoàn Chinh Nam

Khoảnh khắc thơ về

Cảm hứng dần vơi, vơi tháng ngày!
Chờ mưa, đợi nắng, viết chi đây?
Ngâm câu tuyệt bút người xưa phục
Lắng khúc cầm ca thuở cũ say
Tình - chẳng hoà duyên - vợ vẫn nhớ
Tài - chưa kịp mộng - muộn màng xây
Mai vào cõi sáng đời sau hắt
Cười mỉm thương cho khoảnh khắc này?!

Khê Kinh Kha

Xuân lại về

Con yêu,
xuân lại về rồi thấy không
Cây trơ cành khô héo lấm con ơi
và tuyết cũng rơi đầy
như nỗi buồn của bố
con hãy hát bài ca xuân mộng mi
nhẹ nhàng như mưa phùn Hà-nội
rộn rang như sóng vỗ Nha-trang
hiu hiu như gió Đà-lạt
ấm nồng như bóng trăng Thành nội
và ngọt ngào như rượu đắng lưu vong

con yêu,
xuân lại về rồi thấy không
hãy tìm một cành mai vừa nở
đặt trước sân nhà để đón xuân
con nhớ mặc áo quần thật mới
đến chúc mừng bố mẹ nhé con
vì mai này khi bố mẹ qua đời
con sẽ không còn ai để chúc
không còn ai cho tiền lì-xì
vì nơi đây xa lạ lấm con ơi

con yêu,
xuân lại về rồi thấy không
hãy nghĩ ở nhà giúp mẹ nấu nồi sôlê gât
giúp bố gói vài cái bánh chưng

cất gường để làm mất con nhé
thấp nhan đèn bàn thờ tổ tiên
rồi quì lạy trước bàn thờ con nhé
và nhớ rằng sau này khi con lớn
lễ nghi này con ghi nhớ nhé con

vì nơi đây xa lạ lắm con ơi
và sẽ không có ai nhắc nhở con đâu

Wương Hồng Ngọc

Băng Giá

Vào Đông ơn trời độ lượng
Rải hết hoa tiên xuống trần
Hoa bay vờn như bướm lượn
Lao xao trong tiếng vỗ cánh

Bao giờ buồn như hoa tuyết
Vô tư thanh thản nhẹ rơi
Những đóa vô ưu trắng mượt
Đời hoa một thoáng rong chơi

Ngọn gió Đông về giá buốt
Bàn tay nắm ngón thêm gầy
Vội hoài không chạm hạnh phúc
Phù du như hoa tuyết bay

Tuyết rơi đẹp lắm hôm qua
Để lại con đường băng đá

Em đang níu giữ chân mình
Như bước trên tình băng giá

Hàng cây co ro trước ngõ
Cành khô ôm khối giá băng
Có hờn mùa Đông se sắt
Mà lệ thành đá chảy quanh

Đông về mỗi mùa thêm lạnh
Bàn tay nhớ một bàn tay
Vai gầy nhớ hơi thở ấm
Tiếng "em!" giờ đã xa

Lãm Thúy

Tĩnh

Xin làm cành vong ưu
Nở bên bờ suối vắng
Ngất cọng cỏ Tương Tư
Vất qua trời phiêu lãng

Đoạn thất tình lục dục
Mở rộng cửa từ tâm
Ngọn lửa lòng dập tắt
Hồn nhiên qua thẳng trâm...

Xuôi dòng xa bến mê
Thuyền trôi miền Vô Ngã
Lánh cõi đời nhiều khô

Về ngủ trong tàng lá

Lòng như hồ tĩnh lặng
Chân bước ngoài bể dâu
Đã nghe chiều thính vắng
Vọng âm lời thiên thu.

Phan Xuân Sinh

đi thăm mộ má

chiều nay con vào thăm mộ má
Cầm Hải - nghe tên - con lạnh cả người
nơi đây xưa kia chiến trường khốc liệt
nơi đây con gửi lại một bàn chân

khi má sinh con ra chân tay đầy đủ
má tập cho con đi đứng với đời
khi vui cứ cười, khi buồn cứ khóc*
xem cuộc phù sinh như một trò chơi

chưa biết nói má bỏ con đi mất
đời quay tròn như một trái banh
con ngụp lặn giữa vũng sinh lầy lội
cố ngoi lên tìm hơi thở trong lành

họ đá con lăn cù, rơi vào hố thăm
tát vào đời con xây xẩm mặt mày
dạy cho con cần răng chịu đựng
tình người như trông tựa khói mây

bày ra cuộc chơi kinh thiên động địa
xương máu anh em thành núi thành sông
kẻ thắng người thua thân tàn ma dại
chỉ còn chẳng chút thù hận trong lòng

khi ra trận con thông dong rảo bước
như con nai tơ ngơ ngác ngấm trắng
con đâu biết bao nhiêu cạm bẫy
đón gục con ngay chỗ má nằm

thôi giữ dùm con bàn chân phải
để nó nằm yên với má trong tay
như ngày xưa má từng ôm con vậy
bây giờ con đã cao chạy xa bay

lâu lâu con lại về thăm má
cũng nơi đây chôn kín một bàn chân
nếu nhớ con, má ôm vào lòng ấp ủ
má cứ vuốt ve vì nó chính là tình thân

**ý thơ Phùng Quán*

Cao Vị Khanh

Mộ khúc

1.

ngày chưa xế, đã quạnh hiu
đã trăm chuyện nhớ, triệu điều tưởng quên

vòng tay đã mỏi ưu phiền
khi em mưa đục mái hiên tình người

2.

bỗng nghe có tiếng thủy tinh
vỡ trong ta những hồi kinh muộn chiều
nấc đi em, lặng hồi lâu
rồi bật tiếng khóc khi sầu vừa... im

3.

hôn nhau lần nữa rồi buông
mà sao môi vẫn không buồn buông môi
môi người nửa nụ còn tươi
môi tôi héo hết nụ thời vàng son

4.

sao hai con mắt buồn ghê
để mưa theo suốt dậm về lạnh tanh
thì em, ở lại đã đành
tội hai con mắt thất thanh gọi người

5.

khi không em bỏ đi ngang
để hai con mắt buồn hoang cả chiều
tôi về giữa phố tịch liêu
với hai tay trống buồn xiêu cả mình

Lê Văn Trung

Chiêm bao

Em nào hiểu giữa cơn say
Ta chiêm bao thấy một ngày rất xa
Tình không không cửa không nhà
Lòng như mây trắng bay qua biển chiều

Nguyễn Lệ Uyên

Hương Cau

Bất ngờ cô năm Đào cầm bàn tay khẳng khiu của ông Vạn nâng lên khỏi mặt bàn rồi đặt vội xuống. Cô xoay người ngó vào góc phòng hẹp như thể để che giấu sự xấu hổ. Ông Vạn cũng bất ngờ không kém, lúng túng rút tay thiếu chút nữa làm đổ ly nước trà gần đó. Ông không ngó về góc phòng theo hướng cô năm, mà bối rối nhìn lên mái tóc có những sợi bạc lốm đốm của cô năm Đào. Mau thiệt. Ông thầm nghĩ, mới đó mà đã mấy chục năm. Mấy chục năm trôi qua như cái chớp mắt. Mấy chục năm thừa sức để biến một cô gái xinh xắn thành một bà già; một anh thanh niên thành ông già đầu bạc hếu. Lòng ông chùng xuống. Chờ chi mà hồi đó... Bất ngờ cô năm quay lại:

-Ông vào chơi lâu không?

-Vài bữa. Thăm hết đám bạn bè quen thân rồi về. Đi lần cuối, biết mai một chân tay còn cứng cáp không nữa.

Ông Vạn đưa ly nước lên miệng hớp một ngụm nhỏ, nhưng sao mà đắng ngắt. Đắng như cuộc trùng phùng bất ngờ, không hẹn trước; khô khốc như năm tháng dè chồng lên tuổi tác. Vừa đặt ly nước xuống mặt bàn thoảng hơi lạnh, ông hỏi:

-Chờ mấy đứa nhỏ không ai ở cùng sao?

Cô năm cười buồn:

-Thời buổi này ăn tiêu thì nhiều chờ ở thì mấy hột? Hai đứa nó lặn lội trên Sài Gòn. Một năm có mặt ở

nhà vài bữa. Tụi nó còn đòi bán căn nhà này, đưa tui lên trên. Nhưng sao đi được anh? Còn mồ mả ông bà, tía chúng nó nữa.

-Khác chi tui. Tụi nó như chim sổ lồng, bay mất. Ngày tối chỉ có hai vợ chồng già ngó mặt nhau - và, hình như biết mình lờ lờ, vội chữa: có khi cả tháng tôi cũng lại côi cút...

Cô năm Đào hơi nhồm người lên, rót thêm nước vào ly còn đầy của ông Vạn, lúng túng:

-Ông ở chơi lâu không?

Nghe câu hỏi lặp, ông Vạn mới là người lúng túng thật sự. Dường như có cái gì đó mãi vướng víu, ngừng ngoảnh như cuộn chỉ rối, không tìm thấy mối gỡ. Nó giống như cảm giác khi ông đứng trên bờ sông nhìn đoàn ghe kết hoa đưa cô năm qua bên kia vàm, giống như cái nhìn buồn kéo dài dưới đuôi mắt cô lúc chiếc ghe tách bờ. Chớ chi câu hỏi này còn có ông Khanh, chồng cô ngồi cạnh (ông đã bỏ cô ra đi từ khi đưa con thứ hai mới chập chững biết đi)

-Hay ông ở lại ăn tết với đám bạn già này một năm đi, như thời ông còn ở đây vậy?

Cô năm lại kéo xích ông về với quá khứ xa lắc. Đó là năm ông mới ra trường, về cái hóc xó chẳng chịt sông rạch. Năm đó ông ở lại, không hẳn vì cái tết mà trước là vì cô năm. Cô rực rỡ, vàng chói như cánh bông diên điển nổi bật lên giữa những gốc rạ chống ngược trong làn nước đồng mênh mông. Cô đẹp thuần khiết, đẹp dân dã; vẻ đẹp chân quê mộc mạc không cần đến những son phấn lụa là khiến nhiều người ngắc ngờ, trong đó có ông. Bên này căn phòng trọ nhìn sang hình như vẻ đẹp còn bốc lên thành hương thơm lừng giữa

những tên thuốc lạ hoắc: nhục thung dung, tật lê, sanh địa...quyện với hương cau, hương bưởi... trong vườn nhà khiến ông như say như tỉnh. Còn người thanh niên là ông bây giờ thì chấp chờn lú lẫm, nhưng bà chủ nhà thì tỉnh ý ngó anh lúc ngồi vào bàn ăn: Con nhỏ đó được lắm. Công dung ngôn hạnh đủ cả. Mà cũng ngược đời, người ta đậu tú tài thì lo học tiếp, còn nó thì lại nằn nì ở nhà xin tía nó học thuốc. Nó kêu để cứu người. Học có giỏi đến đâu mà không cứu được người thì cũng bằng bỏ phí. Tui có hỏi sao cháu không học tây y, cậu biết nó trả lời sao không? Tây y thì nhanh nhưng không thấu triệt mọi lẽ chân kinh. Đông y thì chậm nhưng lại khai thông được những cái tắc cái bí trong huyết mạch con người... Tui chẳng hiểu ắt giáp gì ráo.

Những cái tắt, cái bí mà bà chủ kể cũng chỉ dừng lại ở đoạn lần đó anh giả dò bệnh, chạy sang thăm mạch bốc thuốc. Anh đặt tay lên chiếc túi vải nhồi bông nhỏ. Những ngón tay thon mỏng ấn lên các huyết mạch, ấm áp tưởng chừng như mọi đường huyết mạch của anh thanh niên ngưng chảy mà nhịp tim thì đập liên hồi. Chẳng có bệnh tật gì hết, cô thốt lên. Anh chưng hửng, mặt đỏ rần, lí nhí cảm ơn rồi quay lui.

Một người không bệnh tật gì, để rồi sau đó hai người thành bệnh khi anh lui cui bưng những gốc vụn thọc vào thùng kiếng trong góc sân nhà trọ. Cô gái bên phía hiệu thuốc bắc ngó sang thấy lạ, đến áp vào hàng rào dâm bụt hỏi: bộ tính mang vụn thọc về quê ăn tết sao? Anh đứng lên: không, tôi ở lại ăn tết với mấy cây vụn thọc này. Cô gái cười: anh nói nghe thiệt ngộ, rồi bỏ đi. Anh thấy như cả đến những lá, những cành chỗ bộ ngực cô áp vào cũng đang run rẩy...

-Cô năm còn nhớ mấy cây vạn thọ hồi đó không?

-Nhớ chứ sao không? Nếu không tui đã không bắt tía tui nhỏ trồng vạn thọ đón tết mỗi năm.

Câu nói không hoa hòè, kiểu cách nhưng sao ông thấy lòng bồi hồi, tưởng như đó là câu nói hồi cô năm áp sát ngực vào mấy cành dâm bụt.

-Ở lại hay không tính sau - cô năm đưa tay lên như phân bua - giờ thì tui đi hái bông so đũa nấu nôi canh chua cá lóc, món ông thích ăn hồi xưa.

Nói và cô năm Đào đứng lên, không cần biết ông có đồng ý hay không. Lúc ông bước theo ra, đứng trên hiên thêm nhìn dáng cô năm đưa tay nín những cành so đũa non, nom cô không khác với hồi ông mới gặp lần đầu, vẫn dáng thon thả, từ tốn, ý tứ; vẫn đôi bàn tay mềm mại dịu dàng. Bất chợt ông thở dài, tiếng thở nghe lạ hoắc, như là của ai chứ không phải của chính ông.

Ông Vạn bước xuống hiên thêm, ra chỗ cô năm:

-Thôi được rồi, để tôi chạy qua bên nhà tư Khê, mời ảnh qua ăn cơm với mình, chắc được?

-Sao không - cô năm quay lui - giá mà tía tui nhỏ còn sống, anh hai Đỉnh đừng bỏ đi thì chắc vui hơn.

Ông Vạn xúng lỉnh, chân muốn bước mà lòng thì trì nín lại. Những chiếc bông so đũa màu trắng ngà nằm gọn trong chiếc rổ nhỏ y như nụ cười lấp ló sau hàng rào cây xanh, như những ngón tay thon trắng đặt lên huyết mạch ông mấy chục năm trước. Và tệ hơn, ông tưởng tượng chiếc rổ con đan bằng nan lồ ô chuốc mỏng giống như chiếc thuyền tròn thành trên mặt nước sông mệnh mông đưa cô qua bờ bên kia. Ông ngó xuôi theo con thuyền, còn cô thì ngoái nhìn ngược. Chiếu máy đuôi

tôm quạt xanh xạch, phun chút khói đen ra sau tựa như lời phân trần, nhấn gửi.

Cô kiễng chân, vói tay lên cành cao nín nhánh so đũa có chòm bông lũng lảng xách theo bên nách áo để lộ ra chút da thịt không thể giấu trong chiếc áo bà ba. Ông Vạn bước tới, đưa tay kéo cành lá xuống. Khuôn mặt ông thật gần với cô năm, thiếu chút nữa là hai người chạm vào nhau. Má cô nam đỏ lựng, hai tay thu chiếc rổ vào bụng;

-Qua bên anh tư Khê kéo ảnh đi nhậ mắt, không tìm ra.

*

Lúc cô năm bưng chiếc bếp gas cá nhân đặt lên bàn, tư Khê gạt phắt đi:

-Đâu được, ở miệt đồng ai lại đi xài bếp gas? Để tui đốt than gáo dừa lên. Nói và tư Khê chạy biến ra ngoài vườn. Cô năm vừa đặt tay lên hông bếp định bưng lui thì cũng vừa lúc bàn tay ông Vạn đặt chồng lên. Thoáng một chút bối rối rồi hai người cứ đứng chôn chân nhìn nhau. Nụ cười rớt trên đuôi mắt cô năm, yên lặng mãi cho tới khi tư Khê kê nệ bưng lò than hồng đặt lên miếng gạch tàu trên bàn ăn. Vẫn một giọng ồn ào không đổi, tư Khê nhóng người nhìn vào chiếc tủ đựng chén tách.

-Tui nhớ hồi năm ông Khanh có món rượu rần gì đó ngon lắm, chắc còn chôn dưới đất. Chị năm nhớ chỗ nào bưng lên đãi khách quý.

Cô năm Đào đứng lên vừa nói:

-Không có chôn, đặt trong góc nhà kia. Mỗi năm ngày giỗ của ảnh chỉ rót ra cúng thôi. Mấy đứa nhỏ chẳng đứa nào đụng tới, nhà không có đàn ông, còn

miết.

Tư Khê cười lạch khách:

-Dưới tuổi vàng anh năm hủ hê lắm đây.

Hũ sành rượu mang ra. Tư Khê chiết ra chai.

Màu rượu vàng óng, thơm lừng lừng.

-Bữa nay vui, chị năm cũng uống với tụi này nghe. Mà cũng thiệt ngặt, tại sao ai cũng sanh con trai hết trơn vậy cà? Có nạc có mỡ biết đâu hai người lại sui gia, gần gũi nhau hơn?

Ông Vạn không nhìn tư Khê nói như than thầm:

-Giày dép còn có số mà anh, chớ không thì khu vườn này vàng rực màu bông vạn thọ rồi.

Tư Khê lắc đầu, hiểu lơ mờ một nửa, bỡ ngỡ màu bông vạn thọ mãi tới giờ này chỉ có hai người thầm biết.

-Không sao- tư Khê lại nói - Ta nâng ly mừng cuộc tao phùng!

Ba ly rượu sóng sánh màu vàng mật ong nâng lên từ tốn và uống từ tốn. Nhưng thứ rượu đặc quánh lưu niên khiến tư Khê hứng chí mời tới, cho đến khi lưỡi bắt đầu đánh đụng chân răng cũng kịp khều khào:

-Thiệt, tức cái số hai ngư...ời... Phải chi mà chị năm chịu cảnh nắng gió núi non thì giờ...ờ na...ày...

Bữa tiệc nhỏ chấm dứt bằng cảnh ông bạn già dìu ông bạn già ra đặt lên chiếc võng gai mắc tòng teng giữa hai đầu cột ngoài hàng hiên. Cô năm Đào lấy chiếc mền mỏng vắt ngang người tư Khê. Ông ta bắt đầu ngáy như sấm động.

Chiều xuống thấp dần sau những rặng dừa lùi xa bên kia sông. Những tàu lá lúc càng đen đậm khiến ông đâm bối rối thật sự. Như có linh tính, cô năm Đào từ cầu ao quay lại, ngó vào mắt ông:

-Chắc ông sợ mang tiếng? Có anh tư làm chứng thì ảnh cũng đã say. Nhưng tội mình đã lớn rồi, không ai đủ hơi sức để nghĩ này nọ đâu.

-Tôi ngại là ngại cho cô thôi, ở đời...

Ông nói chưa hết câu thì bất chợt nhìn thấy những bông cau trắng xoá rụng đầy vai cô nằm khiến ông có cảm giác như hai người đang ở một nơi khác, cách đây mấy chục năm. Lòng ông rộn lên, nhưng cũng kịp ghìm lại. Ông cầm tay cô nằm, giữ thật lâu "thôi tôi phải về, đã lỡ đánh mất rồi. Anh tư thức dậy nói tôi xin lỗi". Cô nằm Đào bóp chặt tay ông rồi thả lỏng ra "dạ, anh về mạnh khoẻ".

Ông già bước lui, khập khểnh trên con đường đất dẫn ra phía dãy phố cuối chợ. Bước đi như bay như chao trong lớp hương cau thơm dịu, ngây ngất, phủ đầy bông vụn thò nở bung trong những ngày cuối năm.

THU HƯƠNG

Đêm của lão

Đêm yên tĩnh, đêm nồng nàn, đêm huyền ảo, một đêm trăng trước cửa nhà lão. Màu vàng ngọt ngào của trăng tối nay làm lão nhớ làng quê mình quá đỗi. Lão để trăng một mình, lui hụi mở chai rượu vang ủ lâu ngày. Tối nay là tối của lão, chỉ một mình lão với trăng, lão không muốn ai quấy rầy lão.

Lão tắt ngúm đèn ngồi nhìn trăng qua khung cửa kính lớn, lão sờ tay vào túi áo trước ngực tìm kiếng đeo mắt. Vài đóa quỳnh mãn khai, mùi thơm phảng phất trong phòng, đêm hình như yên ắng hơn. Các cánh quỳnh cong cong đi vào giấc ngủ coi bộ êm đềm lạ. Quỳnh vào cũi chết yên ắng, nhàn tản như một đạo sĩ biết giờ linh hồn người đi vào nơi miền viễn.

Sống trong chung cư lâu ngày nhưng lão cứ úm mình trong mớ ký ức dĩ vãng, lão quên khuấy là lão đang sống và đang thở. Khi lão dọn về đây, chẳng mấy người biết lão. Hành trang về nhà mới của lão chẳng có gì nhiều. Lão muốn sống thật đơn giản. Ngoài bức tranh lụa "Trưa hè", một bà mẹ trẻ có lẽ ru con, cả hai đang thêm thiệp trên võng, tóc huyền chấm sàn đất và bức "Qua cầu" với mấy cô gái quê, quần lĩnh nón quai thao và anh chàng thư sinh, dài lưng khăn áo chỉnh tề của một thuở xa xưa, thời Nho học còn thịnh昌? Màu mờ nhạt trên lụa tha hồ cho lão tưởng tượng. Lão đôi khi vẫn nhủ thăm sao người xưa có cuộc sống đầy trữ tình như thế. Lão có cái bệnh hay quên và chỉ nhớ những cái gì xưa cũ. Lão chợt giật mình, nhận ra rằng mình quên hơi nhiều.

Tự nhiên lão thấy nhớ Mary, nhớ dáng người thon nhỏ của mẹ và nhất là giọng nói không nhẽo ngọt như mía lùi. Thấy lão đầu mẹ cũng cười toét thân thiện, mới đầu lão ghét lắm, lâu bầu: đàn bà con gái thấy giai là toét miệng ra. Mà có đẹp gì cho cam. Mẹ ốm như con tép(lão nghĩ không biết lão ví mẹ gầy như con tép có đúng không. Với lão con tép là đúng lắm nó phải nhỏ hơn con

tôm.) Lâu dần lão bị lậm vì miệng cười và giọng nói nhõng nhẽo thân tình của mẹ. Lâu lâu không nghe tiếng chào của mẹ lão thấy thiếu thiếu cái gì đó, như món cá kho tội thiếu tiêu ớt. Lão làm bộ nhỏ cổ hay tưới các hoa tàn trên các bụi cây trước chung cư đợi mẹ đi qua chào lão.

Năm nay cái xe chữa lửa đỏ lòe, rú còi diếc tai đánh thức lão lúc nửa đêm hay gần sáng hơi nhiều. Hỏi ra mới biết mẹ vào nhà thương. Tội nghiệp, mẹ bị bệnh đau tim. Vài tuần trước cũng cái xe còi hú đó đưa mẹ vào nhà thương nhưng không phải căn bệnh đau tim của mẹ như lão phỏng đoán mà là mẹ ông ẻo thế nào ấy, bị ngã và bị gãy mấy cái xương sườn. Mẹ nói mẹ dọn dẹp cái phòng mẹ cho đẹp để đón nhân tình. Cái thằng ôn dịch có cái xe truck cũ xì, đậu chình ình trước cửa chung cư, đã vậy mỗi lần thằng ôn dịch de xe cứ húc vào đầu xe lão hoài, có lẽ hấn mù hay ghen lão hay sao. Lão đã có đôi lần cảnh cáo hấn. Cái xe thằng ôn dịch làm sao sánh được với xe của nàng, cái BMW bóng loáng màu đỏ rực rỡ. Nghe tiếng thì thầm mấy mẹ hàng xóm lão biết thằng ôn dịch này hình như trẻ hơn mẹ Mary nhiều. Thế mà vào ra phải dùng cái gậy rồi, nặng như con voi con, những lúc trái gió trở gió làm sao nó gọi 911 hay đánh gió cho mẹ đây. Trước khi có bồ, đôi khi mẹ cũng đi bộ với lão cho vui nhưng mẹ đi chậm quá nên lão trốn mẹ luôn, hơn thế lão muốn một mình lang thang đó đây, nhất là mùa hè lão thích một mình vọc nước trên biển khi thủy triều chạy tuốt luốt ra xa. Lão như người mộng du, chẳng biết lão nghĩ gì trong cái đầu mình bởi vì nó như cuốn phim đen trắng cứ từ từ tuôn ra, tuôn ra dự khi

não bộ lão vất vả biết bao với những lúc lão xuất thân như thế.

Bằng đi vài tuần không thấy Mary, lão nghe lóm mụ lại vào nhà thương rồi, hơn ba tuần mà chưa về. Lão còn nghe được điều đau đớn là có lẽ mụ sẽ không về chung cư nữa. Lão có thói quen tản bộ rất sớm, vừa bước vào thang máy, trên tường một cái thiệp khác viết ngày tháng hoả thiêu mụ. Khi thang máy ngừng, lão sải bước qua lộ đi dọc theo bờ vịnh. Lão nhìn đỉnh núi dấu phút yếu lòng, nhưng hôm nay biển nằm miết dưới chân núi có nhiều sương mù hay sao, làm mất lão nhìn không rõ. Cái đỉnh núi ngạo mạn kia cứ chập chờn trước mặt lão. Lão bước nhanh hơn.

Tháng trước Rick, chồng mụ Ann, ở căn nhà bên trái lão được cái xe đồ diếc tai đó đưa vào nhà thương. Phổi lão chỉ có thể chứa đâu khoảng 5% dưỡng khí, cái giá Rick phải trả cho những tháng năm dài hành hạ hai lá phổi vì thuốc lá. Mụ Ann có mái tóc bạch kim, cao cao và dễ thương, vợ chồng mụ thích nhảy square dance và một lòng yêu mến Thượng đế. Cuối tuần là những ngày nồng nàn của cặp vợ chồng này nhưng đã hơn năm năm nay họ không còn có những giây phút thần tiên nữa. Mụ quá mệt mỏi săn sóc chồng cứ nay 911 mai lại 911 hoài và những đêm mất ngủ. Vài tháng trước, Rick vào nhà dưỡng lão, Ann bán cái tổ uyên ương, dọn đi nơi khác. Lão biết được thì mụ cũng đi rồi, thiếu bạn trà đàm, thưởng hoa. Giá mụ Ann cứ ở đây để mặc thằng Rick chết quách trong viện dưỡng lão cho rồi, thì lão cũng còn có bạn. Ủ nhỉ! Rick chỉ thiếu lá phổi lành mạnh chứ tim hẳn còn khoẻ lắm, chẳng thế mà hấn mít ướt hoài.

Cái chị duyên dáng Chelsea này mới có bồ mới, thằng chả trông cũng đô con và đẹp trai đấy chứ. Thế là phải, mẹ mới có 50 mươi, thằng chồng du lịch niết bàn từ chục năm mà cứ cu ki ở một mình. Mẹ làm nghề trang trí nội thất (interior design) cho một hãng nổi danh, văn phòng bên Downtoan nên gặp gỡ thiếu gì các thằng chết vợ hay vợ bỏ.

-John đấy hả. Có chuyện gì không? Rửa xe? Thỉnh thoảng lão nhận được vài cú phôn của hàng xóm. Lão hỏi hả bỏ phôn xuống nhà gặp thằng khó chịu này, lại có gì phiền hấn hay hấn muốn làm phiền lão đây. Lão đi đôi giày ấm vào chân, mặt cau có, như cua dờ còng khi gặp địch thủ, đi xuống nhà để xe. John hay phá đám mọi người nhưng hấn là kỹ sư, mấy thằng kỹ sư thì bộ óc tinh khôn lắm cho nên làm phiền người khác là thế. Nói thế không có nghĩa là hấn không có nhiều điều rất hay. Chỉ nhìn cái biên lai trả cho việc sửa cái thang máy một tháng ba lần, hấn mầy mò thế nào mà biết cái thang máy cần một con ốc to, dài hơn gang tay. Mấy thằng oắt con thợ sửa không tìm ra. Hấn bay từ Idaho qua có mấy phút là tìm ra cái hư hỏng của thang máy. Hấn khoái rửa xe, sửa xe, hình như không có việc làm nào khác. Như lão, như hấn có việc gì làm ngoài TV và cái phôn. Rửa xe lố ra vào chung cư hay sửa xe dưới bãi đậu xe, hấn còn có hy vọng chào hỏi người này người kia. Các lão già khác tụ lại bên cái xe của gã trao đổi kinh nghiệm hay pha trò, rồi cười ồn ào như đám con nít. Cái mặt lạnh như đá tảng lúc đó nhẹ được vài trăm kí lô. Nhưng lần này giọng John có vẻ thế nào ấy, cô đơn hay mệt mỏi.

Hắn gọi lão than phiền gì đó nhưng lão quên khuấy mất, chỉ nhớ phần hắn chửi Bush tàn tệ vì cái tội xâm lăng Iraq. Chỉ bốn ngày sau, lão lại thấy một tấm thiệp nhắn tin, có lẽ của mẹ Autumn, bạn gái anh của John, cho biết hắn không thích cõi trần, về nơi tiên cảnh rồi. Khi cửa thang máy mở, lão đi một lèo qua bên đường, lão đi như bay như chạy trốn một cái gì đó, mấy con hải âu kêu ینگ tai lão cũng chẳng nghe gì, chỉ nghe giọng John nói... mấy thằng này mù mắt hay sao mà không sửa nổi cái thang máy làm tôi tốn tiền mấy bay... Mấy con ngỗng Canada vượn cái cổ dài, chống cái mõng tròn, bước ì ạch nhẩn nha chiếm đường lão mà lão có hay.

Thằng Ken bị đau tim nặng mà không thấy hắn đi bộ như bác sĩ khuyên, thằng này vẫn ghiền thuốc lá cho dù bác sĩ bắt hắn ngừng hút thuốc nếu muốn sống; hình như chất nhựa nicotine thắng lời khuyên của thầy lang. Cửa nhà Ken (tạm gọi là nhà cho có vẻ ta đây) đối diện thang máy nồng nặc mùi thuốc lá, lão phải nhắm mũi nhịn thở lâu bầu chửi rửa thắm mỗi khi dùng thang máy. Cái mùi thuốc lá không những làm lão muốn ói, mà còn khai khai như mùi nước tiểu lâu ngày. Hắn rất tốt, săn sóc các giò lan, chậu quỳnh và giữ giùm thơ từ cho lão khi lão đi tìm năng ở tiểu bang khác.

Mildred, Shirley, Maureen, Susan chắc khi trẻ nỡn nường lắm, thân hình và giọng nói còn làm tim lão bồi hồi. Cả bọn đều độc thân, hoặc bỏ chồng hoặc chồng bỏ, nhưng họ rất thoải mái trong cuộc sống và khoái tiệc tùng, khi thì ngoài bãi biển khi thì trong nhà riêng của các mẹ. Lão được mời hoài thành thử cũng vui. Các mẹ này

thích món ăn Á châu lắm nhất là gỏi cuốn, chả giò, phở và các món lẩu thích. Có mấy cụ lão cũng vui vì được hầu hạ phái nữ. Biết lão thích hoa các cụ treo từng từng giỏ hoa lạ, cho chim lao xao(humming birds) viếng thăm.

Thằng Allen, bên tay phải nhà lão, có cái thú mê bán buôn đồ cổ, yêu hoa cỏ, mê ăn ngon và thích xe mới. Hắn trồng hoa nhài trong hai giỏ hoa vĩ đại cụ Ann dọn nhà tặng lão. Đêm hè lão mở cửa sổ, lão ngửi được mùi thơm nhẹ này lại tưởng như thời mình chín mười gò đó, sáng sớm ra vườn hái hoa vào cho mẹ. Lão lắm bầm thằng Allen tể nhị thật, không biết nó có biết mùi hoa làm tim lão xuyên xao không. Nó mới mua cái xe Lexus, đen bóng, đậu chình ình trước cửa thang máy. Bộ hắn khoe với lão hay sao đây. Nhìn kỹ thì ra là chỗ đậu xe của hắn. Lão gật gù: " Có tiền cũng thú." Thẻ nào cũng mời hắn qua uống trà với lão và nói chuyện đời.

Thằng ranh con George khoảng ngoài ba mươi, lịch sự, mẫn cảm lạ lùng, gặp lão đâu cũng chào, cũng nói về con mèo, con chó của nó và về thằng gì nhỉ, thằng Jack đang làm việc ở Nhật. Mãi sau này lão mới biết hai thằng ông nội yêu nhau cả hơn chục năm rồi.

Jean và hai đứa con nuôi đen như cục than hầm nhập cảng từ Ấn Độ nay đã 10 tuổi, vợ chồng nàng dọn về Normandy Park. Lão cũng chả buồn vì hai đứa nhỏ này phá quá, lão chỉ sợ chúng lộn cổ xuống đường thôi, ở tầng chót cùng với lão có nguy hiểm không.

Thằng Adams và cô bạn gái khoảng hai mươi coi bộ du dương đấy nhé. Không du dương sao được, thằng Adams trẻ quá mà, đi xe sport, cao ráo, tươi vui đến lão cũng còn ghen ngầm cho sức sống của nó.

Một thưở nào xa xưa lắm, lão cũng như thế, con gái xinh đẹp còn hơn bồ thằng Adams cứ xếp hàng dài dài chờ lão. Những ngày tháng đó ở đâu ấy nhỉ trong bộ óc lơ lơ mờ của lão, lão cũng không nghĩ ra được. Lão thích cái đám hàng xóm đa diện này, không ai phiền ai, muốn thân thì thân mà không muốn thân thì thôi, lão chỉ tiếc một điều sao cái tình khi mặn khi lạt này không có được một tiếng tạ từ gì đó cho một người đi về tiên cảnh hay niết bàn gì cả. Hay cũng như lão, cái đám già này cứ vui và đa tạ sự sống, không khí, chim cò, hoa cỏ vì cửa của một thế giới vĩnh cửu lúc nào cũng mở rộng chờ đón họ thì việc gì phải chào từ già cho mệt. Thế mà hay, lão cầm hòn sỏi liệng ra xa, mặt nước phẳng loang xa mấy vòng nhỏ những lần lão mất một hàng xóm.

Lão nhìn trăng mà sao lại nói đến cái thế giới của lão nhỉ. May mắn lão còn khoẻ, leo núi đều đều, uống rượu mềm môi, có bạn trà đàm, được thưởng trăng, được nhìn quỳnh nở và được chào các mục hàng xóm của lão. Thỉnh thoảng lão thăm cháu thăm con, ăn cơm chiều hay ở lại với chúng một hai ngày, lão lại nhớ cái cái giường êm của mình. Lão hình như bằng lòng với lối sống này. Nhưng cái chữ nhưng này làm lão khó chịu, nhưng lão cũng có những đêm của riêng lão như đêm nay, khi trăng treo trên đỉnh rặng Olympic, lão giứt phôn để không phải

trả lời ai, đã vậy lão để cái bảng với hàng chữ to tổ bố...văng nhà... treo tòng teng vào cái ổ khóa. Phách nhà lão, rộng thính, lão xoay cái ghế bành theo chiều dài của phòng, đối diện với trăng. Tai nghe nhạc, nằm ôm trăng, lão rơi vào thế giới riêng của mình. Giòng nhạc cứ uốn lượn vòng vèo từ gác lửng nơi có dàn máy, bám theo cầu thang, bò trên nóc nhà, bờ tường, xuống phòng khách, rơi vào tai lão những lời tình tự từ một quê hương mịt mù xa tắp. Quê lão có con sông đào chảy ngoằn ngoèo theo rặng tre làng. Nơi đó có bà cố lão, có cụ cố lão khi còn trẻ chắc giống như bức tranh lão treo trên tường, vấy dài chấm đất, yếm đào đông đưa. Lão còn gì ngoài vài ba bài hát trữ tình ngập tràn hương xưa, lão còn gì ngoài cái áo trận cũ mềm lão mặc những đêm như đêm nay, lão còn gì ngoài tấm thẻ bài mà tên lão đã phai mòn theo ngày tháng. Lão cứ uống ừ ừ chất rượu nho ủ lâu ngày, giọt nước nho này nhiệm màu làm sao. Mới đầu lão thấy ngòn ngọt và âm ỉm nơi cổ họng, càng uống đầu óc lão càng tỉnh táo, lão hát theo lời ca rồi rơi vào suy tưởng lúc nào không biết. Lão có trăng, có rượu, có nhạc quấn quanh lão. Trăng lên cao hình như trên nóc nhà lão. Lão mỉm cười rơi vào giấc ngủ, ánh trăng khuya như tấm chăn mỏng phủ toàn thân lão. Chiếc áo trận cũ kỹ như thấm màu trăng. Miệng lão nhếch một bên mép như đang cười trong giấc ngủ...(Lão thấy lão và các đồng đội đang tung hoành trong bão lửa, lội suối, leo đèo. Lão thấy lão đang hò hét vang trời chiếm lại cổ thành năm Mậu Thân. Lão thấy lão khóc rống ôm thi thể đàn em lão, mắt đỏ ngầu, ngực nặng ngàn tấn, cuộc chiến tàn nhẫn cướp đi bao người thân của lão.)

Lão lặn lộn ú ở trong chiếc ghế bành, tay chân đập thành thịch vào thành ghế rồi lão cũng vẫn trong giấc ngủ mê, có trăng ôm ấp lão... (Lão thấy lão đang đón tình nhân trước cổng trường, lão thấy lão dắt tay cụ cố nắm trăng và con sông đào yêu thương lượn lờ quanh hai ông cháu. Lão cười trong mơ...)

Lữ Quỳnh

Chỉ Có Kẻ Còn Lại

Thiếu nữ có đôi mắt lớn bướng bỉnh, thường nhìn thẳng vào mắt kẻ khác. Có lẽ đó là ấn tượng đầu tiên làm Vĩnh chú ý đến nàng. Và từ đó đã biến câu chuyện lẽ ra còn ngại ngùng vì lần gặp gỡ thứ nhất trở nên thân mật. Vĩng nói:

- Tôi là Vĩnh. V.I.N...dấu ngã.

Chẳng hiểu sao Vĩnh nghĩ tên mình khó nghe, nên đã vừa cười vừa đánh vần... Thiếu nữ mở to mắt nhìn, vẻ ngạc nhiên thích thú. Một lát sau, nàng nói:

- Còn tôi, tôi không biết giới thiệu đâu.

Vĩnh cười:

- Ăn thua gì.

- Ủa, sao lại ăn thua gì?

- Ờ, thì tôi nói có hề gì.

Thiếu nữ mím môi, hai mắt mở lớn nhìn Vĩnh. Vĩnh không chịu thua, cũng mở lớn mắt nhìn lại, đôi mắt mà chàng nghĩ hẳn phải xấu xí lắm lúc đó. nhưng chỉ một

chốc, chàng cảm thấy mỗi, phải nhìn xuống.

Buổi sáng lá thật xanh ngoài cửa sổ. Tiếng chim sẻ ríu rít ở đầu một mái hiên làm Vĩnh nghe vui tai và cũng chợt nhận ra vóc dáng nhỏ nhắn của thiếu nữ.

- Ồ, có hề gì việc giới thiệu với không giới thiệu. Tôi biết tên bé rồi...

- Sao lại bé?

Thiếu nữ mở tròn mắt và chanh chua ngắt lời.

- Khó quá. Thì cô. Tôi biết tên cô rồi...

Thiếu nữ đưa mắt háy Vĩnh rồi xoay nghiêng người nhìn ra cửa sổ.

- Thế sao còn hỏi nữa?

- Tôi có hỏi gì đâu?

- Không hỏi sao cứ *ăn thua* gì với *có hề* gì mãi...

Giọng thiếu nữ kéo dài ra ở tiếng cuối, nũng nịu làm Vĩnh suýt bật cười. Vững tần ngần, hơi nghĩ ngợi trước thái độ nửa thơ ngây nửa có vẻ dễ dãi đó của nàng.

- Thôi, sao tự nhiên làm khó vậy Chim sẻ?

Hình ảnh chợt nhận ra lúc nãy làm Vĩnh thốt ngay cho thiếu nữ một tên gọi. Nhưng thiếu nữ đã làm bộ ngơ ngác nhìn quanh phòng:

- Anh hỏi ai vậy? Có ai nữa ở đây đâu? Chim sẻ...Gì lại hỏi Chim sẻ?

Vĩnh không thể dừng lại trước sự vờ vĩnh đó nữa, chàng tiến lên một bước. Nhưng vì họ đang đứng gần nhau, nên một bước của Vĩnh cũng đủ tầm cho hai bàn tay chàng đặt xuống đôi vai thiếu nữ, và bắt đầu cảm thấy hương tóc nàng trong hơi thở rộn ràng.

- Chim sẻ là tên của bé, à của cô đấy nghe rõ chưa?

Thiếu nữ bước lùi, vượt khỏi tay Vĩnh.

- Bộ tui nhỏ lắm hả? Anh cầm trong bàn tay cũng được

sao?

Vĩnh cười, nhìn thiếu nữ:

- Chắc đi rồi.

Vĩnh chụm hai bàn tay vào nhau đưa lên ngang tầm mắt, giả bộ hé nhìn vào trong.

- Tưởng Chim sẻ không nằm trong này được sao? Thôi nói chuyện đằng hoàng đi...

Thiếu nữ lắc đầu lia lịa:

- Không, không...

- Không không là có đấy.

Thiếu nữ vẫn mím môi, vẫn ánh mắt làm ra vẻ giận hờn. Nhưng Vĩnh đã nghe được trái tim của nàng rồi.

- Chọc người ta quá vậy. Tôi phải về mách anh Tuấn tôi mới được.

Vĩnh ngồi xuống ghế, hau chân duỗi thẳng nhìn thiếu nữ khiêu khích.

- Anh Tuấn là ai vậy?

Thiếu nữ không trả lời thẳng:

- Tưởng ăn hiếp người ta được à. Còn có anh Tuấn, còn có mẹ nữa chứ.

- Còn ai nữa không?

Vĩnh nheo mắt hỏi.

- Chừng đó không đủ trị cái tội ăn hiếp người của anh sao?

Thiếu nữ đứng vòng tay bên tấm gương soi mặt gắn ở tường. Gió ngoài vườn làm lay động chút ánh sáng trên nền áo tím thắm nàng mặc. Vĩnh chợt nhớ ra điều gì vừa thoáng qua trong trí chỉ trước đó, nhưng chưa kịp nói thì tiếng thiếu nữ đã líu lo bên tai:

- Anh phải biết, mẹ dữ lắm a. Anh Tuấn ăn hiếp tôi, mà tôi mách mẹ còn phải sợ nữa là. Anh biết không, để khỏi

bị mẹ mắng, anh Tuấn thường hối lộ tôi đủ thứ, một cuốn tiểu thuyết của Quỳnh Dao, một thỏi chocolate, một châu ciné đầy nhé...

Vĩnh muốn thét lên, tôi biết rồi, khổ lắm...nói chuyện khác đi. Nhưng chàng vẫn dụ dằng với Chim sẻ.

- Thôi Chim sẻ đừng giận nữa. Đừng mách với mẹ...Tôi sẽ đền cho em như anh Tuấn vậy...

Sự dụ dằng miễn cưỡng đó bỗng làm Vĩnh xúc động, nhất là khi tiếng em được thốt ra và chàng thấy thiếu nữ cúi xuống vờ như không nghe thấy.

- Ai dại, chỉ đền như anh Tuấn thôi, thì ai dại.

Vĩnh đứng dậy đi vòng sau lưng thiếu nữ.

- Còn dại với không dại nữa...Mắt Chim sẻ đẹp quá. Cho anh mắt đi.

Thiếu nữ quay người lại hốt hoảng, vẫn giả bộ hốt hoảng:

- Xin gì ghê thế. Mù chết. Cho anh rồi chịu làm Lục Vân Tiên à.

Vĩnh đặt tay lên vai thiếu nữ, cúi xuống, hôn lên đôi mắt đã nhắm lại. Thiếu nữ, một bàn tay nắm chặt cánh tay chàng im lặng. Vĩnh cúi xuống thấp hơn và lần này chàng thoáng sờ khi môi chàng vừa đặt hờ trên môi thiếu nữ, chàng cảm thấy Chim sẻ bỗng tham lam và thành thạo lạ lùng. Vĩnh thốt gọi:

- Chim sẻ.

Thiếu nữ giữ nguyên hai tay trên ngực chàng.

- Anh...

Nhưng rồi nàng im lặng. Vĩnh cũng im lặng.

Trước sự thản nhiên trống trải của người con trai, Chim sẻ bắt đầu hót:

- Sao lại hôn tôi? Anh Tuấn nói chỉ hôn khi người ta yêu

nhau. Còn anh...

- Anh Tuấn mãi thế. Chim sẻ còn nhỏ lắm sao?

Vĩnh bắt đầu không vui, nhưng Chim sẻ không chú ý tới điều đó, nàng đưa những đầu ngón tay lên sờ môi như muốn cầm nắm cái chứng tích của nụ hôn vừa rồi. Thiếu nữ dựa người vào ngực Vĩnh, cả khuôn mặt ngược lên mời gọi:

- Thấy môi em có khác đi không? Anh tàn nhẫn quá mà.

Nhưng Vĩnh đã bước lùi ngồi xuống ghế. Chàng cố ném sự bức mình đang căng ứ trong ngực. Xạo quá, em vẫn giả bộ ngây thơ hay là em khùng đây. Chàng muốn thét lên như thế, nhưng chàng sẽ không bao giờ thét lên như thế được.

Chàng chỉ nói:

- Trời đã trưa rồi đấy, em về đi.

Ba ngày sau thiếu nữ trở lại tìm Vĩnh vào buổi sáng. Nàng mặc áo hoa lớn nhiều màu sắc sỡ. Vĩnh ngạc nhiên và phải mất mấy giây mới nhận ra thiếu nữ là Chim sẻ. Hai người cười với nhau và tuyệt nhiên không nói một lời nào. Sự im lặng không đến nỗi khó chịu ấy kéo dài được một lúc. Vĩnh đưa tay chỉ ghế mời thiếu nữ ngồi.

- Sáng nay nghỉ học à?

- Nghỉ.

- Sao nghỉ nhiều thế?

- Sao anh biết là nghỉ nhiều?

Vĩnh nhận thấy mình vô lý nên im lặng. Chim sẻ nói:

- Anh làm giùm bài tập đi.

Vĩnh mở tròn mắt ngạc nhiên, đôi mắt xấu xí càng xấu xí hơn khi mở toát ra như lúc này đã làm thiếu nữ cười nắc nẻ.

- Gì mà mở tròn mắt ra vậy?

- Sao? sao lại có chuyện làm giúp bài...ở đây...hử?

Thiếu nữ ngừng cười, nhưng nét vui hầy còn trên khoe môi.

- Thì làm giùm một bài thuyết trình đi. Về cái gì cũng được...ngày mai Chim sẽ đến lấy.

Vĩnh thở ra:

- Trời đất ơi, hết người để nhờ làm bài hay sao mà mang tới cho thằng lính đã bỏ trường mười năm nay rồi hở? Thuở tôi đi học, trái đất còn được định nghĩa là một quả cầu nổi trên đại dương...

Chim sẽ cười, hất tung cả mái tóc ra trước ngực.

- Anh là chúa xạo rồi. Nhưng anh vẫn thua xa anh Tuấn. Anh Tuấn cái gì cũng hơn anh hết. Anh Tuấn đi lính dữ, nguy hiểm lắm, nhưng theo lời anh kể thì thật thơ mộng. Lại anh Tuấn...Lại điệp khúc gia đình em...Vĩnh nghĩ trong đầu, trong khi thiếu nữ say sưa nói:

- Mẹ chỉ có một mình anh Tuấn với em thôi. Còn ba thì đi mua đồ chơi cho hai đứa tặn Sài Gòn, nhưng có lẽ vì ông chọn kỹ quá, nên mãi tới nay vẫn chưa về. Chờ tới dài cổ. Đã mười tám năm.

Vĩnh sững sờ nhìn thiếu nữ đang cười, hai mắt óng ánh lệ, làm khuôn mặt bỗng nhiên xa lạ khác thường. Vĩnh ái ngại cầm tay thiếu nữ:

- Đừng đùa nữa Chim sẽ. Hôm nào Tuấn về, Chim sẽ giới thiệu với anh đi. Ngày mai anh đi hành quân lại rồi... Tia nhìn của Chim sẽ đậu lại một giây trong mắt chàng. Vĩnh nói tiếp:

- Biết đâu anh chẳng gặp Tuấn mà không biết.

Thiếu nữ cúi xuống, giọng nói chùng đi:

- Hành quân tặn trên đó lận sao. Cao nguyên mà là chỗ

nào chứ? Anh nói để Chim sẻ còn lật bản đồ tìm ra.

- Em làm sao mà tìm ra được, những địa danh Thượng mịt mù bí hiểm...

Không khí bỗng dưng thay đổi hẳn. Vĩnh cảm thấy sự im lặng đã vượt quá giới hạn cần có của nó trong câu chuyện thường ngày.

- Mỗi lần anh Tuấn đi hành quân là mỗi lần mẹ giấu nước mắt và em chẳng học hành gì được cả. Tại sao thế nhỉ? tại sao phải thế nhỉ?

Tiếng thiếu nữ lạc hẳn như không còn là tiếng nói của nàng. Vĩnh kéo thiếu nữ đứng sát mình ở cạnh cửa sổ.

- Chim sẻ thắc mắc đấy à. Sao Chim sẻ thích nhắc tới anh Tuấn lắm thế?

- Bộ anh không thích nghe về anh Tuấn à. Chim sẻ dọa anh nên bảo anh Tuấn dữ dằn thế đấy, chứ thật ra anh Tuấn hiền lắm. Anh Tuấn chưa có vợ nhưng có người yêu rồi. Anh hay kể về người yêu của anh với em. Khi yêu, hai người hay kể về người mình yêu phải không anh?

Nắng buổi mai lên cao vàng rực trên mặt đất và xanh thắm trên ngọn cây. Vĩnh nhìn vu vơ ra khu vườn, tự nhiên nghe tâm hồn có những cảm xúc lạ, buồn như chưa từng có. Nhưng giọng chàng vẫn đùa cợt:

- Anh không biết, Chim sẻ à. Phải đợi đến khi anh biết yêu đã...

- Thế anh chưa biết yêu sao?

Giọng thiếu nữ mềm như hơi thở. Vĩnh đáp gọn:

- Chưa.

Thiếu nữ dựa hẳn người vào ngực Vĩnh. Những sợi tóc dài bay vướng qua cổ làm chàng cảm giác dễ chịu. Thiếu nữ ngẩng mặt lên trong khi Vĩnh cúi xuống. Chàng thấy

bóng mình chao đi trong mắt thiếu nữ.

- Vĩnh...

Tiếng gọi thều thào sau những sợi tóc phiêu bồng.

Vĩnh đứng im. Chàng vừa nghe tiếng hót líu lo của cả một đàn chim ở cuối mái hiên. Thiếu nữ nói, giọng mời gọi:

- Anh...

Nhưng một lần nữa, câu nói ngập ngừng rồi bỏ bỏ ngang.

Vĩnh nhìn đôi môi thiếu nữ run rẩy. Chàng hiểu nàng muốn nói gì rồi. Bỗng dưng Vĩnh thấy nàng tội nghiệp, cùng lúc với nỗi trống trải tràn ngập tâm hồn. Chàng nói:

- Không được Chim sẻ à...Anh Tuấn của em nói đúng đấy, đừng hôn anh, anh không phải người Chim sẻ...

Những giọt nước mắt chạy quanh mi thiếu nữ:

- Em biết.

- Hãy coi anh như Tuấn vậy.

Vĩnh chỉ nói thế rồi im lặng. Thiếu nữ bỏ chàng đứng tựa hai khuỷu tay xuống thành cửa sổ.

- Ngày mai anh đi, bao giờ mới về lại?

Thiếu nữ không quay lui, hỏi chàng. Giọng thiếu nữ làm Vĩnh nghĩ ngay tới một câu cải lương để mỉm cười, rồi nghĩ tới một câu hát thời trang để biết nụ cười của mình đã tắt. Thời của bây giờ là thế đó.

- Một tháng sau, hai tháng sau...Khi nào có dịp ghé tạt đây, Chim sẻ sẽ biết ngày anh đã trở về.

Thiếu nữ đứng dậy nhìn Vĩnh thật buồn bã, rồi nhẹ nhàng bước ra cửa. Vĩnh không tiễn chân, cũng không nhìn theo. Ánh mắt chàng lững lơ trên trần nhà. Chàng đang nghĩ đến thái độ Chim sẻ, và mơ hồ hiểu nàng, hiểu về người mẹ, người anh tên Tuấn. Hiểu cả những gì mà Chim sẻ đã làm chàng không nghĩ tốt về nàng trong lần

gặp trước nữa.

Anh Vĩnh,

Bằng tất cả chân thành, em xin anh cho em được trả lại tên Chim sẻ của anh. Bởi Chim sẻ của anh không bao giờ là em, không bao giờ là một Nguyễn Thị Lệ cả. Tên của em, Lệ hay Nước mắt thì cũng thế. Sau này, trong mấy tháng gần đây, bọn bạn gà chết đã gọi em là Ánh Lệ. Sự thêm một tiếng trước tên mình, đôi khi làm rõ cái nhân cách của mình lên phải không anh. May rằng em còn đủ can đảm để giữ lại tên cha mẹ đặt, nếu không em cũng như bọn nó có một cái tên mới, phải mới để nếu được có thể dứt luôn cả quá khứ, phải làm khác đi khuôn mặt và đời sống của mình.

Em mồ côi cha từ năm hai tuổi. Những buổi tối nhìn lũ trẻ hàng xóm quây quần bên mâm cơm với đầy đủ mẹ cha, anh em dưới ánh đèn ấm cúng, em thường chạnh lòng hỏi mẹ rằng sao con không có cha như lũ trẻ nọ, để nghe mẹ trả lời: ba con đi sắm đồ chơi cho con và Tuấn tận Sài Gòn và con muốn ba chóng về thì đừng bao giờ hỏi mẹ như thế nữa. Câu trả lời của mẹ lặp lại nhiều lần như điệp khúc. Em không hỏi nữa, nhưng em đã chờ đợi trong im lặng cho đến khi trí khôn đã nhận ra lời nói dối của mẹ. Ba chết từ lâu rồi. Em nghe đâu ba đã chết trong cuộc kháng chiến chống Pháp từ nhiều năm trước ngày đình chiến. Em sống hẩm hiu bên cạnh mẹ và anh Tuấn trong ngôi nhà thừa tự ở làng. Đời sống tuy có khốn khổ nhưng thật êm đềm, mặc dầu chiến tranh vẫn còn âm ỉ đâu đó. Mẹ thường nhìn chúng em mà tự hỏi, không biết đến đời thằng Tuấn con Lệ có còn chiến tranh không? Trong mắt mẹ, em biết mẹ tin rằng rồi chiến tranh sẽ hết

và không còn tái diễn nữa, có lẽ bởi mẹ thấy anh Tuấn còn bé quá, mắt trong veo và tâm hồn ngơ ngác như nai rừng. Hay mẹ đã hy vọng qua thời gian con người sẽ chán chém giết, sẽ ghê mùi tanh của máu, mùi khét của đạn lửa, để sớm nhận ra chiến tranh là một tội ác, xấu xa nhất không thể có trong một nhân loại tiến bộ. Nhưng hy vọng đó đã tắt sớm trong mẹ.

Chiến tranh tái diễn trên cùng giải đất từng bị cày xới bởi đạn bom trước đó, chưa phai tàn dấu tích. Lương tâm nhân loại không những tiến bộ như mẹ nghĩ, mà còn sa đoạ thâm trầm, bởi cuộc chiến tranh hôm nay còn tàn khốc gấp trăm lần trong quá khứ.

Anh Tuấn bị gọi đi lính năm hai mươi tuổi sau khi thi hỏng vào đại học. Ngày anh gần ra trường thì vùng em ở bị chiến tranh liếm tới. Em và mẹ giữ mình từng phút trong khi chiến cuộc vô đập triển miên. Một buổi sáng trời trong, em đang lang thang ngoài rẫy bắp thì hàng chục máy bay đến oanh tạc khu vực. Em nhớ hình ảnh cuối cùng về mẹ...Trời ơi, kinh khủng vô cùng, em làm sao có thể viết ra đây với anh. Bom nổ, lửa cháy chung quanh. Em nằm dí dưới một rãnh đất, em nhớ mẹ trước đó trải chiếu nằm ở thềm ngôi nhà thừa tự. Mẹ đã đau đớn ra sao khi lửa tấp vào người, khi đồng sắt trộn lẫn với thịt xương mẹ, nhất là với những điều mẹ muốn nói với con của mẹ lúc đó, nhưng chẳng bao giờ còn thốt lên được nữa. Khi cuộc oanh tạc ngưng, em chạy trở về được thì ngôi nhà đã đổ nát và mẹ cháy cong queo trong ngôi gạch vụn. Em la khóc, em điên cuồng, em muốn chết để không còn ý thức được gì hết. Sự đau đớn làm tắt cả giác quan em tê liệt. Nhưng rồi nước mắt cũng vơi, nỗi khổ cũng phai dần. Em bỏ làng, lên tỉnh ở trọ nhà người chú

tiếp tục đi học, nhưng em biết rằng em chẳng còn học hành gì được nữa. Em đi lang thang suốt ngày. Em tập uống bia, hút thuốc lá. Anh Tuấn được tin mẹ chết, buồn rầu ngày ra trường chọn đi biệt kích. Thịnh thoảng được về phép, anh cũng dẫn em đi lang thang suốt ngày. Em biết anh buồn lắm vì việc em bỏ học và đang tập tành những thói hư. Nhưng anh chẳng nói gì, anh có vẻ bất cần đời. Trong vẻ im lặng của anh, em biết còn có sự chịu đựng nữa.

Anh Vĩnh ơi, em không biết tới bây giờ thì cuộc hành quân của anh đã chấm dứt chưa? mà dù anh có đã trở về rồi thì em cũng không thể nào tìm lại thăm anh nữa. Rồi anh sẽ hiểu mà tha thứ cho em. Rồi anh sẽ hiểu để thấy em, một đứa con gái bất bình thường với cuộc đời bệnh hoạn, không bao giờ còn xứng đáng đứng trước anh. Em cũng mong anh hiểu mà tha thứ cho em về những điều em đã nói dối với anh. Những điều em kể về người mẹ, về người anh tên Tuấn...Thật ra thì họ không còn nữa.

Xin anh hãy thật lòng tha thứ cho em. Và điều ước mơ duy nhất của em, là được anh quên em, quên hết, quên sạch. Dù cho đó, với em là những kỷ niệm quý báu nhất một đời người.

Em sẽ cầu nguyện cho anh mãi là người trở về. Bởi chỉ có kẻ trở về mới đáng kể, nhất là lần trở về ngay sau khi tiếng súng ngừng hẳn, phải không anh?

Trần Bang Thạch

Ở một nơi mà ai cũng vui

(Viết để kính tặng những Thầy Cô đã có 50 năm hôn phối).

Bỗng nhiên ông Khương thấy con đường từ nhà bếp và phòng ăn dẫn ra phòng khách như ngừng lại. Có lúc ông Khương còn thấy cái bàn, cái ghế, bộ sa lông, cái TV...sao mà lớn hơn ngày thường và các phòng ngủ cũng hẹp hơn. Sáng sớm hôm nay hình như ông Khương đã mừng rỡ tưởng những điều đó khi ông vừa thức dậy và biết rằng hôm nay là ngày vợ ông xuất viện. Chỉ mới hôm qua và những ngày trước ông Khương còn thấy căn nhà như quá rộng khi thiếu bóng dáng vợ ông trong nhà. Hôm nay thì vợ ông sắp về nhà. Vợ ông sắp về rồi. Từ sáng đến giờ không biết ông Khương đã nghĩ đến điều đó bao nhiêu lần. Càng nghĩ thì càng trách mình tại sao không bỏ cái hẹn với ông nha sĩ để cùng với con gái đi rước vợ. Chỉ có hơn nửa giờ để làm cái răng giả mà ông để lỡ hết việc thật, nhất là một việc rất thật là đi rước vợ ông về nhà sau gần một tuần lễ nằm bệnh viện. Đích thực là vợ ông không nằm bệnh, mà bà đến bệnh viện của ông bạn thân cách đây hơn tám mươi dặm để ông bạn kiểm soát toàn bộ sức khỏe của bà, chờ bà chưa có dấu hiệu của những căn bệnh già! Giá mà mắt mũi ông còn tốt, mỗi ngày lái xe đi thăm bà một chuyến thì chắc cũng đỡ nhớ. Có câu ca dao nói "thương em mấy núi anh cũng trào, mấy sông anh cũng lội", còn ông chỉ có ngồi xe lái phom phom trên xa lộ mà cũng không làm nổi! Chỉ có năm ngày mà ông Khương coi như thế kỷ! Mấy tờ

lịch cũng đỡ chứng, cứ ngồi lì trên vách, không chịu rút xuống. Ông đã ngồi không yên, mà đứng cũng không lâu. Các cây kim giờ của mấy cái đồng hồ tự nhiên hôm nay làm một cuộc thi đi chậm! Cái radio ông mở ra đó như thói quen. Mọi khi ông bà đón nghe chương trình đài VOA, đài BBC và đài địa phương nghe con gái đọc truyền. Hôm nay radio nói cái gì mà cứ rĩ rả ông có nghe hiểu gì đâu. Đã bao nhiêu lần ông Khương cứ đi tới đi lui, đi quanh đi quẩn hết nhà ăn ra phòng khách, hết phòng khách ra vườn sau, hết vườn sau ra vườn trước. Tất cả đều ngắn hơn và hẹp hơn bình thường. Nhưng mà hồi sáng khi đi bách bộ như mọi ngày trên con đường lát gạch đỏ chạy xung quanh hàng rào khoảng vườn sau nhà, ông Khương lại thấy thời gian dài hơn, mà con đường thì rộng hơn. Cũng vẫn là 50 vòng, vẫn những bước đều trên 148 miếng gạch vuông mỗi chiều 2 feet. Rõ ràng là ông Khương lung tung quá. Nghĩ ngược rồi nghĩ xuôi. Nghĩ ngợi lung tung đủ điều, không cái gì ra cái gì. Chợt ông Khương mỉm cười khi có ý nghĩ rằng trí óc mình bây giờ là con ngựa bất kham. Nếu có vợ ông trong nhà con ngựa chắc đâu có chạy bốn phương tám hướng như vậy ! Ừa ! Như vậy là làm sao? Chẳng lẽ từ bao lâu rồi mình đã "ghiền" cái hàm thiếc tự nguyện ấy rồi sao? Cũng chẳng sao hết. Đọc lại Tây Du Ký đi. Giá mà không có cái kim cô của Đức Phật trông vào đầu thì còn lâu Tề Thiên mới thành Đại Thánh ! Hồi nhỏ ông Khương có nghe người ta ví người vợ rồi cũng sẽ là người mẹ của ông chồng. Hồi đó ông đâu chịu tin. Làm sao mà có cái chuyện treo cổ ngỗng như vậy được! Bây giờ có lẽ ông phải nghiêng theo chủ nghĩa xét lại rồi.

Nghĩ gần rồi lại nghĩ xa. Ông Khương đang ở cái tuổi

thất thập, tuy trí nhớ lúc nắng lúc mưa, nhưng ông nhớ rõ là đã thật lâu, lâu lắm, hơn ba mươi năm rồi, ông bà chưa một lần xa nhau, dù chỉ một ngày. Đi đâu là phải có đôi. Như chim liền cánh, như cây liền cành. Ông Khương nhớ từ ngày chánh quyền Miền Nam mất, ông Khương cũng bị mất mấy cái ghế trên các bục giảng nơi các giảng đường của ba bốn trường đại học, mất cả mấy chục ngàn môn sinh của mình mỗi năm, và dĩ nhiên là ông bị cho nghỉ dạy; điều mà bạn bè ông thường túm khụm nói chơi cho vui là chúng mình ôm bằng cấp mà trở thành mất dạy. Nghe thật tức cười nhưng cũng rất là "biện chứng" : Trong một xã hội kẻ chốt làm vua thì người sáng mắt phải đi chỗ khác chơi, cho được việc nhà nước!!! Trước đó, lúc ông bà mới cưới và chưa có tí nhau nào, những lần đi gác hay chấm thi ông bà thường đi chung với nhau, coi như mỗi năm một lần "honey moon" cho đậm đà tình nghĩa. Không biết mấy ông Giám Đốc Nha Khảo Thí cố ý hay vô tình cứ đưa ông đi hết Nha Trang rồi Đà Lạt, rồi Vũng Tàu; có lần còn đi xem lăng tẩm ở Huế. Ôi gió mát trăng thanh, rì rào sóng biển, non nước hữu tình. Khỏi nói thì ai cũng biết: chuyện tư, chuyện công, ông bà hoàn thành vô cùng tốt đẹp. Những năm đó thì cử còn khó khăn, còn sót những giáo sư cà vạt cổ cồn từ thời Pháp thuộc, nên "mười người rớt bảy còn ba, rớt oral còn một mới ra anh Tú Tài". Có lẽ vì ảnh hưởng cái khó khăn của thí sinh mà Khương Phu Nhân cũng chậm cho ra lò các quý tử. Ở trường thi, Khương Giáo sư là người mất tay, chấm đầu thí sinh đậu đó, còn chấm gà nhà thì sao cứ trật vượt hoài, tức ới là tức! Khi Nha Khảo Thí bỏ thi hạch miệng, rồi ông Mỹ chỉ cho cách thi cử IBM, gọi nôm na là ABC khoanh, các giáo sư

khó khăn cỡ giáo sư Trần văn Lúa nghỉ hưu thì thí sinh đậu nhiều hơn. Trong dân gian câu nói " lúa rồi" để chỉ người trượt vô chuối dần dần biến mất trong giới thí sinh. Thí sinh đã bắt đầu khoanh giởi và Khương giáo sư cũng từ từ giởi khoanh hay là vì Khương Phu Nhân gặp thời thế thế thời phải thế, cũng theo phong trào đậu mà lần lượt cho ra đời các quý nam, mỗi năm một quý ! Quý nữ chót thì phải đợi khi Khương giáo sư hồi loan sau hai năm tu nghiệp ở Hồng Kông. Đó là thời gian hai người xa nhau lâu nhất trong đời vợ chồng. Ôi hai cái năm đó mỗi lần nhớ tới là ông Khương thấy sót dạ đau lòng. Hai vợ chồng đều là nhà giáo, con đông, đồng lương ít ỏi mà sinh sống ở Sài thành hoa lệ, bà con không có, nhà cửa, giá cả sinh hoạt mắc mỏ như vàng, tháng nào đủ cho tháng đó đã là may. Ông Khương đi xa, mất một số tiền lớn khi dạy tư ở các trường khác, để lại đồng lương căn bản cộng với đồng lương nhà giáo của bà nhiều khi không đủ chi tiêu. Bà vốn là thiếu nữ yếu đuối chỉ biết sống bằng nghề dạy học. Viết thư cho vợ bao giờ ông Khương cũng bắt đầu bằng câu "Vợ yêu quý của anh": "Vợ yêu quý của anh, bây giờ đã gần nửa đêm, anh đang ngồi đây trên tầng lầu thứ 59 của chung cư. Biển Thái Bình Dương mịt mù ở xa. Phố xá nhạt nhòa dưới thấp. Mưa thì đang bay lất phất ngoài cửa sổ. Anh thì ngồi trong này thì thầm gọi tên em. Nhớ em và các con vô cùng. Hỡi em yêu quý, ngay giờ phút này anh ước chi mình là cánh chim nhỏ vượt đại dương, rồi biến thành cánh bướm khuya bay vào cửa sổ nhà mình để ngắm nhìn em và các con đang an giấc điệp. Cánh bướm sẽ để lại một đóa hồng nhỏ xíu trên chiếc gối bỏ trống nằm cạnh em. Em, em có đang nằm mơ thấy anh không?

Anh thì luôn luôn thấy em, kể cả trong giấc ngủ. Không hiểu sao anh thường nằm mơ thấy em tất tả đi trong lòng phố, môi mắt buồn hiu, đầu trần đội nắng, tóc lệch đường ngôi, cánh áo dài màu thiên thanh nhập nhòa cát bụi. Anh cũng thấy nhiều lần cái gốc đường Cộng Hòa - Thành Thái ngày xưa, nơi mình gặp nhau mỗi sáng". Thư gửi cho chồng, mười cái như một, đại khái như thế này: "Anh yên tâm lo học hành, nghiên cứu. Việc nhà, việc con cái, em đều lo được hết. Anh đừng bận tâm, em bây giờ giỏi gấp mười lần trước. Các con cũng giỏi và ngoan lắm. Cuộc sống cũng đầy đủ, không thiếu gì đâu. Lúc anh mới đi, em buồn và nhớ anh lắm, nhưng bây giờ thì đã nguôi ngoai dần. Lo đi dạy, lo cho con, anh nghĩ coi em còn thì giờ đâu nữa mà ngồi buồn". Những lời thư như vậy làm ông Khương yên tâm. Có thư vợ ông còn viết những lời chọc ghẹo ông: "Nè, em nói cho mà biết, đừng có loạng quạng với các tiểu muội The China Doll má thắm môi hồng xương xanh xương xám mà chết với em đó nhen! Không giấu em được đâu. Mười móng tay em nhọn hoắc và dài tới mấy ngàn cây số lận đó!" Những lời thư như vậy làm ông Khương càng yên chí vợ mình không quá buồn não như ông nghĩ. Nhưng có một lá thư do con trai lớn ông gửi qua khiến ông phải rơi nước mắt. Càng đọc thư con, ông càng thương nhớ vợ: "Ba ơi, má bây giờ cực lắm. Xong giờ dạy ở trường, má còn đi kèm trẻ ở trong Chợ Lớn, đạp xe hàng năm, bảy cây số tới tối mịt mới về. Những đêm mưa, đường xá ngập nước, con hẽm nhà mình nước mưa lên tới đầu gối, má đội mưa, dắt xe đạp mà về, mình mẩy ướt hết. Má lo cho anh em con ở nhà giữa mưa sa, sấm chớp. Chị Hai giúp việc má cho nghỉ lâu rồi. Về nhà má còn lo cơm

nước, giặt giũ, rồi ngồi chằm bài tối khuya. Mà ba ơi, nhiều đêm nửa khuya chợt thức giấc, con thấy má ngồi trong góc bếp rấm rức khóc, khóc một mình trong bóng đêm. Má bây giờ ốm lắm, như cây tằm. Tụi con biết, nhiều lần trước mặt các con, má cười như mếu, má cố đè nén cơn ho cũng như đè nén nỗi buồn". Ôi! còn nỗi buồn nào lớn hơn nỗi buồn của ông Khương lúc đó. Họ chẳng chỉ có nỗi buồn lớn như trời như biển của người vợ yêu quý của ông đang kham khổ nơi quê nhà mới có thể lớn hơn được. Ngày về nước, ông biết hết mọi chuyện. Các con nói cho ông nghe hết. Vợ ông chỉ biết khóc. Đêm đầu tiên trở về căn nhà mái tôn vách lá đơn sơ trong con hẻm nhỏ ở vùng Đa Kao, Tân Định, ông bà Khương chỉ biết ôm nhau mà khóc. Bao nhiêu nhớ nhung của tháng ngày xa cách bây giờ đọng thành suối nước mắt. Những thương khó của vợ trong suốt hai năm trời cao như núi. Bao nhiêu ngàn sạn đạo nàng đã một mình một bóng lầm lũi lê bước đi qua; nhiều khi đi giữa những ma quỷ chập chờn, những âm binh, chương khí của một Sài Gòn hoang lạc về đêm. Người hiền phụ ấy đã như người nhắm mắt bịt tai đi trong những tiếng đời xao động. Ôi! Cây thập giá đời cả ngàn năm sau đã rơi xuống đôi vai mông như lá mềm như sương của người con gái đất Long Hồ. Rạng sáng hôm sau, ông Khương dọn mình sạch sẽ, mặc bộ bà ba trắng tinh, đứng trước sân, đốt mấy nén nhang, trước là cảm tạ trời đất đã gìn giữ cho ông một mái ấm gia đình, sau là ông cảm tạ ba má vợ đã cho ông một hiền phụ chung tình, chịu thương chịu khó, chỉ biết có chồng con. Giữa trời đất tinh khôi với vầng Đông vừa ló dạng, ông cũng thầm cảm ơn vợ đã cho ông biết được đầy đủ ý nghĩa của hai chữ Tào Khang. Từ đó đến nay

đã gần tròn năm mươi năm rồi. Năm mươi năm chồng chất những thương yêu, tình nghĩa. Sợi dây ân tình mỗi ngày thêm bền chặt, gắn bó như keo sơn. Mỗi ngày bên nhau là một hạt nghĩa, mỗi hơi thở thương yêu là một hạt tình. Đến nay thì những hạt nghĩa tình lóng lánh ấy đã kết thành xâu chuỗi ngọc quý nhất trên đời. Mới đây, khi nghĩ tới đoạn đường dài tình nghĩa ông bà đã dắt nhau đi, ông Khương hứng chí làm mấy câu thơ:

*Một đoạn đường dài, vạn nẻo chông chênh
ta nắm chặt tay nhau vượt ngàn thương khó
Hương lửa ba sinh mặn nồng từ thuở đó
hun tình yêu nồng thắm đến bây giờ.*

*Tạ ơn người tình, người vợ, người thơ
đã hết dạ cùng ta kết tròn xâu chuỗi ngọc*

Những bài thơ có tình ý thiết tha như thế này, ông Khương dành riêng cho mình ngâm nga cho vui; chớ từ ngày con cái đã lớn, rồi có cháu nội, ngoại, rồi tuổi càng ngày càng cao, ông bà hình như mất dần những cử chỉ thân mật, đượm tình như đôi mươi năm trước, nhất là ở những nơi đông người. Ở đây gặp nhau người ta hay "hug" nhau, ôm nhau, tỏ cử chỉ thân mật. Ông bà Khương biết đó là điều tốt, nhưng ông bà làm chưa được.

Những ngày đầu ở nước mới, như mọi người, ông bà Khương dẫu tránh khỏi những âu lo. Vợ ông thêm một lần nữa chịu thương chịu khó. May là các con đã biết tự lo cho cuộc sống tương lai của mình. Khi tất cả các con đã nên danh phận, mỗi đứa một mái ấm gia đình riêng, cũng là lúc ông bà Khương nghỉ hưu. Tưởng rằng căn

nhà sẽ trở nên buồn tẻ sau khi tiễn con gái út lấy chồng. Thực tế là không phải vậy. Gả con hay cưới dâu chính là dịp ông bà Khương có thêm con, thêm cháu. Thêm niềm vui. Mỗi ngày thêm niềm vui mới. Nhà ông bà bây giờ ở đâu cũng thấy đồ chơi con nít. Hai đứa cháu nội Cu tí, Cu Ti, rồi cháu ngoại Mina, Mimi lần lượt chào đời cứ nối dài những tràng cười cho ông bà nội ngoại. Lúc cháu còn nhỏ, ông bà săn sóc, nuôi dưỡng từng đứa; lớn hơn một chút thì ông bà đưa cháu đi học, dạy nói tiếng Việt, nghe tiếng Việt, dạy chữ Việt. Người ta nói các ông bà thương cháu hơn thương con. Điều này thì ông bà Khương chưa xác quyết được, nhưng tình thương bây giờ hình như ông bà dành nhiều thật nhiều cho mấy đứa cháu. Có lẽ vì ông bà gần gũi với mấy cháu hơn là với cha mẹ chúng nó. Nghe đứa cháu này bập bẹ mấy tiếng nói đầu tiên, thấy đứa cháu kia tập đi từng bước, té lên, ngã xuống, ông bà đã thấy đầy niềm vui và hạnh phúc. Niềm vui và hạnh phúc thật gần, có xa xôi gì đâu; với tay là đụng tới. Mỗi lần nghe con Mina đót đát ca: "Con mèo trèo lên cây cau, hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà, chú chuột đi chợ đường xa, mua mắm, mua muối giỗ cha chú mèo" là ông bà Khương ôm bụng cười lẫn, trăm lần như một. Có một câu mà mỗi lần Cu Tí ca là cả nhà không nín được cười: "công cha như bú Thai Sơn, nghĩa mẹ như nước trong lòng chảy ra". Cả nhà cười như bể chợ. Anh con rể người Việt nhưng không hiểu nhiều tiếng Việt cũng cười nghiêng ngả. Cô con dâu người Đức không hiểu "bú" hay "núi" cũng như không hiểu "nguồn" hay "bồn" là gì cũng cười ngoặt ngoẹo. Vợ chồng thẳng con trai thứ chưa có con nên nếu muốn cười thì cứ về nhà cha mẹ mà cười cho bể bụng. Trước

kia khi chưa có đứa cháu nào ra đời, vợ chồng anh con trai thứ này rất lười về nhà. Nay thì hết vợ tới chồng đeo theo mấy đứa cháu. Nhà ông bà Khương ngang nhiên trở thành một hí viện chuyên trị hài kịch. Các đứa cháu đóng kịch, ba má chúng nó đóng kịch, cả hai ông bà cũng đóng kịch. Ông Khương có biệt tài nhái giọng con Elmo trên đài số 8 cho các cháu cười vui thỏa thích. Kịch sĩ hay hay dở thì không biết, chỉ biết căn nhà lúc nào cũng tràn ngập tiếng cười. Những buồn phiền, những căng thẳng ở sở làm, những "road rage" trên đường phố, những biếu những biếc, những lo những liếc, v.v... đều bị bỏ hết phía ngoài cửa. Trước cửa nhà ông bà Khương thiếu điều có treo tấm bảng " No Stress Allowed " hay "Stress Free".

Nói đi thì cũng phải nói lại. Có khi ông bà Khương cũng buồn thầu xương. Hai ngày cuối tuần, hay ngày lễ, các cháu ở nhà cha mẹ chúng nó; nhà ông bà Khương trống vắng, đìu hiu. Chỉ xa có đôi ngày thôi mà nhớ thì vẫn nhớ. Gọi điện thoại tới lui mà vẫn nhớ. Sáng Thứ Bảy hay Chủ Nhật nghe đứa này gọi, đứa kia gọi thăm ông bà; ông bà nội ngoại vui no đầy, không cần ăn sáng cũng no. Cứ mỗi sáng sớm Thứ Hai, ông bà chờ nghe tiếng mở cửa để ôm mấy cháu vào lòng cho thỏa cái nhớ. Hay là những lúc các cháu theo cha mẹ đi xa, hoặc có đứa này, đứa kia bị bệnh, căn nhà lúc đó vắng tiếng cười. Như mấy ngày nay đây, bà Khương vào bệnh viện, các con nghỉ phép ở nhà săn sóc con cái cho nên đâu có đứa nào tới nhà ông. Căn nhà vắng vẻ như am mây. Đi tới đi lui cũng một mình. Biết vậy thì vào bệnh viện luôn với bà cho đỡ tức.

Cái tức chưa hết thì điện thoại reo, ông Khương gần bộ

phận trợ thính vào hai tai rồi nhấc máy.

-Ông ngoại ơi, con Mina đây nè ngoại.

-Ừa, con Mina. Ngoại nghe đây. Con đang ở đâu vậy?

-Dạ, con đang ở tại hospital.

-Ừa, con có gặp bà ngoại chưa?

-Dạ rồi. Sao ông ngoại không đi rước bà ngoại vậy?

-Ông ngoại không rảnh con à.

Tiếng thằng Cu Tí chen vào:

-Ông ngoại hư lắm nhen. Chừng bà ngoại về, bà ngoại bắt ông ngoại đứng corner đó nhen.

Ông Khương nghe tiếng cười khúc khúc trong máy. Chắc có người đang dành điện thoại để nói. Chuyện đứng corner bây giờ thì ông không phải thi hành rồi, nhưng nhớ lại ông cũng là người đứng góc đường chuyên nghiệp khi đứng chờ nàng mỗi sáng đi học tại góc đường Cộng Hòa và Thành Thái. Mấy năm trước đó, thằng con trai tỉnh lẻ hĩ mũi còn chưa sạch mà lại thích trồng cây si ngay trước cổng nhà nàng nữa. Quả là con nít quí! Nhớ tới mà mắc cỡ quá trời.

-Ngoại ơi, sao ngoại không nói gì hết vậy?

-Ừ, ờ...Chừng nào thì về vậy con?

-Một chút nữa thôi.

Tiếng con Mimi chen vào:

-Bà ngoại nói bà ngoại nhớ ông ngoại lắm đó, nhớ nhiều thiệt là nhiều.

Ông Khương dẫn tay trên ngực để ngăn chút xúc động vừa đến dù ông biết con bé đang dở quẻ chọc ghẹo ông ngoại đây; chớ ông dư hiểu vợ ông đâu có nói câu đó trước mặt ai.

-Mà...mà...ông ngoại có nhớ bà ngoại hông? Hi...Hi...

Con bé tiếp tục đùa dai đây. Ông cũng vậy, ông muốn

nói ngay với cháu ngoại là ông cũng nhớ bà ngoại lắm. Nhưng cũng như vợ, lâu rồi những lời thương yêu ấy chỉ nằm đâu đó trong bụng, đâu có thoát ra khỏi miệng ông được khi có bá quan văn võ trước mặt, nên ông chỉ âm ừ cho qua:

- A..a...a. mà con sắp về chưa?

- Sắp về rồi. Ông ngoại nhớ "hug" bà ngoại nhen.

Đến đây thì ông chịu thua con bé. "Hug" giữa thanh thiên bạch nhật là chuyện khó dần trời đối với vợ chồng ông bây giờ. Tay chân còn ít khi nắm nói chỉ đến chuyện ôm với ấp. Làm sao ông hứa với nó được. May là ông nghe tiếng vợ ông, nhỏ nhẹ như hơi gió, ngọt lịm như đường phèn:

-Minh ơi, mình nấu giùm em miếng cháo nhen. Thấy thèm cơm nhà quá trời đi.

-Mà mình muốn ăn cháo gì?

-Biết rồi mà còn phải hỏi!

Bà ngừng nói một cái rụp. Điện thoại cũng im. Chừng đó ông Khương mới thấy rõ ràng ông là ông già lắm cẩm. Còn gì mà phải hỏi nữa chớ: Chỉ còn thiếu có vài ngày nữa thôi thì chung chiếu chung chăn vừa đủ nửa thế kỷ, ông đã biết quá rõ là từ hồi năm thìn bão lụt đến bây giờ vợ ông chỉ thích có một thứ cháo duy nhất, đó là cháo bát thảo. Trí óc ông lại tối u như đêm ba mươi, đang nói về cháo mà bà chêm vô cái gọi là "thèm cơm nhà" mà chẳng hiểu mô tê gì hết lại còn hỏi một câu lằng xẹt. Bà bóng gió nói là bà nhớ ông đó, hiểu chưa ông già chậm tiêu!

Như vậy là ông Khương có việc để làm, để đoái công chuộc tội. Nồi cháo hôm nay phải là nồi cháo của thế kỷ. Những tuyệt chiêu ông phải đem ra hết. Từ hôm qua

ông đã biết rõ là mấy giờ trưa nay thì vợ ông xuất viện, mấy giờ là về đến nhà. Nhìn đồng hồ, còn đúng một giờ hai mươi tám phút nữa, chắc là đủ cho ông nấu xong nồi cháo bát thảo. Cũng không khó khăn gì, ông Khương đã quen với việc này rồi. Bà Khương hay bất thường muốn ăn cháo bát thảo do chính ông Khương nấu. Đã có sẵn trong tủ lạnh: Hột vịt bát thảo, thịt xay, tôm, hành lá, hành phi... Chỉ thiếu ngò rí và giá sống là đủ bộ. Mà giá sống phải tươi, mập, ngắt đầu, ngắt đuôi bà Khương mới chịu. Nồi cháo cũng phải thật nóng, nguội là bà chê. Cháo còn dư đừng hòng bà Khương ngó tới. Trong lúc chờ thịt xay và tôm hết đông đá, ông Khương chạy ngay ra đầu đường xách về một pound giá sống vừa tươi, vừa mập, trắng nõn và một nhúm ngò rí xanh rì. Nhớ hồi xưa có lần lật giá với vợ, ông buộc miệng:

-Coi cọng giá nè em, sao nó giống như là cánh tay trắng nõn nà, tròn trịa của người đẹp.

Vợ ông ngừng tay, liếc nhìn chồng một cái bén ngót như dao cau, rồi gần từng tiếng nói:

-Người... đẹp... nào... vậy.. hở... anh chồng yêu quý của em?

Nhìn vợ và nghe cách nói của vợ, ông Khương biết ngay là cơm không lành canh không ngọt rồi. Ông ú ớ chưa trả lời xong thì dòm quanh ông Khương thấy còn lại một mình mình trong bếp. Bà Khương đã vào buồng nằm khóc. Người xưa đã dạy: không quen nói chơi thì chỉ nên nói thật, hay tốt nhất là đừng nói. Chỉ lý thay.

Bây giờ lật từng cọng giá mà ông Khương nghe lòng thật vui. Ông nhớ mỗi lần vợ ông sanh, ông kho một nồi thịt nạc kho tiêu, vợ chồng ăn cả tuần lễ vẫn thấy ngon, vừa ăn vừa hít hà, vừa sung sướng nhìn con say ngủ. Có lần

ông còn mua cho bà chai rượu chất đỏ hiệu con mèo để bà uống cho ấm bụng. Ông Khương liếc nhìn đồng hồ. Còn đúng mười bốn phút hai mươi hai giây nữa. Rồi mười hai phút. Năm phút. Ông Khương nếm nồi cháo. Tất cả đều chín, nhưng hột gạo chưa nhừ. Trời, gạo chưa nhừ! Cháo mà không nhừ thì không được với bà Khương. Chết cửa tứ rồi. Phải vặn lửa lớn hơn thôi. Đến đây tự nhiên ông Khương nhớ hồi bà có mang thẳng con thứ ba, bà không chịu được mùi cá cho nên gần chín tháng trời ông phải thủ bếp. Cơ khổ, ông Khương chỉ lan man nhớ cái bếp từ đời nào mà quên luôn cái bếp đang đỏ điện bây giờ. Khi có tiếng cửa mở thì ông Khương cũng vừa nhớ nồi cháo. Ông đỡ nắp nồi. Mùi khét làm ông Khương đứng như trời trồng. Như vậy là coi như thua chấy túi! Ông Khương tự trách mình. Đã lảm cảm, bây giờ lại thành ông già vô tích sự. Nấu một nồi cháo đãi vợ cũng không xong. Vậy mà cũng nói thương với yêu! Vợ ông, rồi cháu chắt, và vợ chồng con gái ulla vào nhà để nghe mùi khét lẹt từ trong bếp bay ra. Ông Khương tưởng như mình cũng đang bị nhấc bổng bay vào một góc nhà bếp.

-Ông ngoại ơi! Bà ngoại về rồi nè.

-Ừ, ông ngoại biết.

-Mà ông ngoại đang ở đâu?

Đứa khác chen vào:

-Bà ngoại giận ông ngoại rồi.

Đầu óc ông Khương bây giờ bay đi đâu đó, chắc cùng bay theo mùi khét của "nồi cháo thế kỷ" mà ông đã vận đủ mười thành công lực để tạo nên.

Rồi ông nghe tiếng nói thật vui của vợ ông, vẫn dịu như mía lau, ngọt như đường phèn:

-Ông ngoại con đang đứng corner để chờ bà ngoại đi học đó.

Không ai hiểu bà Khương nói gì, ngoài hai người đã từng hẹn hò tại góc đường Cộng Hòa và Thành Thái hơn năm mươi năm trước.

Cả chục nồi cháo mà có khét, thậm chí có cháy, có thành than, thành đá đi nữa thì tình vẫn là tình, nghĩa vẫn là nghĩa, nhầm nhò gì ba cái lẽ tẻ đó phải không, kính thưa chư liệt vị bốn phương? Năm mươi hay trăm năm thì tình có bao giờ cũ đâu. Muôn năm tình vẫn mới.

Houston, đầu tháng 10

Trần Hoài Thư

1. Người vú cũ

Mùa đông ấy trời giá rét hơn mọi khi. Một trận lụt vừa dứt. Xóm Rộc trở nên tiêu điều. Những hồ rau muống ngập nước bùn, những cọng rau xanh bò lan trên mặt nước. Những gốc cây dừa, xoài, ổi, mít vẫn còn thấy một màu xám của đất bùn còn sót lại. Con đường từ xóm lên đường quốc lộ trở nên nhão nhẹt. Bầu trời u ám lạ lùng. Mưa phùn tạt vù vù cùng với gió buốt da buốt thịt. Mưa đã giam cầm bước chân hoang đàng của tôi. Tôi đứng trước hiên nhà, hai chân thúc thủ. Mẹ đang cho con bé

Thương bú. Nơi này là thế giới của mẹ con chúng tôi. Bên kia là gian dành cho bà cả, bà hai và đám con của bà hai. Cửa thông qua đóng kín mít. Cùng là một nhà, nhưng ở bên đó là thế giới khác. Một thế giới hoàn toàn trái ngược với cái thế giới ở đây, với chiếc giường tre, với những thúng, những gáo, những nải chuối bồ hươu, những trái thanh long, những rổ hột gà cùng cái phản mà tôi ngủ.

Bỗng nhiên tôi nghe tiếng chó sủa. Mưa tạt vào mặt khiến rất khó để nhận ra người lạ mặt. Tôi chỉ thấy lơ mơ một người đàn bà khoác chiếc tời lá đứng bên hàng đậu. Gió và mưa làm át tiếng nói của người đàn bà.

- Em ơi, cho tôi hỏi thăm. Có phải đây là nhà bà Án ?

Tôi trả lời. La thì đúng hơn:

- Bà tìm lộn nhà rồi. Ở đây không có bà nào là bà Án hết !

Bỗng có tiếng mẹ ở phía trong nhà:

- Cái gì thế Tý ?

Tôi quay đầu lại, nói:

- Có một bà hỏi bà Án. Con nói không có ai tên Án hết.

Nhưng mẹ đã bước ra ngoài sân, dưới mưa. Mẹ nói:

- Phải, tôi là Án đây !

Có tiếng mừng kêu:

- Thưa bà. Tôi là Bẩy đây !

- Bà Bẩy. Sao bà tại biết tôi ở đây ?

- Chú Tuất chỉ. Chú ấy bảo bà làm công ở tiệm phở Ngọc Lợi dưới chợ Đầm...

Mẹ quay sang tôi, ra lệnh:

- Con mang vở học bài đi. Để má nói chuyện.

- Cậu nào đó, thưa bà ?

Bà Bẩy hỏi.

- Thăng Tý đó.

- Cậu Tý đó sao ? Chao ơi là lớn !

Mẹ nói:

- Nó hoang nghịch lắm, bà Bảy ơi. Không ai dạy nó được.

Tôi chẳng bận tâm gì đến lời trách của mẹ. Với tôi bây giờ là người đàn bà lạ, tại sao lại quá quen thuộc với mẹ, tại sao bà lại gọi mẹ là bà Án.

Rồi mẹ nói thêm:

- Bà Bảy là vú của con đó.

Tôi không hiểu:

- Vú là gì, hở má ?

- Vú là người bồng ẵm con giúp dùm má khi con còn nhỏ.

Bà Bảy gạt nước mắt. Xem bà rất nể trọng mẹ.

Tôi lấy vở học bài, tuy nhiên lòng tôi không yên. Tai tôi vẫn nghe tiếng rầm rì to nhỏ của hai người đàn bà, và tiếng khóc thầm tức của bà mà mẹ nói là vú nuôi tôi. Căn chái đèn điện mờ in bóng hai người trên vách. Bên ngoài trời vẫn mưa lớn. Tôi nghe mơ hồ cái tên Thanh xa lạ nào đó mà hai người trao đổi. Nhưng tôi chẳng bận tâm. Mẹ lúc nào cũng bí ẩn như gỗ đá. Ngay cả lai lịch của tôi mẹ cũng không bao giờ mẹ cho biết nữa. Huống hồ là mẹ.

Đêm hôm ấy, vú Bảy ngủ chung với tôi. Lần đầu tiên tôi mới được một người khác giúp tôi giăng màn, trải chiếu. Tôi đã mất sự săn sóc ấy rất lâu, không, chẳng có đâu để nói mà mất. Sự săn sóc ấy làm tôi cảm thấy ngưỡng. Và khi màn giăng ra rồi, bà lại soi đèn đập muỗi nữa. Đó là chuyện hết sức lạ. Tôi không thể hiểu

tại sao bà lại bận tâm đến những con muỗi tí ti như thế. Thì chúng hút máu thật. Nhưng đâu có nghĩa lý gì so với cả vòi máu cam đã no nê tuôn ra khỏi mũi khi mẹ tát ngay sống mũi của tôi. Tôi lại để cho nó chảy, không cần ra bể nước hít vào thành xi măng hay dùng lá trầu quăn và nhét vào lỗ mũi để cầm lại. Tôi muốn người ta thấy. Tôi chẳng cần ai thương hại tôi hết.

Rồi vú Bảy nằm bên cạnh tôi. Vú thăm thì:

- Con thương má con không?

Tôi im lặng. Tại sao vú lại hỏi một câu vô duyên đến thế. Mẹ đâu có thương tôi sao tôi lại thương mẹ. Nhưng có khi tôi thương mẹ ghê gớm. Lúc mà mẹ lật áo lên để xoa dầu khuynh diệp hay xát muối vào vết roi bầm trên lưng tôi. Lúc ấy mẹ nói như khóc: Con có biết mỗi lần đánh con đau, má khổ lắm không. Con người ta là con vàng con ngọc. Con đừng chọc chúng...

Đó là lúc tôi thương mẹ tôi nhất. Cố gắng cắn răng để khỏi bật khóc, nhưng cứ sao tôi lại khóc mùi. Lúc này bà chính là mẹ đích thật của tôi. Lúc này đôi cánh của con gà mái đã phủ xuống để che chở con khỏi loài điều hâu dữ dằn. Tôi nói, để biện hộ hành động của mình: Tại nó cứ bảo vì con là thằng con không cha nên mất dạy...

Thấy tôi im lặng, vú Bảy tấm tức khóc:

- Ngày xưa con được cưng chiều, có người hầu kẻ hạ. Ngày xưa, vú bồng đút cơm, đút cháo, thay áo thay quần cho con. Ngày xưa, vú ở bên con suốt ba năm, con nói con thương vú hơn thương má... Bây giờ, thấy má, thấy con khổ, vú đau lòng lắm.

- Vú nói ngày xưa nhà mẹ giàu ?

- Phải. Nhà mẹ giàu lắm.

- Con có ba không?
- Ô, thằng này nói lạ kỳ. Không có ba sao lại có con.
- Sao bọn nó nói con là con hoang.
- Không phải. Con có cha có mẹ. Nhà có người ở. Có chú Tuất giúp làm vườn. Đất rộng nuôi cả bảy ngựa lặn. Ngày xưa con hay đòi chú Tuất cho con cưới ngựa. Có lần con ngựa lồng lên, khiến con bị té, gãy cả xương tay. Từ đó, mẹ không cho con cưới ngựa nữa.

Chợt vú vuốt tóc tôi:

- Con còn nhỏ chưa hiểu đâu. Lớn lên rồi con sẽ hiểu.
- Sao vú lại kêu mẹ con là bà Án ? Mẹ tên khác mà ?
- Án là tên ba con. Ông giàu lắm. Cả thành phố đều biết tên ba con.
- Sao ba mẹ không chịu ở với nhau, hở vú ?
- Tại cái số hết con à. Con nên thương mẹ, con đừng ghét mẹ con.

Rồi giọng bà sụt sùi:

- Ngày xưa vú không cửa không nhà, được mẹ mang về giúp đỡ. Vú không thể quên ơn nghĩa ấy đâu.

Chợt có tiếng của mẹ vọng sang:

- Bà Bảy ơi, để nó ngủ ngày mai còn phải dậy sớm nữa.

oOo

Như vậy, qua vú Bảy, tôi được biết phần nào nguồn gốc của gia đình và một phần nào lai lịch mình. Có nghĩa là tôi được sinh trưởng trong một gia đình khá giả, được kẻ hầu người hạ, được chú Tuất cho cưới ngựa trong trang trại rộng mênh mông.

Tôi lại càng phản kháng nhiều hơn, ương ngạnh nhiều hơn. Có lần mẹ bắt tôi phải xin lỗi bà lớn và thằng con

cùng tuổi với tôi, tôi cắn chặt môi, như cố chịu những cơn đau vô tận, không chịu mở miệng. Tôi lì lợm tránh đỡ những lần roi tới tấp. Mẹ thấy vậy, càng điên cuồng, càng tìm cách để tôi phải nghe lời bà. Tự ái của bà càng bốc lửa. Đến nỗi bà trối tôi lại, khi tôi cố gắng vùng vẫy muốn chạy thoát. Có khi mẹ buộc hai tay tôi vào hai cột trụ của cây xích đu. Có khi đầu tôi bị cạo trọc. Xin cho tôi ngừng thở ở đây. Không phải tôi viết ra đây để trút hết nỗi hận lên trên trang giấy. Tôi muốn nói là tất cả lỗi là do tôi, chính tôi đem cho mẹ sự phiền não. Cái phận làm hầu làm bé đã làm bà bị tủ nhục, bị ức chế thêm thẳng con riêng ương ngạnh mất dạy này nữa, làm sao bà lại không trút hết cơn giận xuống đầu tôi ?

Có khi tôi thoát được, lao vào trong bóng tối. Tôi ẩn mình trong vườn mía của nhà bác Sĩ gái. Tiếng mẹ thất thanh trong đêm, như tiếng gọi tuyệt vọng từ một kẻ bất hạnh: Tý ơi, mày đâu rồi, con đâu rồi, sao tôi khổ như thế này hả trời ?

Tôi nghe mà khóc. Trên cao, xuyên qua kẽ lá mía, những vì sao nhòa nhạt. Chúng cũng mờ nước mắt như tôi. Cả người tôi run. Lạnh và đau bầm cả thân thể. Tôi muốn rời khỏi cái địa ngục này lập tức. Tôi muốn đi thật xa, thật xa. Tôi chẳng luyến tiếc gì cái mảnh đất mà người ta gọi là thiên đường tuổi nhỏ này. Bên ngoài đám người xách đèn bão đi tìm tôi. Chắc là dượng bắt họ đi tìm. Dượng sợ tôi rồ dại bỏ nhà chạy trốn chẳng. Tôi càng im thin thít. Phải, tôi ao ước, vú Bảy có mặt bên tôi lúc này. Vú ơi, chỉ có vú mới thương con, mới hiểu con. Chỉ có vú mới an ủi con. Nhưng vú thì ở xa, vú có nghe con nói không.

Sau đó, tôi bò ra khỏi vườn, tìm xuống ruộng rau muống, và chạy bữa trên rau. Tôi nhắm hướng phố mà chạy. Qua rạp Tân Tiến, đến rạp Tân Tân, và đến dãy nhà gần nhà ga, mà sau này tôi mới biết đó là nhà ở để đám lính Lê Dương tìm đến giải trí. Tôi thấy lũ trẻ đánh giày. Có đứa trạc tuổi tôi. Tôi thèm được sống như nó. Tôi không cần nhờ ai. Tôi sẽ thoát khỏi cái lò ngục. Tôi sẽ không còn thấy đôi mắt trắng có những tia gân đỏ của bà cả. Ít ra tôi không còn bị mẹ bắt tôi vòng tay xin lỗi dù tôi biết tôi chẳng phạm lỗi. Tôi muốn nhập bọn. Đứng ngoài cửa sổ nhìn vào trong. Những người đàn bà má phấn môi son đỏ chót ngồi trên lòng mấy gã Tây trắng Tây đen. Một vài gã Tây duỗi chân, để giày trên thùng gỗ. Một thằng đánh giày đang dùng giẻ đánh bóng. Miệng nói xi xỏ. Gã Tây phá lên cười, rồi vuốt đầu thằng nhỏ. Bỗng nhiên, tôi bị ai lôi. Người gác cửa đã phát giác tôi. Gã nạt:

Thằng nhóc, mày biết chỗ này là chỗ gì không.

Thật sự tôi không biết. Gã lại nói tiếp:

Con nít chưa có lông mà bấy đặt. Bộ mày muốn thêm vào trong đó hay sao?

Rồi gã đuổi tôi đi chỗ khác.

Tôi lại tiếp tục đi mà không biết đi đâu nữa. Thành phố giới nghiêm, tôi chột nhốt. Tôi đã làm một việc mà từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ làm. Tôi đã bỏ đi. Nhưng bây giờ càng hiểu tôi cần mái nhà. Tôi cần chiếc mền, chiếc chiếu. Tôi cần chiếc áo ấm mặc đỡ lạnh. Tôi cần ánh đèn để tôi học bài. Thầy Minh sẽ không tha bất cứ

đứa nào làm biếng. Nhưng hình ảnh thằng bé đánh giày trạc tuổi, đã ghi khắc vào tâm trí. Nó sướng hơn tôi nhiều, Có ngày tôi cũng phải như nó. Thà cam khổ, nhưng ít ra, cũng thoát khỏi cái căn nhà địa ngục.

Cuối cùng, tôi lại lủi thủi trở về. Tôi sẽ xin lỗi mọi người. Dạ, thưa bà cả, bà hai, con trót dại con hứa sẽ không tái phạm nữa. Rồi sau đó sẽ nhận tiếng hứ, xin lỗi xin lỗi, không dám tái phạm...

2. Tại nhà lao Nha Trang

Sau lần vú Bẩy gặp mẹ tôi, mẹ hình như có điều gì không ổn. Một hôm mẹ mang về cả một giỏ thuốc Tây, được ngụy trang trên mặt là trứng gà. Bắt đầu từ đây, bà có những chuyến đi bất thường, bí mật. Và những người lạ mặt mà đa số là đàn bà xuất hiện một lần ở góc đường, góc chợ rồi sau đó biến đi. Thời bấy giờ, Nha Trang có nhà thuốc Tây Tạ Ngọc Liên. Mẹ hay sai tôi đến để mua những viên kí ninh hay Aspirin. Chẳng những thế, bà còn nhờ đám trẻ con trong xóm mua dùm, và thưởng chúng vài đồng bạc cắc... Trong buồng tối của nhà, mẹ dấu đầy thuốc Tây. Có khi mẹ giả làm một người đàn bà có bầu, để qua mặt những mật thám công an trong thành phố. Có khi mẹ rời nhà vào ban đêm. Mẹ đi đâu, tôi nào có biết.

Căn nhà ngày xưa có cột trụ chính là dượng, bây giờ là mẹ. Vẫn là những hì hục, nghi kị, vẫn là những trận cãi vã làm kinh động cả khu xóm. Có khi mẹ điên cuồng

bồng đưa con vài tháng, nằm vạ dưới bánh xe vận tải. Có khi bà lăn lộn kêu gào ngoài sân, tóc tai rũ rượi. Có khi dựng quăng ném chén bát. Có khi dựng ngồi ủ rũ suốt buổi bên chai rượu trắng. Phần tôi, bây giờ càng lớn càng hiểu thân phận của mình. Tôi hăm hiu cùng chén cơm nguội và nỗi buồn trước tuổi. Tôi hay khóc thầm. Đến nỗi mắc thêm chứng bệnh khóc đêm. Đêm nào cũng khóc. Phản gự lạnh dầm cả nước mắt. Tiếng côn trùng, ếch nhái ngoài đêm càng làm tăng thêm nỗi buồn.

Một ngày, tôi vẫn còn nhớ, một chiếc xe díp sơn màu xanh, phía sau bít bùng, bỗng nhiên đậu lại trước nhà. Vài kẻ lạ nhảy xuống xe, ào vào nhà. Họ vào buồng, lục lọi sau đó lôi ra những bao, giỏ đựng đầy thuốc Tây và cả bọc lương khô mà tôi đã bí mật giấu. Và họ bắt mẹ dẫn ra xe. Tôi chạy theo bà. Họ cản lại. Bé Thương, em gái cùng mẹ khác cha với tôi, khóc ré lên. Nó vẫn còn đang trong thời kỳ bú sữa. Mẹ quay lại nói với tôi: Con gắng sẵn sóc em dùm mẹ nghe con.

Rõ ràng, những lọ aspirin, hay trụ sinh không phải để cứu người nhưng là những mầm tai ách.

Không ai có thể cứu mẹ tôi. Không ai có thể giúp bà thoát khỏi những trận đòn tra tấn. Tôi không hề thấy lũ mật thám tra khảo bà, nhưng mỗi lần đến nhà lao để thăm nuôi, tôi vẫn thấy cả gương mặt của bà bầm tím, tóc tai rũ rượi. Tôi từng nghe những vụ tra tấn người tại nhà lao Nhatrang. Những kỹ thuật tra tấn quá sức dã man như chạy điện, đổ nước vào mồm, tra khảo, treo ngược, dí diếu thuốc cháy vào đầu vú hay cửa mình... Đó là chưa kể những cảnh thủ tiêu người như bỏ bao bố nhận

chìm dưới sông... Không biết có dân tộc nào trên thế giới này lại sản sinh ra một nghệ thuật tra tấn cao độ, siêu việt như ở xứ sở của tôi không. Người ta thường kể nơi này nhiều ma vì bọn mật thám tra tấn người đến chết rồi đập xác ở khu đất kế cận. Ban đêm, những oan hồn kéo về đòi mạng, khóc lóc thảm thiết. Tiếng hét thảm khốc vẫn thường nghe từ căn lầu nằm giữa bốn bờ thành cao cắm đầy miếng chai và chằng chịt hàng rào dây kẽm, bên con đường ra bờ biển khiến lũ trẻ chúng tôi sợ phải qua đó. Bây giờ mẹ tôi lại bước vào ả ngục ghê rợn ấy. Ai làm cho mẹ tôi phải bị đày đoạ đến thế này. Ai cứu bà, ai giúp tôi khỏi bỗng ảm đũa em mới mấy tháng, một tay kia xách chiếc cà men cơm mỗi ngày đến để nhìn bà tới tả tả tới sau những song sắt? Tôi đưa miệng con bé áp vào song, và bà kê vú bà ra ngoài song.. Mắt bà thâm quầng.Trời ơi, tại sao bà lại chọn con đường này? Sau này, tôi vẫn mang câu hỏi: Không hiểu vì bà muốn giúp cứu gia đình trong cơn nghiệt ngã, hay tại tấm lòng yêu nước của bà ? Tại sao bà cứ hát ru hoài những lời ca tụng chiến khu, kháng chiến khi ru các em tôi ngủ: *Còn đâu trên chiến khu trong rừng chiều. Êm đềm tiếng suối reo ngàn thông réo...*Mà mỗi lần như thế, tôi như bị mê đắm theo lời hát đầy xúc cảm của bà. Mê đắm đến độ cứ mơ một ngày vượt qua bên kia sông Cái, về phía những rặng núi chìm trong mây, nơi mà người ta gọi là chiến khu. Ở đó, họ phải cam khổ và thiếu thốn lắm. Bởi vậy tôi đã dẫu mẹ, dành dụm, góp nhặt những phần gạo, hay khô, cả bút mực, gói một bọc bằng giấy dầu, ngoài viết: "Gửi anh bộ đội", chờ dịp. Tôi nghĩ mẹ sẽ biết và sẽ giúp chuyển dùm tôi. Nhưng tôi làm sao ngờ chính bọc ấy lại là một tai vạ.

Bởi vì nó là một cơ để buộc tội mẹ tôi tiếp tay với phe kháng chiến.

Như vậy, xin đừng đánh đập mẹ tôi. Tôi đã khóc khi van những người có mặt trong nhà lao Nha Trang. Tại sao họ lại bắt mẹ, khi bà chỉ mua bán thuốc Tây. Mẹ không chứa súng ống, chất nổ, hay chứa chấp quân kháng chiến, đảng này mẹ góp phần trong việc cứu người, sao lại bắt bà. Trời ơi, làm sao tôi có thể hiểu được. Tay tôi nặng vì phải bồng ẵm em Thương, và một tay kia thì xách cà men cơm. Đó, mẹ giúp cả nhà, mẹ cam khổ để mang tiền bạc về, để mỗi ngày có những bữa cơm hay lít rượu trắng, nhưng khi mẹ gặp nạn thì chẳng ai có thể giúp bà. Con Thương khóc vì khát sữa. Tôi đỡ. Tôi bồng nó chạy cho mau. Tôi chạy từ Rộc Rau muống, lên tận Nhà Đèn, rẽ trái về phía biển. Tôi chạy, đôi chân gầy, khăng khiu, không nhìn thấy bầu trời xanh mà chỉ nghe tiếng khóc đòi đoạn. Tôi chạy giữa hàng muống vàng thắm ở gần Nhà Đèn và hàng me keo đầy trái chín. Tiếng khóc của em tôi như làm vỡ cả tim tôi. Tôi không thể dỗ nó cho nín mỗi khi nó đòi sữa. Không ai có thể thay mẹ để dỗ nó được. Và cứ thế, một tay xách cà men thăm nuôi, một tay bồng nách đứa em, tôi đã thay mặt mẹ để làm vú nuôi giữ trẻ từ dạo ấy.

3. Cô nhi viện Hòn Chồng: Ai buồn hơn ai

Năm 1954 tôi đậu Tiểu học. Tôi được những bạn hàng của chợ Đầm hết người này vuốt tóc, lại sờ đầu, khen tôi học giỏi. Thời ấy thi tiểu học phải trải qua hai kỳ. Thi

viết xong rồi thi vấn đáp. Nói là vấn đáp cho oai chứ đám choai choai như chúng tôi biết gì để trả lời. Thầy giám khảo chỉ hỏi chọn hát hay học thuộc lòng. Tôi chọn bài Anh hùng vô danh. Hình như cả lớp tôi đậu hết.

Nhưng tôi lại hỏng kỳ khi vào lớp Đệ Thất trường công lập Võ Tánh. Giữa lúc tuyệt vọng, vì không có tiền để gởi tôi đến trường tư thì mẹ tôi nghe tại trường Cô Nhi Viện Hòn Chồng có mở lớp Đệ Thất miễn phí. Mẹ dẫn tôi đến xin được học. Không ngờ trường nhận tôi dễ dàng. Có lẽ vì số đơn quá ít, nếu không nói, chỉ có một mình tôi mà thôi.

Bởi không có bậc cha mẹ nào dám để cho con họ phải lội bộ mỗi ngày một lượt 10 cây số từ Nha Trang ra Hòn Chồng, trên con quốc lộ một tỉnh thỉnh thoảng chỉ có những chiếc xe ngựa đưa khách.

Bây giờ tôi đã 11 tuổi. Hai chân tôi đã vững vàng để mỗi ngày đi đi bộ mỗi ngày trên hai mươi cây số, với cà men cơm và thức ăn gồm khô hay rau muống luộc chấm nước mắm. Sang lắm mẹ phụ thêm trứng gà luộc dầm nước mắm, hay trứng gà chiên. Tôi đi học, qua cầu Hà Ra, Xóm Bống, Tháp Bà, và ra tận Hòn Chồng. Qua hai nhánh sông, màu xanh mênh mông, qua những đầm lau lách, thấy cả bóng của mình bên cạnh những chú cá trắng như nằm ngủ hay say nắng dưới cầu. Thấy cả mây theo tôi mà đi. Thấy cả những con chim sáo từ rừng về đậu trên những nhánh cây trên Tháp Bà. Tôi đi học, chưa bao giờ được điểm phúc có người thân dẫn đi, mà đôi chân tự tìm mà bước. Ôi Nha Trang, mỗi ngày tôi thấy nó, chiếc cầu dài bắt ngang qua Hà Ra, để sông để

nước mờ mờ, để những chú cá sơn dưới chân cầu, để đằng sau, chùa Sinh Trung vươn lên cao, như chỗ ngụ của loài chim thần linh, và để trước mặt, tháp Bà u trầm nhìn xuống cửa biển. Tôi đi học, đôi chân chạy theo những chiếc xe ngựa từ thành phố ra Xóm Bóng, bắt gặp những trận roi tàn bạo từ người đánh xe. Cứ phóng lên bàn đạp, du theo xe, và ở đằng trước, gã xà ích vừa quất roi vào mông ngựa, vừa quất trở lại phía sau. Tôi nhắm mắt nhắm mũi chịu đòn. Thì tôi chính là con ngựa con. Con ngựa ôn dịch từ lâu rồi mà.

Đấy, tôi đi học là thế. Cám ơn mẹ, ít ra bà cũng đã gửi tôi đến trường. Cám ơn về việc thi rớt đệ thất này, để tôi càng mở rộng buồng phổi hít lấy cả mùi mặn của biển khi phải qua hai cầu Hà Ra và Xóm Bóng cùng Hòn Chồng. Nghe như cả mùi thơm ngậy ngậy của loài hoa dzúí dễ ở ngọn đồi trước cổng cô nhi viện. Mỗi ngày là một ngày vui. Tôi chẳng khác con chim sổ lồng bay khắp bầu trời cao rộng no nê. Ít ra tôi cũng bỏ đằng sau một nơi đầy bóng tối ảm đạm. Bây giờ mắt tôi đầy mây, đầy mặt trời, đầy màu xanh của biển nước. Tai tôi nghe đầy tiếng lục lạc của chiếc xe ngựa qua cầu. Và Tháp Bà nữa. Những con chim ngụ trên ấy phải là chim thần linh. Nhưng sao ăn mày nhiều quá đi. Còn những trái dzúí dễ nữa. Nội nhai khe khẽ lá cũng cảm thấy ngậy ngậy rồi, hướng chỉ là trái. Khi da ửng vàng, thì chất ngọt cũng lịm lưỡi, tê môi.

Vâng, thì tôi đi học. Nhưng thật ra, đi để mà đi. Chẳng ai kiểm soát, chẳng học bạ, chẳng lời phê. Bỏ giờ học thì cũng chẳng sao. Có lẽ trường chỉ chú trọng đến các đứa học trò cô nhi mà thôi. Còn tôi chỉ là đứa học trò ngoài cuộc, đến để mà dự thính thôi.

Nói là trường nhưng chỉ có một dãy gồm 3 phòng, có lẽ. Năm tôi học, trường mới vừa lập, phòng ốc mới vừa xây xong, những cây phượng mới bắt đầu trồng. Chung quanh toàn là bãi trống. Văn phòng của trường là văn phòng của Viện. Nơi này là một ngôi nhà lớn, được dùng làm nơi trú ngụ của gia đình ông mục sư viện trưởng viện mồ côi. Tại đây, có đàn dương cầm, có tủ sách thư viện.

Tôi đi học. Tôi đã đến một nơi để hiểu rõ hơn về thân phận của những đứa bé mồ côi và những nỗi buồn của chúng. Chúng tôi được dạy Thần Học hay Giáo lý bởi vị mục sư, Anh văn bởi một giáo sĩ Gia Nã Đại, Việt văn bởi cô Hồng Ân, và Toán Lý Hóa bởi thầy Tân. Nơi ấy đầy ngập những lời ca và tiếng hát qua những bài thánh ca cùng những lời cầu nguyện. Làm gì cũng cầu nguyện. Làm gì cũng thánh ca. Cầu nguyện khi bắt đầu mỗi buổi học. Cầu nguyện bắt đầu giờ ăn, bắt đầu giờ ngủ.

Mỗi buổi sáng, chúng tôi phải tụ họp tại sân trường để cùng đồng ca bài hát của trường do cô Hồng Ân mượn nhạc từ bài thánh ca để chuyển sang lời Việt. Tôi không nhớ tên bài hát, nhưng nhớ những lời như: "Trường yêu dấu, chốn biển núi, bên đồi xanh." và lời cuối là.. "Học sinh hỡi Bết Lê Hem. Tại nơi này bao ý thơ đang nở hoa..."

Cô Hồng Ân đã đưa cái cảnh hùng vĩ của thiên nhiên trời đất vào bài hát, quả thật đúng vô cùng.

Thật vậy, đây là nơi biển và núi tiếp cận nhau. Ngay đối diện cổng vào cũng là một đồi thấp. Và rất gần, như ở phía đất liền là núi sừng sững in ngọn trong mây. Bên cạnh viện là một trại binh. Và sát trại binh là biển Hòn

Chồng, gần đó là một tu viện công giáo có cách tu rất khắc khổ.

Và chính nơi này, tôi đã trải qua hai năm. Đệ Thất và Đệ Lục. Tôi có bạn nhiều. Những thằng bạn đồng một hoàn cảnh bất hạnh. Nên dễ hiểu nhau hơn. Chúng mặc đồng phục áo trắng quần tây xanh. Chỉ có tôi là áo bằng vải bao bột mì viện trợ.

Thảm không? Không đâu. Tôi vui lắm mà. Trại binh lúc nào cũng nghe tiếng còi và tiếng kèn vang vọng. Có lúc tôi say mê nhìn những người lính đang tập luyện võ Judo. Một người nắm áo người kia và tức tốc quay lưng, kéo người kia trên vai rồi vật xuống đất. Có khi tôi và một thằng bạn học thăm lên rữ nhau ra cuối sân và tập lại động tác.

Có khi tôi tìm đến Hòn Chồng để cạy hào hay tẩm lợi. Có khi tôi hồi hộp rình mò những chú chim cu, chim sáo, với cái ná thun trong tay. Sách vở làm gối gối đầu, tôi hay đánh giấc giữa buổi trưa nắng cháy, dưới tàn cây mát. Tôi đã lợi dụng việc đi học xa để lêu lổng hơn, hoang đường hơn. Da tôi nám đen hơn. Và tóc tôi đã cháy khét hơn.

Những mảng nắng đã không chảy trên những đứa bạn cùng lớp. Chúng như những chú chim được nhốt trong lồng son. Quần áo, tặng phẩm, ngay cả thức ăn thức uống được tiếp trợ ê hề bởi các cơ quan bác ái thiện nguyện. Nhưng tôi biết có đứa vẫn thèm được bay nhảy như tôi. Bằng chứng thằng Thừa đã năn nỉ xin tôi một con đế lửa mà tôi rất nưng niu. Chú đế có đôi càng thật bự, chiếc đầu láng bóng, mỗi lần gặp đối thủ thì đôi cánh

phòng lên, hung hăng nhào đến tấn công. Và vì hắn quá thích chú đế nên để ngay ở chỗ đầu giường. Báo hại nửa đêm chú đế nhà ta gáy lên inh ỏi, khiến chị phụ trách phải tập họp cả phòng để khiển trách...

Như vậy, giữa tôi với hắn, dĩ nhiên là tôi sung sướng hơn nhiều. Tôi không phải mang bộ đồng phục, cũng không phải sắp hàng hoặc phải tuân theo giờ giấc khi ăn khi ngủ. Ôi những con chim đáng lẽ có một bầu trời cao rộng mà tung bay, nay đang bị thúc thủ tội nghiệp. Những tiếng đế gáy ngoài sân khi thì lớn khi thì nhỏ, chặc chặc phải quấy rầy bất cứ một đứa trẻ nào. Những chùm trái dzúí dzẻ vàng ngậy, ngọt lịm làm sao cũng đang chờ chúng tôi. Và những con còng đỏ ở đầm lầy trên quảng đường Hà Ra Xóm Bóng cũng đầy sức hấp dẫn lạ thường. Trong bốn bức tường không hiểu chúng có niềm vui khác hay không trừ suốt ngày phải nhăm mắt cầu nguyện và hát thánh ca.

Nhưng có một người tôi phải nhớ dưới mái nhà của những đứa trẻ không cha không mẹ ấy. Đó là cô Hồng Ấn, hiệu trưởng của trường Bết Lê Hem. Mái tóc cắt ngắn, màu da trắng, mũi cao và mắt sáng. Cô đẹp, cái đẹp của một người con gái vừa khuê các vừa lãng mạng. Cô dạy chúng tôi Việt Văn. Cô không dạy bằng sách vở theo chương trình của Bộ Quốc Gia Giáo Dục mà dạy bằng một đường lối riêng. Cô bắt chúng tôi phải những tác phẩm do cô chỉ định có sẵn trong thư viện trường. Cô đã giúp tôi đến với Tô Hoài, Nguyên Hồng thay vì Con Tàu Máu, Bàn Tay Máu, Đảng Đầu Lâu Máu của Phi Long...Cô giảng cho chúng tôi về bài văn như Nhật Lá Bàng của Nhất Linh.. Cô kể cô biết cả những nhà thơ

Xuân Diệu, Huy Cận hay Lưu Trọng Lư...Nhất là Xuân Diệu. Ông ta có mái tóc dài bình bông...

Chính cô đã nuôi dưỡng mầm yêu thích văn chương vào tâm hồn tôi lúc còn thơ ấu. Khi hỏi các đứa học trò về ước mơ sau này, có đứa kể được trở thành bác sĩ, kỹ sư, người lính, người thám hiểm, cầu thủ đá banh... Còn tôi thì mơ ước làm chủ một đồn điền cam vàng để mỗi năm cưỡi ngựa trở về thăm như một truyện ngắn nào đó của Nhất Linh.

Cô Hồng Ân cười vui trước lời mơ ước của tôi. Cô bảo: Cô nghĩ em sẽ trở thành thi sĩ...

Nhưng tôi vẫn thích nhất là lúc cô nhắm mắt cầu nguyện.

Lúc ấy, gương mặt của cô tỏa ra một sự thánh khiết và hiền dịu làm sao. Khi cầu nguyện cô luôn luôn cầu xin cho chúng tôi được học giỏi. Riêng đứa bệnh thì được chóng lành. Tôi vẫn hay thầm lén ngắm cô lúc cô nhắm mắt. Cả lớp im lặng, chỉ có chăng là tiếng sóng biển từ phía Hòn Chồng vọng về, khi thì xa vắng, khi thì ì ầm. Những sợi tóc mây rủ trên vầng trán, đôi mắt nhắm nghiền, như thành khẩn van xin Chúa ban ơn đấm học trò bất hạnh của cô. Có khi cô lại bắt chúng tôi hát thánh ca, sau khi cầu nguyện. Mỗi đứa đều có một cuốn sách hát. Cô bảo các em lật trang ... và hát với cô nhé.

Lúc ấy tôi nghĩ cô không phải là người trần tục nữa. Trái lại cô đến từ một cõi nào, để ban xuống những phận đời bất hạnh những cơn mưa ân sủng.

Lớp học rất ít ỏi. Khoảng 12 đứa học trò là cùng. Lớp thường hay nghỉ vào những giờ như Toán, Lý Hóa, Sử Địa hay Anh Văn...Bởi vì hầu hết các thầy đến từ Nha Trang. Các thầy dạy trên tinh thần tự nguyện không lãnh lương. Có lẽ vì tự nguyện cộng thêm việc di chuyển khó khăn nên các thầy ấy hay vắng mặt chẳng.

Chỉ có giờ Việt Văn thì được xem là ít khi được nghỉ. Bởi cô Hồng Ấn có mặt ngay tại Viện.

Vì vậy, chúng tôi tuy là học trò Đệ Thất hay Đệ Lục, nhưng so với các trường công hay trường tư trong thành phố, giờ học những môn Toán, Lý Hóa, Anh Văn thì rất ít ỏi.

Có phải nơi này là viện mồ côi nên trường cũng được xem như côi cút ?

Dưới mái trường của những kẻ bất hạnh ấy, người ta thường dạy chúng tôi rằng, chính tình yêu thương của Chúa mới giúp chúng tôi có được ngày hôm nay. Hãy gõ cửa, cửa sẽ mở. Để đổi lại chúng tôi phải mến yêu Chúa như lời bài thánh ca: *Mến yêu Jesus đêm ngày... vì Chúa đã mến tôi đây...*Nhưng thú thật, tôi hát để mà hát, và cầu nguyện chỉ để mà cầu nguyện. Có lẽ tôi không sống thật sự dưới mái nhà thương yêu mà Chúa đã bảo bọc, mà trái lại dưới một mái nhà đầy những thù hận nhỏ nhoi, những nghi kỵ, những con mày con tao. Trong ấy, có một tội tù là mẹ và một nạn nhân là tôi. Tôi đã có lần cầu nguyện như thế này: *Lạy Chúa cầu xin Chúa giúp đỡ cho mẹ con để mẹ con khỏi bị đánh đập. Lạy Chúa, con không bao giờ thấy mẹ con vui, xin Chúa hãy cho mẹ con*

một nụ cười.. Lạy Chúa, con xin Chúa cho mẹ con được bán buôn phát đạt để có tiền mua rượu cho dâng bởi vì tôi tin những gì mà vị mục sư đã dạy trong giờ Giáo lý: Hãy gõ cửa thì Chúa sẽ đến. Vâng, con cũng gõ cửa đây, Chúa ơi. Hôm ấy tôi vừa cầu nguyện vừa khóc òa. Tôi không hiểu sao lại khóc trước mặt đám bạn và cô Hồng Ân nữa. Có lẽ vì tôi không thể chịu nổi cảnh dượng đánh mẹ tàn nhẫn, và cảnh con bé Thương bị mẹ vất xuống đất, khóc ré lên, cùng với tiếng la dậy trời của mẹ như xé cả buồn tim của tôi. Tại sao bà lại chịu cái cảnh khốn nạn như thế này. Tôi làm sao cứu bà ra khỏi bóng tối ám đạm buồn thảm như thế này. Chỉ có Chúa, vì tôi được dạy như thế. Vì nếu không thì tại sao cô hiệu trưởng, vị mục sư, ông giáo sĩ lại kêu chúng tôi phải nhắm mắt cầu nguyện. Cứ xin thì Chúa sẽ cho. Vâng, tôi chẳng cần xin bất cứ cái gì cho tôi. Quần áo đẹp. CƠM đầy thịt cá. BƠM NHO sữa bột mà các CƠN quan từ thiện đã dành cho đám cô nhi, nhìn bắt thèm thuồng. Tôi không xin những thứ ấy. Tôi chỉ xin cho mẹ. Tôi van lơn tha thiết, mong Chúa sẽ phải cảm động vì lời thống thiết của tôi.

Mất cô hiệu trưởng đỏ hoe sau lần cầu nguyện ấy. Cô kêu tôi lên văn phòng hỏi thăm hoàn cảnh của tôi. Cô bảo: Hoàn cảnh mẹ em thật tội nghiệp. Em hãy luôn luôn cầu nguyện Chúa giúp đỡ cho mẹ em nhé.

Rồi cô nói thêm:

Nếu em thích, cô sẽ xin mẹ em để em sống luôn ở đây. Thấy em phải đi học quá xa cô thương quá.

Ngay cả ông giáo sĩ người Gia Nã Đại kia nữa. Ông giáo sĩ luôn luôn bắt đầu bằng câu : "I am thinking of

something" trong giờ Anh văn. Nói xong, ông chỉ tay một đứa trong bọn chúng tôi. Và chúng tôi phải trả lời mau mắn:

I am thinking of a dog hay I am thinking of my mother I am thinking of my friend v.v...

Chắc có lẽ ông nghe cô hiệu trưởng nói về hoàn cảnh của tôi nên ông nghĩ muốn xin tôi làm con nuôi. Tôi sẽ được qua Gia Nã Đại...

Cô Hồng Ấn đã chuyển lời của ông giáo sĩ, và tôi đã kể lại cho mẹ. Nhưng mẹ lạnh lùng nói:

- Mày khỏi cần đi đâu hết. Mày về với ba mày.

Về với ba mày. Tôi không thể tin ở lời nói của mẹ. Có phải ba tôi vẫn còn sống sao. Sao bà luôn luôn dặn tôi là ba tôi đã chết. Thì ra bà đã nói dối tôi. Bà đã bắt tôi phải chịu cái ô nhục thay cho bà. Ôi chữ ba lần đầu tiên tôi được nghe. Chữ mà trước đến nay, thiên hạ cứ dùng nó để mà chế diễu. Cái chữ còn sót lại, để bất cứ thằng bé nào phải tự hãnh diện. Không phải mày là kết quả của một mối tình vụng trộm, hay có một người cha hèn mạt, dẫu dẫu mẹ mày, rồi quất ngựa truy phong. Ai có thể trả lại cái nợ nhục nhã mà tôi đã chịu đựng suốt cả thời thơ ấu lẽ ra phải đẹp nhất của một đời người. Ai hả ? Trời ơi. Mẹ ham gì ở cái kiếp làm hầu nhục nhã như thế này, hả mẹ?

Mẹ đã khổ lại còn muốn níu con khổ theo hả ?

Về với ba mày. Câu trả lời lạnh lùng, như vết dao cứa đau tim tôi. Lạnh lùng như kể từ bây giờ, mày thuộc về một người khác. Tao không còn được làm mẹ của mày nữa.

Có lẽ vì mẹ đã biết trước cái ngày này, nên từ khi tôi vào lớp Đệ Thất, bà đã ít đánh đập hay ít để ý đến tôi như trước nữa. Tôi cứ nghĩ là do mình đã lớn, bước chân vào trung học. Có đôi lần tôi thấy bà nhìn tôi rất lâu, mà đôi mắt có vẻ gì xa xót u uẩn lắm. Và khi tôi nhìn bà, muốn hỏi tại sao, thì bà đã quay mặt đi. Bây giờ tôi mới hiểu.

Sau này tôi mới khám phá rằng: Chính vú Bẩy đã mang cái tin ấy đến cho mẹ. Ôi người vú trung thành của gia đình tôi, đã làm một nhíp cầu để hai cha con tôi gặp lại, và đã mang lại niềm tự hào của một thằng bé bị oan gia trông cổ nợ nần. Trong xã hội, vú ở hạng thấp hèn, nhưng trong tâm hồn tôi, vú là một ân nhân từ bi từ độ là một bà Tiên trên trời đã hiểu và thương xót giọt lệ của tôi. Không hiểu tôi có bao giờ nép người vào mẹ tôi hay không, vì lúc ấy còn quá bé để mà nhớ, nhưng chắc chắn có một điều là tôi đã nép đầu vào vú mỗi lần vú đến thăm mẹ rồi lại ra đi. Ở vú, tôi nghe hơi ấm thương yêu mà từ lâu, rất lâu tôi chẳng bao giờ có. Mẹ. Mẹ là gì chứ. Tôi có mẹ mà cũng như mất mẹ. Xin đừng dạy tôi bài học Mục Kiều Liên gì đó hay hát cho tôi nghe bài *Lòng mẹ bao la như biển thái bình...* Tôi sắp trở về với người đàn ông mà tôi gọi là cha đây. Không có mẹ thì có cha. Ít ra tôi cũng là một đứa trẻ may mắn. Tôi phải nói với cô Hồng Ân về tin mừng này. Tôi sẽ không làm con nuôi của ông giáo sĩ Gia Nã Đại kia đâu.

Tự nhiên nước mắt lại chảy. Tôi đã thú thật là tôi bị bệnh khóc đêm mà. Cái phản rộng mệnh mông. Trong mừng, tôi nghe bước chân của Dượng. Tôi biết rồi. Tôi

biết hết cả rồi. Không thể dấu tôi. Không thể đẩy tôi ra một bên để nhường chỗ cho người đàn ông không phải là ba tôi. Không thể dối tôi là ba tôi đã chết. Tôi đâm hận mẹ. Hận dưỡng. Thù ghét mọi người. Bây giờ tôi sẽ không sợ bất cứ một ai nữa.

Mẹ hiểu tâm trạng của tôi nên bà ít khi la rầy tôi như mọi bận. Bà lớn thì nguýt tôi khi tôi nhìn chăm chăm vào bà. Chỉ có dưỡng thì buồn. Dưỡng nói rất nhỏ nhẹ với tôi. Tôi phải thú thật, dưỡng là một người đàn ông tốt. Chưa bao giờ dưỡng rầy tôi một câu. Nhưng tôi ghét dưỡng. Ông đã chiếm đoạt mẹ của tôi.

Bắt đầu từ đây, tôi sống như một kẻ ở nhờ tạm. Tôi chờ đợi ngày tôi bỏ nơi này. Tôi vẫn đi bộ đến trường và về nhà mỗi ngày 20 cây số, và thui thủi cùng nỗi chờ đợi đến mòn mỏi. Mẹ đã mua cho tôi một chiếc áo mới thay vì nhờ chị Nhung hàng xóm may bằng vải bao bột mì viện trợ. Chiếc áo Chim cò. Thêm chiếc va ly thiếc. Mẹ đối đãi với tôi không còn hằn học như trước nữa. Nhưng tôi cảm thấy có cái gì đó quá đối buồn bã trên đôi mắt, cái dáng gầy ốm hiu hắt ấy. Tôi muốn khóc khi nhìn đôi vai của bà dưới chiếc đòn gánh nặng trĩu.

Tôi không đủ thẩm quyền để trả lời tại sao bà lại có mặt tại gia đình này.

Câu hỏi ấy tôi đã tra vấn hoài trong quảng đời còn lại của tôi, nhưng tôi bất lực. Dù thời gian là lời giải nhưng đối với một người đàn bà như mẹ tôi, thời gian khó có thể cạy miệng bà ra. Tại sao. Có phải vì tôi không? Hay

là vì lý do gì khác ? Tình yêu chẳng hạn. Phận làm con cái, làm sao để có thể hỏi mẹ mình như vậy. Hơn nữa, từ khi tôi xa bà để lá rụng về cội, thì bà đã xem tôi không còn liên hệ gì đến bà nữa.

Ngày tôi rời khỏi Rộc, tôi vẫn còn nhớ, nhằm vào buổi sáng. Rộc trũng đầy sương sớm. Những ruộng rau bát ngát chìm trong sương. Dượng bảo mẹ nên đưa tôi đi, nhưng mẹ không chịu. Tôi ra khỏi nhà, lên dốc, cả xóm cũng chẳng biết.. Tôi chưa hề đi máy bay, nhưng hôm ấy, tôi đã đi một mình, chẳng nhờ ai hướng dẫn. Năm ấy tôi 13 tuổi. Học lớp Đệ Lục trường Cô Nhi Viện Hòn Chồng.

Tôi đi, với chiếc vali thiếc và chiếc áo chim cò. Chẳng có gì để mà lưu luyến. Ngay cả mẹ mà mẹ cũng không chịu đưa tiễn thì trên đời này còn ai nữa mà đưa tiễn, hở Trời ? Nhưng mà không sao. Tôi đã quen, quen cái cay đắng, tủi nhục, tủi thân. Quen như quen cả những vùi máu đỏ lờm chảy tuôn lai láng.

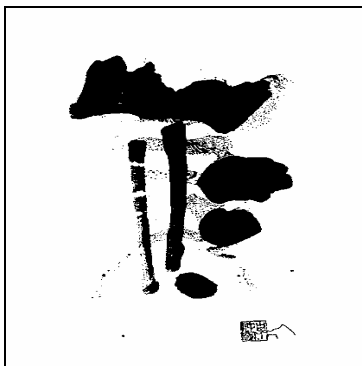
Tôi đã rời xóm Rộc, đi bộ lên chỗ trạm hàng không Air Vietnam gần rạp Tân Tân. Quên nữa rồi. Tôi mang gì theo trong valy thiếc. Chai dầu nhị thiên đường mà mẹ đã bỏ vào. Và cuốn truyện Đế Mèn Phiêu Lưu Ký của Tô Hoài do cô Hồng Ấn tặng. Trang sách bằng giấy bồi, còn thấy cả cọng rơm ép trên mặt giấy.

Tôi sẽ nhớ gì. Chẳng có gì để mà lưu luyến ở đằng sau. Nhưng tôi sẽ nhớ đến cô Hồng Ân, đến đám trẻ trong cô nhi viện Hòn Chồng. Nhớ đến thằng Maroc, da đen tóc quăn. Nó là bạn thân. Luôn luôn đấu những thẻ kẹo cao su hay những hộp trái cây. Có khi cả quần áo nữa. Hôm

nay là ngày thứ ba, có giờ Việt Văn của cô Hồng Ân. Chắc cô Hồng Ân đã cúi đầu nhắm mắt để cầu nguyện cho tôi đi đường được bình an. Và nỗi buồn của thằng Maroc khi nghe tin tôi bỏ học.

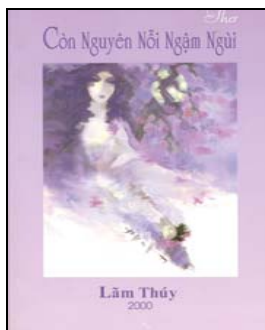
Vâng, tôi bước đi, trên những con đường tuổi thơ hăng bước. Đây là đường số một, tới đầu Ty Thông Tin, gặp đường Độc Lập, rẽ phải. Độ chừng một cây số nữa là trạm hàng không. Vé ba đã mua sẵn. Ngồi trên chiếc ghế chờ đợi để sau đó chiếc xe buýt mang về phi trường Nha Trang. Không ai hướng dẫn, không ai chỉ bày. Không ai đằng sau. Và cũng không biết ai ở đằng trước. Không có cả một tấm hình để tôi còn có thể mượn tượng ra ba. Đó, mẹ tôi quyết liệt, dứt khoát với người chồng cũ của bà như vậy đó. Chỉ có đứa con bà là nạn nhân. Ngay cả lần đi tìm cội nguồn, nó cũng chẳng biết ba nó thế nào, hình dáng ra sao, mập hay ốm, nghiêm khắc hay dễ dãi... Không biết ông có nhận ra con ông không nữa. Nhưng mà thôi, chú đế mèn của xóm Rộc bắt đầu một chuyến phiêu lưu đây.

(Trích từ truyện dài Cẩm Tạ Văn chương, chưa xuất bản)



ĐỌC SÁCH

PHẠM VĂN NHÀN * SAO BIỂN



PHẠM VĂN NHÀN

Lâm Thúy

Với những nỗi ngâm ngùi còn nguyên

Tôi nhận tập thơ của nhà thơ nữ Lâm Thúy do anh Trần Hoài Thư gửi đến tặng, theo lời tác giả. Tập thơ đến vào giữa mùa đông hoa kỳ. Ngoài trời tuyết rơi trắng xóa trên những mái nhà, trên những con đường. Thời tiết lạnh cóng dưới không độ. Ngồi nhà đọc thơ còn gì thú hơn!

Trong bài: *Tàn Thu* nơi trang đầu của tập thơ, Lâm Thúy viết:

...

“ Hàng cây trơ cành. Đợi

Mùa đông phủ tuyết lên

Nhánh khô gãy yếu đuối

Lặng lẽ chờ oan khiên...”

Bốn câu thơ trên đã gợi lên cho tôi một ấn tượng. Mùa đông. Vâng. Mùa đông đang đến giữa cái băng giá của tuyết, của đá (icy) đóng trên những cành cây trụi lá. *Tàn Thu* của Lâm Thúy không có *con nai vàng ngơ ngác*, *đạp*

*trên lá vàng khô (ở quê nhà) mà một thời ai cũng thuộc bài thơ “mùa thu” của nhà thơ tiền chiến Lưu Trọng Lư. Ở đây Lãm Thúy không có con nai vàng ngơ ngác...mà có những nhánh khô gầy, yếu đuối, buồn thảm... Và, lặng lẽ chờ oan khiên (ảm đạm). Theo tôi: lá rụng, đó là một hệ sinh thái tự nhiên của đất trời. Lá rụng, không có nghĩa là tự hủy diệt, mà vẫn còn đó qua một trạng thái khác để nuôi cây. Rồi lá vẫn xanh trên cành (mùa xuân), vẫn khô gầy, yếu đuối(mùa đông). Để rồi, trong bốn câu cuối của bài *Tàn Thu* :*

“Dấu trời im đứng gió

Đời không hẹn bình yên

Lá khô từ thiên cổ

Tàn thu. Sầu mênh mông...”

“Tàn Thu” là bài thơ đầu trong tập “ Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi” đã “ hấp dẫn” để tôi đọc tiếp những bài thơ khác trong thi tập của nhà thơ Lãm Thúy.

Ở trang sau của bìa sách, tác giả ghi vài dòng tiểu sử thật giản dị. Nhưng cũng đủ để cho người đọc biết được một phần đời của tác giả.

Sinh tại Nhơn Ái, Phong Điền, Cần Thơ. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Cần thơ. Định cư tại Mỹ năm 1992. Biết được một ít thông tin về thân thế của nhà thơ nữ này, đọc tiếp nơi trang *Lời ngỏ* tác giả ghi: “ *Lãm Thúy làm thơ, tức là dàn trải tâm hồn mình, diễn tả những cảm xúc, những rung động với cái buồn, cái đẹp, nỗi yêu đương bằng chính những gì thành thực trong trái tim và thường là nghĩ sao viết vậy, không sửa đổi, không trao chuốt; vì thế chắc là thiếu phần tinh xảo và đặc sắc...”*

Đó là những gì tôi đọc được trong “ lời ngỏ” của thi tập. Nhưng, càng đi sâu vào những trang thơ của tập thơ, có

lẽ đây cũng chỉ là những lời “ khiêm tốn” đang trân trọng của một nhà thơ nữ , có lẽ mới in tập thơ đầu tay này?

Nói về nhà thơ nữ ở hải ngoại cũng khá nhiều. Nhưng tìm được những bài thơ hay, phải nói là hiếm. Thơ hay, dễ làm cho đọc giả dễ nhớ hơn là những bài thơ dở. Điều này, rõ ràng như một quy luật dành cho người đọc thơ và thích thơ. Nhưng với tập thơ “ Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi” của Lãm Thúy thì chưa có bài thơ nào làm tôi chán, khi đọc.

Với 124 bài thơ nằm gọn trong 153 trang. Có bài dài hai trang. Nhưng số nhiều, những bài thơ chỉ “ gói trọn” trong một trang. Ngắn. Dễ đọc. Đúng như những gì nhà thơ Lãm Thúy đã viết trong “lời ngỏ”: *ngữ sao viết vậy, không sửa đổi, không trao chuốt..* Nhưng xuyên suốt 124 bài thơ tôi đọc, ít ra cũng “gây một cảm xúc mạnh” đối với người đọc khó tính, khi đọc thơ Lãm Thúy.

Có những bài thơ Lãm Thúy viết như một hoài niệm của những ngày còn ở quê nhà(chiếm khoảng 1/3 của tập thơ). Nỗi hoài niệm rất dễ thương ở những cô “ nữ sinh áo trắng” làm thơ học trò, dễ yêu và dễ nhớ. Hoài niệm về một vùng quê sông nước mênh mông, hoài niệm về tình yêu

...

*“Nhớ thuở xuôi thuyền qua đó
Rộn ràng mặt nước, bến sông
Thơ ngây lòng vui hớn hở
Nhớ gì dò dặc hoài công!*

*Chiều xưa bên vườn thính vắng
Boi hồi chẳng biết thu đông
Có cô học trò áo trắng*

Về qua, xuân hạ vô cùng...

....

*Chiều nay về ngang bến cũ
Một trời Phước Nhon bụi ngùi
Chẳng biết cây bằng lăng ấy
Còn hoa tím nữa hay thôi?..
(Còn hoa tím nữa hay thôi?)*

Nỗi hoài niệm về một vùng quê sông nước Phong Điền chẳng chỉ những kênh rạch, những vườn cây trái xum xuê, những con người với tâm hồn cởi mở, giàu lòng thương người...trong xóm làng, hay trên chợ nổi Phong Điền đã ảnh hưởng đến cuộc sống của nhà thơ trên một vùng sông nước Hậu giang. Cho dù ở một phương trời nào, thì dòng sông Hậu cũng vẫn là nhịp thở trong cuộc sống hằng ngày của tác giả.

*“Nghìn thu bến cũ chửa nhòa
Hậu giang ơi, bóng con đò chờ mong
Một đời người, một dòng sông
Hậu giang còn mãi giữa lòng hoài hương”
(Bến Cũ)*

Dòng sông. Trong mỗi con người đều có một dòng sông để nhớ. Có lẽ, nhà thơ Lâm Thúy cũng không thoát ra khỏi cái quy luật ấy, nhất là với một người con gái đã mang trong mình một “tâm hồn thơ”. Cho nên, dù ở đâu thì cũng về thôi. Về lại cái xứ sở thân yêu mà người thơ đã lớn. Về lại bên bờ con sông cũ để xem hoa bằng lăng tím có còn nở bên bến sông xưa? Về để nghe điệu hò trên sông nước mênh mông, hay nghe lại điệu đờn ca tài

tử trong lòng người dân thôn xóm đã nuôi nhà thơ lớn lên từ trong tiếng đồn, tiếng hát ấy. Về thôi. Với những câu thơ nặng tình, nặng nghĩa:

....

*“ Về thôi, trăng úa lâu rồi
Về thôi, mòn mỏi lắm, người chờ mong
Về thôi, sầu đã thành dòng
Về thôi, gió đã lạnh lòng từ lâu.*

(Về Thôi)

Hay trong bài “Nỗi Nhớ” Lâm Thúy đã bộc bạch một cách rõ ràng tâm trạng của một người xa quê. Có lẽ nỗi nhớ của Lâm Thúy, cũng là nỗi nhớ chung của chúng ta khi phải lìa bỏ dòng sông, bến cũ. Mà, với những con chữ trong câu đầu của bài “Nỗi Nhớ” ta đã thấy nỗi nhớ đã réo lên trong máu huyết của nhà thơ qua những cái phẩy ngắt câu thật dứt khoát, rõ ràng: *vô cùng, vô tận, vô biên*. Cái gì vô cùng, vô tận, vô biên...Nhớ. Ta đọc bài *Nỗi Nhớ* để thấy tấm lòng của Lâm Thúy:

*“Vô cùng, vô tận, vô biên
Nỗi thương nhớ gọi về em, quê nhà
Mênh mông, bát ngát, bao la
Nỗi buồn gậm nhấm hồn ta từng ngày
Mà không, từng phút, từng giây
Vọng phương ấy, một phương này vời trông
Ai đâu cách mặt xa lòng
Sao ta lại thấy nghìn trùng mấn thương
Một lòng hoài vọng cố hương
Trong tim vời vợi nỗi buồn tha phương*

*Còn xanh lá những con đường
Hoa cau, hoa bưởi sau vườn còn thơm?*

*Con dò neo bến chiều hôm
Còn nghe tiếng gọi bên vàm sông xưa?*

*Còn xa quê nữa, mấy mùa?
Còn hồi tưởng mấy cho vừa nhớ nhung
Cô đơn, tro trọi, lạnh lùng
Nơi đây có một người không linh hồn.*

Đấy, nỗi nhớ quê của Lãm Thúy mãi liệt như thế đó. Đọc, tôi khoái 4 câu thơ: *còn xanh lá những con đường/ Hoa cau, hoa bưởi sau vườn còn thơm ?/ Con dò neo bến chiều hôm/ Còn nghe tiếng gọi bên vàm sông xưa?* Những câu lục bát như bức tranh thủy mặc mà Lãm Thúy đã vẽ lên, gây cho người xem một cảm giác tươi mát, mà chỉ có làng quê sông nước Việt Nam mới có. Tôi đoán chắc như thế. Trên xứ người làm sao mà nghe được mùi thơm của hoa bưởi, hoa cau trong vườn? Làm sao mà nhìn thấy bóng con dò neo bến chiều hôm? Làm sao mà nghe được tiếng gọi dò bên vàm sông cũ? Chỉ có làng quê Việt mới có những hình ảnh ấy. Mà, sao lạ, hình ảnh đó nó quây quắt chẳng những trong tâm thức của tác giả mà còn cả đến người đọc bài thơ này. Với những ngắt câu bằng những dấu phẩy rõ rệt làm tăng thêm nỗi nhớ quê lạ lùng.

oOo

Tôi vốn là một người mê giáo lý của Phật Đà. Cho nên, khi tiếp nhận tập thơ của Lãm Thúy, rõ ràng: có một sự đồng thuận ngay với tôi trong suốt tập thơ *Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi* này; vì hầu như bài nào cũng có mang ít nhiều giáo lý của Phật Đà trong đó. Có điều phải nói vì

Lãm Thúy là nhà thơ nữ, cho nên, vẫn không thoát ra khỏi nỗi lo âu rất là con gái khi nghĩ đến những người thân của mình, dù biết: tất cả đều là huyễn trong cuộc sống. Cho dù trong cuộc sống hôm nay, ngoài những công việc đa đoan hàng ngày của người phụ nữ trong gia đình phải làm (chăm sóc cho chồng, cho con). Đó là một bản năng rất quý của người phụ nữ Việt. Nhưng với nhà thơ, hình như tất cả có một cái gì đó “tự nguyện” trả cho nhau “món nợ đời”. Biết đâu trong muôn ngàn kiếp trước đã buộc vào nhau? Và, trong kiếp nhân sinh tạm bợ này, Lãm Thúy đã nhìn thấy, đã biết... Và, cũng từ hai chữ “nhân duyên” ấy, mà nhà thơ cũng đi cho hết cuộc đời: *nhân duyên cột chặt không đành dứt*.

Tuy nhiên với sự rung động từ một trái tim của người làm thơ là nữ giới...thì sự lo âu cho những người thân làm sao tránh khỏi những phút giây...mà trong bài thơ *Bước Qua Cõi Chết* nhà thơ đã viết lên những dòng thơ sau. Dù đã biết:

*“Biết rồi: sinh ký tử quy
Sống là cõi tạm, chết về thiên thu
Biết rồi cuộc thế phù du
Mất, còn cũng tựa chút mù sương tan*

....

Nhưng sau đó, Lãm Thúy lại viết
*“Biết rồi, chốn ấy trước sau
Một lần, ai cũng qua cầu mà thôi
Nhưng ta mới quá nửa đời
Bước đi chưa nở, chân rời còn vương”*

Hai câu thơ: Nhưng ta mới quá nửa đời/ Bước đi chưa

nữ, chân rồi còn vương. Đó là cái ý niệm chung của kiếp nhân sinh. Có ai mà không muốn sống; dù cuộc sống ấy có thế nào? Khổ đau, bệnh tật? Nhưng, qua những câu thơ năm chữ dưới đây, ta thấy Lâm Thúy đã xác định cho mình một khái niệm rất rõ ràng trong cuộc sống:

“ Người niệm chú từ bi

Có nghe lòng thanh tịnh?

Ta làm thơ tình si

Vẫn thừa niềm thành kính”

“ Ta làm thơ tình si” mà Lâm Thúy đã viết ở trên, trong thi tập ta thấy tình si của Lâm Thúy không là tình “ lứa đôi, trai gái”. Mà tình si ấy là: hoa, lá, muôn thú và con người. Niềm an lạc chung đó đã đưa nhà thơ đến rất giáo lý Phật Đà rồi. Cho nên: *cầu cho người an lạc/Hồn thấy chốn vĩnh hằng.*

oOo

Rõ ràng, trong những con chữ, trong những câu thơ của Lâm Thúy không cầu kì, không ẩn chứa nhiều mỹ ngữ như nhiều nhà thơ khác. Giản dị trên những con chữ và giản dị trong tâm hồn của người thơ (có lẽ). Cho nên khi đọc bài: *Thiện Tai*. Tôi nghĩ về sự suy nghĩ của tôi về nhà thơ nữ này: giản dị về tâm hồn, và nhất là “đây áp Phật Tính, ngay cả trong giấc ngủ:

“ Nghe anh, em lánh sự đời

Đêm ôm sách Phật ngủ vui. Thiện tâm

Nghe trăng ghé lại chỗ nằm

“Nguyệt lai môn hạ...” Hỏi thăm: “nhàn chưa?”

Lòng trần gột rửa bọt nơ

Bỏ miền tục lụy, tìm bờ giác, qua

Vẫn thương người hơn thương ta
Trấn an. Em nhủ: chắc là thiện căn

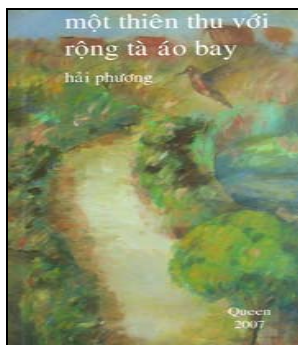
“ Vẫn thương người hơn thương ta” đó là một trong muôn nghìn giáo lý của Phật Đà. Nhưng, với bốn câu thơ đầu, tôi nghe như vẫn có cái gì đó: nghịch lý (với tôi) có phải thế không nhà thơ?.

Dù sao, khi đọc xong tập thơ: *Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi* của nhà thơ Lâm Thúy, tôi có thể hình dung ra ngay được con người của nhà thơ (ít nhiều). Ngoài cái giản dị, chân chất trong những bài thơ, những câu thơ ra, tôi nghĩ Lâm Thúy chưa “ Tĩnh” nổi; vì “Tâm” còn “Động” ghê gớm với “Đời”. Bởi:

“ Thì em vậy đó: Tâm chưa tịnh
Lòng trần: Ái, ố vẫn còn nguyên”

Đã là con người làm sao tránh khỏi được cái “ tham, sân, si” của cuộc đời này. Nó như một ma lực cám dỗ. Nhưng, tôi lại chịu câu thơ này: *lúc khổ cũng mơ thuyền Bát Nhã*. Và: *vẫn thương người hơn thương ta* thì Lâm Thúy, có lẽ, tránh được những “ái, ố” tầm thường trong kiếp nhân sinh để trong lòng nhà thơ lúc nào cũng “ âm ỉ lửa hoan bi”.

Tóm lại, đây là một tập thơ dễ đọc, dễ thương, dễ gây trong lòng độc giả một “ ấn tượng” qua những ý, những lời thơ “mộc mạc” về quê hương, về con người, về kiếp sống... Nhưng lại dễ đi vào lòng người.



SAO BIỂN

Lục Bát Hải Phương

- *Chữ nghĩa xôn xao*
- *Cỏ cây bốc Lửa Tình*

Sau “Cám Ơn Tháng Giêng Biêng Biếc Ngực Em Cười.” Thi phẩm thứ tư của Hải Phương – lạ lùng, huyền hoặc và khó hiểu, nhưng lại đầy hấp lực bởi các thể thơ nhuộm màu siêu thực, đầy ẩn tượng mê hoang dục tình. Người đọc bị cuốn hút theo cái trí tưởng tượng “điên điên đại khờ” vốn là một phần đời của một số nhà thơ, nghệ sĩ... Trong đó có Hải Phương – người thi sĩ của núi, của rừng, của cát trắng, của biển mặn và của những dáng yêu ngực nở, vai tròn, chân dài, háng rộng... lại trở về với lục bát “tiền thân” xôn xao chữ nghĩa thuở nào:

“Một Thiên Thu Với Rộng Tà Áo Bay”

Đây là thi phẩm thứ 5, đậm nét bút pháp thi ca của riêng mình Hải Phương. Hãy đọc:

*“Màu trắng động võ càn khôn
Môi em động võ nộ hôn dật thì*

*Thiên thu động võ có khi
Tóc em gió rối chân đi lạc lìa*

*Nghe vời vợi biển võ khuya
Hồn ta động võ còn chia bãi bãi*

(Nghe Vời Vợi Biển Võ Khuya, Trang 12)

Quả thực người viết không hiểu hết ẩn ý của Tác giả khi ông giải bày: “Hồn ta động võ còn chia bãi bãi”, nhưng lại dậy sóng một cảm xúc cái ngọt ngào say đắm của lục bát: “Mầu trắng động võ còn khôn – Mối em động võ nụ hôn dậy thì”. Nói theo ngôn ngữ thi sĩ Hoàng Anh Tuấn thuở sinh thời là “Rất Hải Phương.”

Áng thơ lục bát tự thuở nào đã thấm sâu vào máu huyết, tình cảm của mỗi một người Việt Nam. Và mỗi một người Việt Nam nghiệm nhiên là một thi sĩ với lục bát của riêng mình, để tình tự với dấu yêu, với cỏ cây, hoa lá, với bạt ngàn gió trắng. Bằng bá Lân, Nguyễn Bính – Hai thi sĩ thời tiền chiến – đã mở thêm những cánh cửa cho “Lục bát” tuyệt vời lãng mạn, giữa hương đồng cỏ nội:

*“Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi”*

(B.B.L.)

*“Hoa chanh nở ở vườn chanh
Thầy u mình biết chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều”*

N.B

Hải Phương của những thập niên 60 và bây giờ của 2007, cũng đã bước vào cõi thơ lục bát tĩnh lặng một hồn quê, nồng nàn gió biển mặn trong cuộc hành trình thi ca mấy chục năm.

Hải Phương – người thi sĩ của tình yêu với những chia lìa run rẩy ở một sân ga đời buồn bã, sau những bất hạnh theo vận nước... đã bám víu lấy “lục bát” xanh mầu kỷ niệm để làm lẽ sống, để ghi lại những ân tình trong đời với dấu yêu một thuở:

*“Ra tù ngẩn bước lai rai
Phố khuya buồn nỗi đêm dài cô thân
Ta về Em bước tản ngẩn*

Nắng pha cổ tích dấu chân bụi mờ

*Ta về cơn áo bơ vơ
Phù vân nguyệt xế loạn bờ biển dâu
Ta về đâu thấy gì đâu
Thấy con phố cũ rêu mầu chiêm bao*

*Ta về lỡ chuyển ngựa thơ
Ráo con mắt ngó lệ khô đầm đìa”*

(Khi Ra Tù Trở Về Sài Gòn 1985, Trang 11)

Đọc lục bát Hải Phương qua nghệ thuật gieo vần “Nắng pha cổ tích” hay “Phù vân nguyệt xế...” chợt thấy một cảm giác lạ như nghe tiếng gió trăng từ một bức cổ họa Đông Phương ở một góc tường khuất kín. Thêm vào đó cái cách sử dụng từ ngữ, đảo ngược cú pháp, bình bông trong lục bát Hải Phương, đã làm cho thể thơ lục bát thoát ra khỏi ảnh hưởng của ca dao, phong dao V.N. mà

Nguyễn Bính đã hòa nhập trong “Lỡ Bước Sang Ngang” – Nói như vậy người viết nghĩ rằng Hải Phương muốn mở thêm một cánh cửa cho lục bát phong phú, phóng khoáng hơn trong những suy tưởng về thân phận và đời sống. Hay nói cho đúng hơn, Hải Phương muốn hình thành một khuynh hướng lục bát mang dấu ấn Hải Phương. Riêng với người viết ông đã đạt được những âm điệu trữ tình của Lục Bát để chuyển đến những người đọc thơ ông: “Một Thiên Thu Với Rộng Tà Áo Bay” về một nơi chốn đã bú mớm, cứu mang mình thuở thiếu thời. Nơi chốn mà thi sĩ đã xót tình những vòng hoa tưởng tiếc tuổi xanh xuân, với bao nhiêu những lãng mạn đắm say, ngơ ngẩn về một khóe mắt thăm thẳm mù khơi, về một hồn biển nồng nàn nhiều gió trắng và cả những đêm ngây ngất thơm mùi tóc liễu:

*“Một lần ghé lại Nha Trang
Quán em như thể đêm vàng biển ca
Thì thôi quán cũng như nhà
Có em và biển như là cố nhân*

*Một giây một phút một lần
Có em và biển lại gần gũi thêm
Biển trong em, biển trong đêm
Biển trong ta suốt xanh êm dịu dàng*

*Thôi người ở lại Nha Trang
Để ta tìm phút đa mang cõi người
Biển ca tình biển không lời
Sao con sóng nhỏ bồi hồi biển xưa.”*

(Biển Ca, Trang 90, 91)

Bằng ấy những kỷ niệm chồng chất một quá khứ phiêu bồng và một quá khứ đa dạng, nhiều hệ lụy từ thuở hoa niên ở thành phố miền biển cát trắng tinh khôi, đến khi vào chủng viện tìm thanh vắng dưới bóng thánh giá, rồi lại dấn thân vào cõi hồng trần đầy sức quyến rũ, nhưng cũng đầy chông gai, bóng quỷ... Thi sỹ Hải Phương vẫn giữ gìn một hồn thơ như đá thiên thu. Không một phần uất, không một gào thét, không một bi thảm trước phận mình, phận đời riêng chung... Thơ ông vẫn rực rỡ một khát vọng thương yêu vô bờ:

*“Tóc xao vừa độ nắng hong”
Gió hiu hiu đủ phiêu bồng mái hiên
Liềm trăng lục bát nghe thềm
Trầm hương cỏ mượt môi em dậy thì*

*Nét mày vẽ một đường thi
Tuyệt chiêu em nước cờ đi qua thành
Mềm môi cắn một lần ranh
Nụ hôn vỡ vụn tan nhanh miếng sầu...”*

(Chân Dung Mùa Xuân Và Biển, Trang 55)

Trong tựa đề viết về “Một Thiên Thu Với Rộng Tà Áo Bay” của Hải Phương người viết thẩm định một cách chủ quan, có thể ông và những người yêu thơ ông không đồng ý lắm rằng: “Lục bát Hải Phương xôn xao chữ nghĩa, và làm cho đất trời cỏ cây cũng bốc lửa tình... Bởi dường như, đó là sự bộc lộ âm thầm về một ẩn ức sinh lý và từ ảnh hưởng của những triết thuyết mà ông đã đọc, đã học và đã nghiền ngẫm, nên ông đã phả vào thơ:

*“Đất nằm trời khỏa thân ra
Tiếng đêm dạo khúc thịt da mưa dầm
Tóc khuya gió núi âm âm
Bước chân cỏ rồi trăng đầm đĩa sương*

*Ta ngồi cột mở vô thường
Chẻ tơ tóc vụn đất thương nhớ trời
Đất nằm trời khỏa thân mời
Sớm hôm nhật nguyệt gieo đời trở bóng...”*

(Mái Hiên Ngôn Ngữ Võ Trang Trống Rền, Trang
102)

Đọc hai đoạn lục bát trên, với những cấu trúc tâm sinh lý chuyển biến dưới đêm trăng, người đọc không thể không khao khát đến một khoảnh khắc ái ân mơ hồ vừa thức dậy. Hải Phương là một thi sỹ và cũng là một nghệ sỹ đích thực, khơi khơi giữa dòng đời. Con người ông cuộc đời không phóng túng, nhưng tâm hồn ông thì chìm đắm trong hoan lạc mê cuồng. Viết đến đây người viết chợt bắt gặp một nhận định sắc bén của nữ ca sỹ Quỳnh Giao, trong một bài viết về nhạc sỹ Dương Thiệu Tước: “... Dương Thiệu Tước là người viết ca khúc kêu gọi nhất từ thời tiền chiến, thời phôi thai của tân nhạc cải cách...”

... Bài “Dưới Ánh Trăng” của Dương Thiệu Tước là ca khúc mang rất nhiều ẩn dụ âm dương:

*“Anh như ánh trăng thanh”
Em như hoa trên cành
Trăng lồng hương sắc thấm
Âu yếm cho một tàn canh”*

Ánh trăng mà ái ân với nụ hoa đầu cành, không là nghệ sỹ giàu trí tưởng tượng thì ít ai nghĩ ra! Chữ “lồng” của ông trong đoạn mở đầu quả là đắt. Đông phương thời xưa vốn không nghèo ý lạ thì cũng phải chịu chữ này...” (trích V. Time)

Ôi! nhạc sỹ, văn sỹ, thi sỹ... Tất cả những người nghệ sỹ trên cõi đời này đều cùng chung một đích điểm: Tình yêu. Và tình yêu, thanh khiết hoặc thác loạn được thể hiện và giải bày trong bút pháp đa tình của mỗi người. Riêng với Thi sỹ Hải Phương, thơ ông không rời xa bóng dáng người nữ trong toàn tập thi phẩm: “Một Thiên Thu với rộng tà áo bay”. Ông ca tụng chân dung người nữ lộ lộng cùng ánh trăng. Ông thăng hoa ái ân, tìm kiếm nhục cảm trong tiềm thức, bằng ngôn ngữ thi ca mới lạ, mà ông sáng tạo trong ngẫu hứng:

*“Cũng là Em vòng tay đưa
Thả hương trong gối bỏ bùa trong chăn
Thả mây trong tóc phân vân
Lùa ta vào cõi phù trần có em*

*Cũng là em miếng môi diên
Ngậm vành trăng xế khúc phiên hồ cầm
Mắt nhìn lười bửa lạng cầm
Môi hôn tiền kiếp nín âm vọng về...”*

(Cổ Chiêm Bao Nhẹ Đầm Đìa Giọt Sương, Trang
44, 45)

Đọc thơ Hải Phương từ những thi khúc siêu thực vượt qua niêm luật thi ca cổ điển, đến lục bát rất “độc” của ông,

người đọc có thể không chấp nhận cái quan niệm phóng túng, hiện thực trải dài trong thơ ông, nhưng khó có thể phủ nhận cái nhạc tính rung lên theo ý Thơ, qua cú pháp mà ông sử dụng để diễn đạt tâm trạng và tư tưởng. Hiện tượng này được thấy rõ qua những khúc “CoDa”, những cung “mi” trầm, những trường canh “Sibémol” sâu lắng, của Lâm Tuyền, của Châu Kỳ, của Đức Quỳnh, dễ dàng phổ nhạc vào thơ ông. Phải nói rằng thơ Hải Phương được các nhạc sĩ tài hoa đầy huyền thoại trong âm nhạc Việt Nam, chấp cho đôi cánh nhạc, để cho thơ ông bay bổng về cuối trời mơ ước của riêng ông và của những độc giả yêu thơ ông.

Nhìn lại quá trình sáng tác của Hải Phương, khởi đi từ đầu thập niên 60 cho đến bây giờ của 2007, người thi sỹ của miền Thùy Dương Cát Trắng – đưa con phiêu bồng lãng tử của Nha Trang – đã hiến dâng cho văn học sử Việt Nam 5 thi phẩm thật rực rỡ.

Trong sự nghiệp của một đời người – Không, của một thi sỹ – bằng ấy thi phẩm được chau chuốt nâng niu từng con chữ, thiết tưởng rằng cũng đã thừa vốn liếng để Hải Phương tiếp tục cuộc rong chơi trên những chặng đường thi ca trong mai hậu.

Sao Biển 07

“Đông Tàn”

Liên lạc:

Tòa soạn:

**P.O Box 58
South Bound Brook
NJ 08880**

E mail:

Trần Hoài Thư: tranhoaitu@verizon.net

Phạm Văn Nhân: phamvannhan1942@yahoo.com

